**ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP**



**TÀI LIỆU KHAI THÁC**

**SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH**

**(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHK**

**ngày ….. tháng ….. năm 2019 của Cục Hàng không Việt Nam)**

****

**Mã số:------------**

**Tháng /2019**

**MỤC LỤC**

[MỤC LỤC 2](#_Toc525120125)

[DANH MỤC PHÂN PHỐI TÀI LIỆU 5](#_Toc525120126)

[GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH 6](#_Toc525120127)

[DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN 7](#_Toc525120128)

[GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 8](#_Toc525120129)

[CHƯƠNG I 12](#_Toc525120130)

[QUI ĐỊNH CHUNG 12](#_Toc525120131)

[1 Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay Quốc tế Cam Ranh 12](#_Toc525120132)

[2 Các căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn 14](#_Toc525120133)

[3 Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu 17](#_Toc525120134)

[4 Các điều kiện chung để khai thác sân bay Quốc tế Cam Ranh 18](#_Toc525120135)

[5 Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo 21](#_Toc525120136)

[6 Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh 23](#_Toc525120137)

[7 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh. 24](#_Toc525120138)

[CHƯƠNG II 25](#_Toc525120139)

[THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH 25](#_Toc525120140)

[1 Tên Cảng hàng không: 25](#_Toc525120141)

[2 Vị trí cảng hàng không. 26](#_Toc525120142)

[3 Tọa độ điểm quy chiếu sân bay 27](#_Toc525120143)

[4 Mức cao sân bay và địa thế cảng hàng không 28](#_Toc525120144)

[5 Cấpcứu hỏa sân bay: 29](#_Toc525120145)

[6 Nhiệt độ tham chiếu tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh 30](#_Toc525120146)

[7 Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24) của Người khai thác Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh 31](#_Toc525120147)

[8 Các loại bản vẽ, bản đồ, sơ đồ. 32](#_Toc525120148)

[CHƯƠNG III 34](#_Toc525120153)

[CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH 34](#_Toc525120154)

[1 Đường cất hạ cánh 34](#_Toc525120155)

[2 Đường lăn 37](#_Toc525120156)

[3 Sân đỗ 38](#_Toc525120157)

[4 Đài kiểm soát không lưu/đài kiểm soát tại sân và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu 39](#_Toc525120158)

[5 Thông tin về các thiết bị phù trợ dẫn đường, bao gồm: 40](#_Toc525120159)

[6 Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến. 42](#_Toc525120160)

[7 Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất 43](#_Toc525120162)

[8 Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay 44](#_Toc525120163)

[9 Hệ thống giao thông trong khu bay 45](#_Toc525120164)

[10 Hạ tầng bảo vệ môi trường 46](#_Toc525120165)

[11 Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm cho tàu bay 47](#_Toc525120166)

[12 Hệ thống cấp điện trong khu bay 48](#_Toc525120167)

[13 Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay 49](#_Toc525120168)

[13.1 Hệ thống cấp nước sạch sử dụng tại khu bay, quy định về kiểm tra chất lượng 49](#_Toc525120169)

[13.2 Hệ thống thoát nước 49](#_Toc525120170)

[14 Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không 50](#_Toc525120171)

[14.1 Hàng rào đảm bảo an ninh vành đai sân bay 50](#_Toc525120172)

[14.2 Vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn (barrier), cửa tại cảng hàng không 50](#_Toc525120173)

[15 Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không 52](#_Toc525120174)

[16 Hệ thống chiếu sáng 55](#_Toc525120175)

[16.1 Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ 55](#_Toc525120176)

[16.2 Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra/vào 55](#_Toc525120177)

[16.3 Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng 55](#_Toc525120178)

[17 Các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không 56](#_Toc525120179)

[18 Các thông tin đặc biệt cần lưu ý 58](#_Toc525120181)

[19 Danh mục không đáp ứng 59](#_Toc525120183)

[CHƯƠNG IV 60](#_Toc525120184)

[QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY 60](#_Toc525120185)

[1 Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay 60](#_Toc525120187)

[2 Các biện pháp đảm bảo an ninh 61](#_Toc525120206)

[3 Kế hoạch khẩn nguy sân bay 62](#_Toc525120207)

[4 Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay 63](#_Toc525120208)

[5 Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay 67](#_Toc525120209)

[6 Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay 69](#_Toc525120210)

[7 An toàn thi công xây dựng 74](#_Toc525120211)

[8 Quản lý sân đỗ tàu bay 81](#_Toc525120212)

[9 Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ 86](#_Toc525120214)

[10. Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay 90](#_Toc525120216)

[11. Quản lý các nguy cơ mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra 97](#_Toc525120217)

[12. Quản lý chướng ngại vật hàng không 102](#_Toc525120219)

[13. Di chuyển tàu bay hư hỏng 105](#_Toc525120220)

[14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm 112](#_Toc525120221)

[15. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế 113](#_Toc525120222)

[16. Đảm bảo hoạt động của các thiết bị dẫn đường 114](#_Toc525120227)

[17. Khí tượng hàng không 115](#_Toc525120228)

[18. Quản lý môi trường tại sân bay 116](#_Toc525120230)

[19. Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh 120](#_Toc525120231)

[CHƯƠNG V 121](#_Toc525120184)

[TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG SÂN BAY 12](#_Toc525120185)1

[1. Tổ chức hành chính của Người khai thác Cảng hàng không 121](#_Toc525120232)

[2. Hệ thống quản lý an toàn 127](#_Toc525120233)

[PHỤ LỤC 1A: KẾ HOẠCH KHẨN NGUY SÂN BAY 128](#_Toc525120247)

[PHỤ LỤC 1B: TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN 179](#_Toc525120248)

**DANH MỤC PHÂN PHỐI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu** | **Số lượng** | **Mã số** |
|  | Cục Hàng không Việt Nam | 05 | 01 |
|  | Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung tại Cam Ranh | 02 | 02 |
|  | Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh | 01 | 02 |
|  | Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Cam Ranh | 01 | 02 |
|  | Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế Khánh Hòa | 01 | 02 |
|  | Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP | 02 | 03 |
|  | Ban Giám đốc Cảng (gom 1 đầu mối) | 03 | 03 |
|  | Văn phòng Cảng | 01 | 03 |
|  | Phòng Kế hoạch – Tài chính | 01 | 03 |
|  | Phòng Điều hành khai thác sân bay | 02 | 03 |
|  | Phòng An ninh hàng không | 02 | 03 |
|  | Phòng Kỹ thuật | 02 | 03 |
|  | Trung tâm kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh | 02 | 04 |
|  | Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh | 01 | 04 |
|  | Các hãng hàng không hoạt động tại Cảng HKQT Cam Ranh(chỉ liệt kê các hãng việt nam) | 15 | 05 |
|  | Trung đoàn 920 Không quân | 01 | 06 |
|  | Lữ đoàn 954 quân chủng Hải quân | 01 | 06 |
|  | Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh (CRTC) | 01 | 07 |
|  | Tổ Kỹ thuật máy bay – Công ty TNHH kỹ thuật máy bay (VAECO) | 01 | 07 |
|  | Chi nhánh Cam Ranh Công ty TNHH dịch vụ bảo trì máy bay miền Nam (SAAM) | 01 | 07 |
|  | Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang (SKYPEC) | 01 | 07 |
|  | Chi nhánh tại Cam Ranh - Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) | 01 | 07 |
|  | Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn- Cam Ranh (SAGS) | 01 | 07 |
|  | Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất hàng không (AGS) | 01 | 07 |
|  | Công ty cổ phần dịch vụ sân bay quốc tế Cam Ranh (CIAS) | 01 | 07 |
|  | Chi nhánh Cam Ranh – Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) | 01 | 07 |
|  | Chi nhánh Cam Ranh – Công ty cổ phần dịch vụ suất ăn hàng không Việt Nam (VINACS) | 01 | 07 |
|  | Đài VOR/DME – Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay Việt Nam | 01 | 07 |
|  | Dự phòng | 05 | 08 |
| **Tổng cộng** | | **58** | |

# GHI NHẬN CÁC TU CHỈNH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày cập nhật** | **Tên các hạng mục và trang thay đổi** | **Ngày thay đổi** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày kiểm tra** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả kiểm tra** | **Tên người**  **(tổ chức) kiểm tra** | **Đại diện Người khai thác CHK, SB** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# 

# GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **Thuật ngữ**
2. An ninh hàng không: là việc sử dụng kết hợpcác biện pháp, nguồn nhân lực, trang bị, thiết bị để phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay và những người dưới mặt đất.
3. Bề mặt giới hạn chướng ngại vật: là bề mặt giới hạn độ cao tối đa của các vật thể bảo đảm an toàn cho tàu bay thực hiện các giai đoạn cất cánh, bay lên, bay theo các đường bay, vòng lượn, hạ thấp độ cao, hạ cánh; bảo đảm hoạt động bình thường cho các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.
4. Chỉ số phân cấp mặt đường *(Pavement Classification Number - PCN):* là chỉ số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường khi tàu bay hoạt động không hạn chế trên nó.
5. Chỉ số phân cấp tàu bay *(Aircraft Classification Number - ACN):* là chỉ số biểu thị tác động tương đối của tàu bay lên mặt đường tương ứng với một cấp nền đường tiêu chuẩn.
6. Chướng ngại vật hàng không (Obstacle): là tất cả những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các đài, trạm thông tin, ra đa dẫn đường hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.
7. Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point) là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.
8. Đường giao thông nội bộ trong sân bay là đường để các phương tiện di chuyển trong khu bay, không bao gồm tàu bay.
9. Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không là đường giao thông trong ranh giới cảng hàng không, không bao gồm đường giao thông do địa phương quản lý và đường giao thông nội bộ trong sân bay.
10. Đường cất hạ cánh (Runway) là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.
11. Đường lăn (Taxiway): là tuyến đường sử dụng cho tàu bay lăn từ khu vực này đến khu vực khác của cảng hàng không theo một đường đã định sẵn.
12. Khu bay (Airfield) là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn, bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.
13. Khu vực bảo hiểm cuối đường cất hạ cánh (RESA) (Runway end safety area) là khu vực nằm đối xứng ở hai bên đường tim kéo dài của đường cất hạ cánhtiếp giáp với cạnh cuối đường cất hạ cánhnhằm giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi nó chạm bánh trước đường cất hạ cánhhoặc chạy vượt ra ngoài đường cất hạ cánh.
14. Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aircraft Safety Area on the Parking) là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh vị trí đỗ của tàu bay.
15. Khu vực hạn chế: là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào và hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không.
16. Lề đường (Shoulder) là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.
17. Mã hiệu sân bay (Aerodrome Reference Code): là mã chuẩn sân bay theo các tiêu chí được quy định tại mục 1.7 Phụ lục 14 của Công ước Chicago, gồm 2 thành phần:

Thành phần 1: “Mã số” từ 1 đến 4 được xác định căn cứ vào giá trị chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó.

Thành phần 2: “Mã chữ” từ A đến F được xác định căn cứ vào chiều dài sải cánh tàu bay và khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay.

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay: là tổ chức được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.
2. Sân đỗ tàu bay (Apron) là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, bưu gửi, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo dưỡng tàu bay.
3. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay: là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.
4. Vật phẩm nguy hiểm là vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất nổ, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay.
5. Vị trí chờ lên đường cất hạ cánh (Runway - Holding position) là vị trí được lựa chọn trên đường lăn hoặc khu vực tới hạn của hệ thống thiết bị ILS mà ở đó tàu bay và phương tiện đang vận hành phải dừng lại chờ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu cho phép lăn tiếp, nhằm mục đích đảm bảo an toàn khai thác cho đường cất hạ cánh, không ảnh hưởng đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật.
6. **Chữ viết tắt**
7. ACN (Aircraft Classification Number): Số phân cấp tàu bay
8. ACC (Area Control Centre): Trung tâm kiểm soát đường dài.
9. ACV (Airports Corporation of Vietnam): Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
10. AD WRNG (Aerodrome Warning): Điện văn cảnh báo thời tiết cảng hàng không.
11. AFTN (Aeronautical Fixed Telecommunications Network): Mạng viễn thông cố định hàng không
12. AMHS (Air Traffic Service Message Handling System): Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu.
13. AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo Hàng không.
14. AIS (Aeronautical Information Service): Dịch vụ thông báo tin tức hàng không
15. AMSL (Above mean sea level): Trên mực nước biển trung bình
16. APP (Approach Control Unit): Cơ sở kiểm soát tiếp cận
17. ARO (ATS Reporting office): Phòng Thủ tục bay
18. ASDA (Accelerated - Stop Distance Available): Cự ly có thể dừng khẩn cấp
19. ATS (Air traffic servies): Dịch vụ không lưu
20. ATIS (Automatic Terminal Information Service): Dịch vụ thông báo tự động trong khu vực sân bay.
21. AWOS (Automated Weather Observing System): Hệ thống quan trắc khí tượng tự động
22. AWB (Airway Bill): Vận đơn hàng không.
23. CAAV (Civil Aviation Administration of Vietnam): Cục Hàng không Việt Nam
24. CAT (Category): Cấp.
25. CHC: Cất hạ cánh.
26. DME (Distance Measuring Equipment): Thiết bị đo cự ly.
27. DVOR (Doppler VOR): Đài VOR theo nguyên lý Đốp-lơ
28. HK: Hàng không
29. HKDD: Hàng không dân dụng
30. HKQT: Hàng không quốc tế
31. HTQLAT: Hệ thống Quản lý an toàn
32. GP (Glide Path): Đài chỉ góc hạ cánh thuộc hệ thống ILS.
33. ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức HKDD Quốc tế.
34. ILS (Instrument Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng khí tài.
35. KSANHK: Kiểm soát an ninh Hàng không.
36. KT (Knot): đơn vị đo tốc độ gió bằng dặm/giờ.
37. LDA (Landing Distance Available): Cự ly sử dụng để hạ cánh.
38. LLZ (Localizer): Đài hướng.
39. MET Report: Bản tin khí tượng.
40. METAR (Routine Observation and Reports): Bản tin báo cáo thời tiết thường lệ tại cảng hàng không, sân bay.
41. MSL (Mean Sea Level): So với mực nước biển trung bình.
42. MTOW (Maximum Take - Off Weight): Trọng tải cất cánh tối đa.
43. MWO (Meteorological Watch Office): CSCCDV cảnh báo thời tiết.
44. NDB (Non - Directional Beacon): Đài dẫn đường vô hướng sóng trung.
45. NOTAM (Notice To Airmen): Thông báo cho người lái.
46. OPMET (Operational Meteorological Information): Số liệu khí tượng khai thác.
47. PAPI (Precision Approach Path Indicator): Hệ thống đèn chỉ thị đường trượt tiếp cận chính xác
48. PCCC: Phòng cháy chữa cháy
49. PCN (Pavement Classification Number): Số phân cấp tầng phủ (bề mặt).
50. PIB (Pre Flight Information Bulletin): Bản tin thông báo trước chuyến bay.
51. PSR (Primary Surveillance Radar): Rađa giám sát sơ cấp.
52. QFE (Atmospheric Pressure at Aerodrome elevation or at runway threshold): Áp suất khí quyển tại mức cao cảng hàng không, sân bay hoặc tại ngưỡng đường CHC
53. QNH (Altimeter sub-scale setting to obtain elevation when on the ground): Khí áp quy về mực nước biển trung bình theo khí quyển chuẩn ICAO.
54. QTV: Quan trắc viên.
55. RESA (Runway End Safety Areas): Bảo hiểm đầu đường CHC
56. RVR (Runway Visual Range): Tầm nhìn đường cất hạ cánh.
57. RWY (Runway): Đường cất/hạ cánh
58. SIGMET (Significant Meteorological Information): Bản tin cảnh báo do CSCCDV cảnh báo thời tiết liên quan đến sự xuất hiện hay dự kiến sẽ xuất hiện của các hiện tượng thời tiết trên đường bay và có khả năng uy hiếp an toàn bay.
59. SSR (Secondary Surveillance Radar): Rađa giám sát thứ cấp.
60. SYNOP: Số liệu khí tượng bề mặt 3 giờ/lần.
61. TAF AMD (Amendment Aerodrome Forecast): Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay được bổ sung.
62. TAF (Aerodrome Forecast): Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay.
63. TBTTHK: Thông báo tin tức hàng không
64. TKCN: Tìm kiếm cứu nạn
65. TRAC (Terminal Radar Approach Control): Rađa kiểm soát tiếp cận.
66. TREND: Dự báo thời tiết sân bay có hiệu lực dưới 2 giờ từ thời điểm quan trắc
67. TORA (Take Off Run Available): Đoạn chạy lấy đà có thể sử dụng.
68. TODA (Take Off Distance Available): Cự ly có thể cất cánh.
69. TWR (Tower): Đài kiểm soát tại sân bay.
70. VPTTAT: Văn phòng thường trực an toàn
71. ULD (Unit of Loading Device): Thiết bị chất xếp.
72. UPS (Uninterruptible Power Supplier): Nguồn cung cấp điện liên tục
73. VOR (VHF Ommidirectional Radio Range): Đài vô tuyến vạn hướng sóng VHF
74. WAFC (World Area Forecast Center): Trung tâm dự báo thời tiết toàn cầu.
75. WAFS: Số liệu, sản phẩm dự báo thời tiết toàn cầu.
76. WGS-84 (World Geodetic System 1984): Hệ trắc địa toàn cầu năm 1984.
77. WMO (World Meteorological Organization): Tổ chức khí tượng Thế giới.
78. WS WRNG (Wind Shear Warning): Điện văn cảnh báo hiện tượng gió đứt tầng thấp.

**CHƯƠNG I**

**QUI ĐỊNH CHUNG**

1. **Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác sân bay Quốc tế Cam Ranh**
   * 1. Mục đích:

* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cam Ranh là căn cứ để Cục Hàng không Việt Nam thực hiện quy trình thẩm định, cấp Giấy chứng nhận khai thác Cảng hàng không, sân bay Quốc tế Cam Ranh theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Điều 39 Thông tư số 17/2016/ TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cam Ranh là cơ sở để các cơ quan chức năng, lực lượng Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay của Cục Hàng không Việt Nam lập danh mục kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, khuyến nghị, các quy trình khai thác và chất lượng dịch vụ được cung cấp tại sân bay. Việc kiểm tra, giám sát sẽ được thực hiện trong quá trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay Quốc tế Cam Ranh và trong quá trình hoạt động khai thác thực tế.
* Tài liệu khai thác sân bay – Cảng HKQT Cam Ranh cung cấp các thông tin và hướng dẫn cần thiết thông qua việc mô tả các Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ làm cơ sở cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay Quốc tế Cam Ranh tham chiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
  + 1. Yêu cầu:
* Các thông tin trong tài liệu đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của các tổ chức quốc tế: ICAO, IATA, ACI…,các quy định, tài liệu hướng dẫn khác của Việt Nam, để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu bay và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng cảng hàng không, sân bay.
* Lập Danh mục không đáp ứng trong Tài liệu khai thác sân bay đối với các hạng mục công trình không đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn khai thác theo quy định.
* Tài liệu khai thác sân bay– Cảng HKQT Cam Ranh phải được cập nhật các nội dung thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Cảng HKQT Cam Ranh của tàu bay và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng cảng hàng không, sân bay.
  + 1. Phạm vi áp dụng:
* Áp dụng cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không Miền Trung, Người khai thácCảngHKQT Cam Ranh, các đơn vị có liên quan đến hoạt động bay và các đơn vị cung cấp dịch vụ tại Cảng HKQT Quốc tế Cam Ranh.

1. **Các căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn**
2. Căn cứ pháp lý

* Luật hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014.
* Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013.
* Luật số 33/2013/QH13 của Quốc hội về Luật phòng, chống thiên tai.
* Luật số 55/2014/QH13 của Quốc hội về Bảo vệ môi trường.
* Nghị định 75/2007/N Đ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.
* Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
* Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ Quy định về An ninh hàng không.
* Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ Quy định về Quản lý hoạt động bay.
* Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ Quy định về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.
* Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/07/2017 của Chính phủ Quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.
* Nghị định 44/NĐ-CP ngày 13/03/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
* Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.
* Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.
* Thông tư số 34/2014/TT-BGTVT ngày 11/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành QCVN “Sơn tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay”.
* Thông tư 28/2010/TT-BGTVT ngày 13/09/2010 Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến baychuyên cơ và Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT ngày 24/9/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2010/TT-BGTVT ngày 13/09/2010 Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.
* Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng; Thông tư 02/2018/TT-BGTVT ngày 09/01/2018 của Bộ GTVT quy định ngưng hiệu lực một phần thông tư số 45/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ GTVT quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng An ninh hàng không dân dụng.
* Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư 51/2018/TT-BGTVT ngày 19/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
* Thông tư số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng không dân dụng.
* Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.
* Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25/08/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không.
* Thông tư số 04/2018/TT-BGTVT ngày 23/01/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.
* Quyết định số 26/2007/QĐ-BGTVT ngày 23/5/2007 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành Quy chế tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng.
* Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng không dân dụng;
* Quyết định số 349/QĐ-BGTVT ngày 05/02/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình an toàn đường cất hạ cánh.
* Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.
* Quyết định số 16/2017/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vị can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.
* Quyết định số 1272/QĐ-CHK ngày 09/6/2017 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay và Tài liệu khai thác công trình.

1. Tài liệu viện dẫn:

Các tài liệu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO:

* Phụ ước 2 về Quy tắc bay;
* Phụ ước 4 về Bản đồ, sơ đồ hàng không;
* Phụ ước 5 về Đơn vị đo lường hàng không;
* Phụ ước 10 về Thông tin liên lạc hàng không;
* Phụ ước 11 về Dịch vụ điều hành bay;
* Phụ ước 12 về Tìm kiếm cứu nạn;
* Phụ ước 13 về Điều tra sự cố và tai nạn tày bay;
* Phụ ước 14 về Tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành (SARPs) về thiết kế và khai thác sân bay;
* Phụ ước 15 về Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;
* Phụ ước 17 về An ninh hàng không;
* Phụ ước 19 về Quản lý an toàn cảng hàng không của ICAO;
* Sổ tay hướng dẫn cấp chứng chỉ sân bay (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;
* Sổ tay hướng dẫn Thông báo tin tức Hàng không (Doc 8126 ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn an ninh bảo vệ hàng không dân dụng ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Doc 8973ICAO );
* Sổ tay hướng dẫn quản lý an toàn (Doc 9859-AN/474- ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn về các dịch vụ sân bay (Doc 9137-ICAO);
* Sổ tay hướng dẫn thiết kế sân bay (Doc 9157/AN901 ICAO);

1. **Quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu**
   1. Đơn vị có trách nhiệm quản lý, theo dõi cập nhật các nội dung liên quan đến thay đổi của tài liệu:

* Phòng Điều hành khai thác sân bay - Cảng HKQT Cam Ranh là đơn vị có trách nhiệmtheo dõi cập nhật các nội dung liên quan đến thay đổi của tài liệu khai thác sân bay - Cảng HKQT Cam Ranh.
* Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh – Phường Cam nghĩa - Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
* Điện thoại: 02583989909
* Fax: 02583989906
* Email: pdhktcxr@gmail.com
  1. Quy trình cập nhật, bổ sung tài liệu
* Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh phải kiểm tra, rà soát các thay đổi trong tài liệu (các nội dung thay đổi đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản), báo cáo Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP trình Cục HKVN xem xét phê duyệt để tu chỉnh tài liệu theo quy định. Những nội dung bổ sung tu chỉnh trong tài liệu sau khi được Cục HKVN phê duyệt phải được thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện;
* Bản bổ sung tu chỉnh phải được ghi nhận vào trang “Ghi nhận các tu chỉnh” và đính kèm tài liệu;

1. ~~Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cảng HKQT Cam Ranh:~~

* ~~Trong quá trình khai thác nếu có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nào về cơ cấu tổ chức nhân sự; kết cấu hạ tầng Cảng hàng không, sân bay; dịch vụ cung cấp; quy trình khai thác; hệ thống quản lý an toàn... các cơ quan, đơn vị liên quan phải gửi nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung về Phòng Điều hành khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranh trước thời hạn tu chỉnh 30 ngày;~~

1. ~~Phòng Điều hành khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranh:~~

* ~~Tổng hợp những đề nghị sửa đổi, bổ sung của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị để báo cáo Lãnh đạo Cảng HKQT Cam Ranh cho thẩm định những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung trong tài liệu khai thác Cảng HKQT Cam Ranh trước thời hạn tu chỉnh ít nhất 15 ngày;~~
* ~~Tham mưu cho lãnh đạo Cảng lập công văn đề nghị Cục Hàng không Việt Nam tu chỉnh tài liệu khai thác Cảng HKQT Cam Ranh. Đề nghị tu chỉnh cần nêu rõ trang, hạng mục và nội dung sửa đổi, bổ sung;~~
* ~~Nhận Quyết định của Cục Hàng không Việt Nam về việc tu chỉnh tài liệu khai thác Cảng HKQT Cam Ranh và triển khai ngay cho đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu theo Danh sách phân phối tài liệu để cập nhật tu chỉnh.~~

1. ~~Đơn vị, cá nhân sử dụng Tài liệu:~~

* ~~Thủ trưởng đơn vị sử dụng Tài liệu phải phân công người cập nhật Tài liệu cụ thể;~~
* ~~Người cập nhật Tài liệu và cá nhân sử dụng Tài liệu sau khi nhận được Quyết định của Cục Hàng không Việt Nam về việc tu chỉnh tài liệu khai thác Cảng HKQT Cam Ranh phải tiến hành thay các trang cũ bằng các trang mới tu chỉnh cập nhật, và ghi chép đầy đủ các thông tin trong Trang ghi nhận các tu chỉnh của Tài liệu.~~

~~3.2.4 Thời gian cập nhật, bổ sung tài liệu:~~

* ~~Việc tu chỉnh toàn bộ tài liệu khai thác sân bay - Cảng HKQT Cam Ranh được thực hiện 1 năm/lần vào Qúy IV hàng năm. Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh có trách nhiệm rà soát các nội dung thay đổi bổ sung trong tài liệu (các nội dung thay đổi phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận bằng văn bản), báo cáo Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP trình Cục HKVN xem xét phê duyệt theo quy định. Những nội dung bổ sung tu chỉnh trong tài liệu sau khi được Cục HKVN phê duyệt phải được thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.~~
* ~~Các nội dung thay đổi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cần phải bổ sung ngay vào Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranh. Sau khi có văn bản phê duyệt của Cục HKVN đối với nội dung thay đổi liên quan đến Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranh, Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh chịu trách nhiệm ban hành bản bổ sung, tu chỉnh để cập nhật các nội dung thay đổi vào Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranh, báo cáo bằng văn bản đến Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; Bản bổ sung tu chỉnh tạm thời được in trên giấy màu vàng và hết hiệu lực ngay sau khi đã tu chỉnh toàn bộ Tài liệu khai thác sân bay Cảng HKQT Cam Ranhtheo chu kỳ 01 lần/năm.~~
* ~~Các quyết định tạm thời của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranhvà Tổng công ty Cảng HKVN-CTCP phải được ghi nhận vào trang “Ghi nhận các tu chỉnh” và đính kèm tài liệu.~~

1. **Các điều kiện chung để khai thác sân bay Quốc tế Cam Ranh**
2. Tính chất khai thác

* Sân bay Cam Ranh là sân bay dùng chung hàng không dân dụng kết hợp với quân sự tiếp nhận các chuyến bay quốc tế/nội địa thường lệ, không thường lệ,các loại tàu bay tư nhân, các loại tàu bay quân sự và các loại tàu bay khác khi được cấp phép khai thác.
* Sân bay Cam Ranh là sân bay cấp 4E theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay cấp I theo tiêu chuẩn Quân sự; Có khả năng khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống (B777, B757, A350, A330…)

~~- Sân bay Cam Ranh có khả năng tiếp thu các loại tàu bay có chỉ số ACN tương đương với chỉ số PCN của đường CHC 02R/20L là 66/R/A/W/T.~~

1. Giờ hoạt động, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của các cơ quan hoạt động tại Cảng HKQT Cam Ranh:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên cơ quan, đơn vị** | | **Địa chỉ** | **Giờ hoạt động** | **Số điện thoại** |
| **A** |  | **Cơ quan quản lý nhà nước** | | | |
|  | Đại diệnCảng vụ Hàng không miền Trung tại Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0901.144.374  DĐ: 0904.414.776 |
|  | Công an cửa khẩu cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0945.293.293  DĐ: 0916.003.737 |
|  | Chi cục Hải quan sân bay QT Cam Ranh | |  | 24/24 | DĐ: 0812.039.999 |
|  | Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế tỉnh Khánh Hòa | |  | 24/24 | DĐ: 0903.590.813 |
| **B** |  | **Người khai thác cảng hàng không, sân bay** | | | |
|  | Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | 02583.989999  DĐ: 0903.586219 |
|  | Trực ban điều hành khai thác Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | 02583.989909  DĐ: 0981.927.018 |
| **C** |  | **Các dịch vụ cung cấp tại Cảng HKQT Cam Ranh** | | | |
|  | Dịch vụ Thủ tục bay/Thông báo tin tức hàng không | |  | 24/24 | 02583.989.912 |
|  | Dịch vụ Đảm bảo hoạt động bay  –Trung tâm kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh   * Dịch vụ Khí tượng hàng không * Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay | |  | 24/24  24/24  24/24 | 02583.989913  02582.211909  02582.211909 |
|  | Dịch vụ Thông tin, dẫn đường  – Công ty TNHH kỹ thuật Quản lý bay (ATTECH) | |  | 24/24 | 0236.3.749001 |
|  | Dịch vụ cấp nhiên liệu hàng không:  - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) | |  | 24/24 | DĐ: 0905.294.868 |
| - Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) | |  | 24/24 | DĐ: 0905.383.877 |
|  | Dịch vụ thương mại mặt đất:  - Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất hàng không (AGS) | |  | 24/24 | Hotline: 0911.855.979  DĐ: 096.996.8558 |
| - Công ty CP Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS) | |  | 24/24 | Hotline: 0932.699.814  DĐ: 0913.492.618 |
|  | Dịch vụ Khai thác Nhà ga quốc tế:   * Công ty CP Nhà ga quốc tế Cam Ranh (CRTC)   Phòng Điều hành Nhà ga | |  | 24/24 | 0258.3977.988  0852.400.001 |
|  | Dịch vụ cung ứng suất ăn:  - Công ty CP dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng tại Cam Ranh (MASCO)  - Công ty TNHH suất ăn hàng không VINACS Cam Ranh | |  | 24/24 | 02583.604.323  DĐ: 0914.044.714  0258.3970.088  DĐ: 0909.915.888 |
|  | Dịch vụ An ninh hàng không:  - Trung tâm An ninh hàng không Đà Nẵng  - Phòng An ninh hàng không | |  | 24/24 | 02583.989932  DĐ: 0919.949.809 |
|  | Dịch vụ kỹ thuật tàu bay:   * Công ty TNHH MTV kỹ thuật máy bay Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng (VAECO) | |  | 24/24 | Hotline: 0914.043.553  DĐ: 0982.320.340 |
| * Tổ kỹ thuật ngoại trường Vietjet – VJ LMC | |  | 24/24 | Hotline: 0978.174.931 |
| * Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay cảng hàng không miền Nam tại Cam Ranh (SAAM) | |  | 24/24 | Hotline: 0981.950.835  DĐ: 0932.542.007 |
|  | Đại diện hãng HK Vietnam Airlines tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0903.695.704  DĐ: 0913.492.493 |
|  | Đại diện hãng HK Vietjet Air tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0902.456.928  DĐ: 0913.452.555 |
|  | Đại diện DHT tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0969.760.909  DĐ: 0985.786.767 |
|  | Đại diện hãng Nam Anh tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  | 24/24 | Hotline: 0946.043.993  DĐ: 0903.616.551 |
|  | Đại diện hãng HK Jetstar Pacific tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | Hotline: 0903.506.166  DĐ: 0976.931.690 |
|  | Đại diện hãng HK Bamboo Airways tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | DĐ: 0975.434.250 |
|  | Đại diện hãng HK China Southern Airlines tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | Hotline: 0914.393.177 |
|  | Đại diện hãng HK AirAsia tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | Hotline: 0932.698.303  DĐ: 0909.002.403 |
|  | Đại diện hãng HK China Airlines tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | DĐ: 0773.453.847 |
|  | Đại diện hãng HK Jeju Air tại Cảng HKQT Cam Ranh | |  |  | DĐ: 0902.402.358 |

1. **Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo**
2. Hệ thống thông báo tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cam Ranh.

Cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không thuộc Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh–Trung tâm Thông báo tin tức hàng không

* Cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không tại sân bay theo Quyết định Phê duyệt Tài liệu hướng khai thác Cơ sở ARO/AIS Cam Ranh số 60/QĐ-CHK ngày 09/01/2019.

1. Thủ tục và quy trình ban hành các bản tin
2. Thủ tục ban hành

Theo quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 04 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế thông báo tin tức hàng không.

1. Quy trình ban hành các bản tin
2. Quy trình cung cấp thông tin trước chuyến bay:

* Nhân viên AIS tại cơ sở cung cấp bản tin PIB trước khi bay cho các chuyến bay nội địa cất cánh từ Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh cho tổ lái ít nhất 1 giờ trước giờ dự kiến khởi hành.
* Khi cung cấp bản PIB, phải yêu cầu tổ lái ký xác nhận và ghi rõ họ tên vào sổ lưu bản PIB. Sổ lưu bản PIB phải ghi đầy đủ số hiệu chuyến bay, sân bay khởi hành, sân bay đến, sân bay dự bị, giờ dự kiến khởi hành (ETD), giờ dự kiến đến (ETA).

1. Quy trình nhận và xử lý tin tức sau khi bay và các tin tức khác:

* Khi nhận được các tin tức có thể ảnh hưởng đến an toàn bay từ các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong phạm vi trách nhiệm, nhân viên AIS tại cơ sở phải ghi rõ tên người thông báo, giờ thông báo và chuyển nội dung các thông tin đó đến các cơ quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Quy chế Thông báo tin tức hàng không.
* Khi nhận được thông báo sau chuyến bay của tổ lái hoặc người khai thác tàu bay bằng văn bản hoặc điện thoại, nhân viên AIS tại cơ sở phải ghi rõ tên người thông báo, giờ thông báo và xử lý theo quy định tại Điều 58 của Quy chế Thông báo tin tức hàng không.

1. Xử lý NOTAM và các ấn phẩm thông báo tin tức hàng không:

* Xử lý NOTAM: Thực hiện theo quy định tại Tài liệu hướng dẫn khai thác của Cơ sở ARO/AIS Cam Ranh.
* Cập nhật các ấn phẩm thông báo tin tức hàng không: Theo quy định tại Quy chế Thông báo tin tức Hàng không.

1. Các quy chế phối hợp và Hiệp đồng giữa các cơ quan:

* Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ tại Cảng HKQT Đà Nẵng giữa Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh – TCT Quản lý bay Việt Nam và Cảng HKQT Cam Ranh – TCT Cảng hàng không Việt Nam-CTCP có hiệu lực ngày 01 tháng 12 năm 2018.
* Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ Thông báo tin tức hàng không giữa Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP ký kết tháng 11/2018 và có hiệu lực thi hành ngày 01/12/2018.

1. **Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh**
2. Cơ quan thống kê

Phòng Điều hành khai thác sân bay - Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh chịu trách nhiệm thống kê báo cáo số lần hoạt động cất, hạ cánh và vận chuyển thương mại của tàu bay tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh.

1. Chế độ báo cáo

Số liệu được báo cáo định kỳ theo ngày, tuần, tháng, sáu tháng và hàng năm về Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không miền Trung theo quy định tại Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu thống kê trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

1. Nội dung thống kê

Dựa trên cơ sở số liệu tổng hợp mỗi ngày, Phòng Điều hành khai thác sân bay cung cấp số liệu thống kê ngày, tuần, tháng, quý, năm. Nội dung thống kê gồm:

* Thống kê so sánh sản lượng vận chuyển tăng, giảm của từng thời kỳ: so với tuần trước, tháng trước, so với năm trước, so với cùng kỳ năm trước, để phục vụ cho công tác dự báo sản lượng vận chuyển;
* Thống kê sản lượng hàng hóa, hành lý, bưu kiện vận chuyển theo từng chuyến bay đến/ đi;
* Thống kê sản lượng vận chuyển của từng Hãng hàng không đang khai thác tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh;
* Thống kê số lần cất hạ cánh theo từng mục đích khai thác (thương mại, quân sự, huấn luyện, thuê chuyến).

1. **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh.**

### Chứcnăng:

* Quản lý, vận hành, khai thác toàn bộ cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị tại Cảng HKQT Cam Ranh do Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP (ACV) giao.
* Bảo đảm an ninh, an toàn hàng không theo quy định pháp luật hiện hành.
* Cung cấp các dịch vụ hàng không và phi hàng không tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Thực hiện các chức năng khác được Tổng công ty phân công.

### Nhiệm vụ:

* Tổ chức bộ máy hoạt động của Cảng HKQT Cam Ranh theo mô hình tổ chức đã được Tổng công ty phê duyệt. Ban hành và tổ chức thực hiện qui chế tổ chức, hoạt động của các Phòng chức năng, Trung tâm thống nhất theo qui định của Tổng công ty.
* Tổ chức quản lý, sử dụng tài sản và nguồn lực khác theo qui định của pháp luật, của Tổng công ty để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo chỉ tiêu, kế hoạch do Tổng công ty giao.
* Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh; kiểm tra, giám sát việc chấp hành và thực hiện các qui định về an ninh, an toàn hàng không.
* Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm; định mức lao động, đơn giá tiền lương; quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện.
* Quản lý, khai thác mặt bằng, cơ sở hạ tầng của Cảng hàng không và tổ chức các dịch vụ hàng không và phi hàng không do Tổng công ty giao.
* Đàm phán, thương lượng và ký kết các hợp đồng dịch vụ hàng không với các Hãng hàng không có máy bay đi, đến tại Cảng HKQT Cam Ranh và ký kết các Hợp đồng kinh tế khác theo phân cấp quản lý Tổng công ty.
* Tổ chức cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, thương mại, giám sát các hoạt động khai thác của các tổ chức, cá nhân tại Cảng HKQT Cam Ranh theo quy định của pháp luật.
* Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì và khai thác hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Tổ chức cung cấp các dịch vụ vận hành, sửa chữa và bảo trì các hệ thống kỹ thuật thiết bị Nhà ga hàng không
* Tổ chức vận hành khai thác, cung cấp dịch vụ vận hành cầu dẫn khách cho các chuyến bay của các Hãng hàng không có yêu cầu.
* Tổ chức cung cấp các dịch vụ về An ninh, bảo vệ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
* Tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại Nhà ga hành khách như dịch vụ quảng cáo, cho thuê mặt bằng và các dịch vụ công cộng khác tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Thực hiện cung cấp các dịch vụ phục vụ hành khách bao gồm: Dịch vụ y tế, Vệ sinh môi trường, Xe đẩy, Thông tin trợ giúp,…..
* Tổ chức quản lý khai thác hoạt động khu vực bến bãi: Thu phí ôtô và quản lý khai thác taxi, mặt bằng bến bãi của Cảng hàng không.
* Tổ chức thực hiện công tác khẩn nguy cứu nạn; công tác phòng cháy và chữa cháy theo tiêu chuẩn quy định của ICAO và pháp luật Việt Nam.
* Phối hợp với các cơ quan chức năng: Cảng vụ hàng không, Công an cửa khẩu sân bay Quốc tế Cam Ranh, Hải quan sân bay, Kiểm dịch y tế,… làm việc tại Cảng HKQT Cam Ranh nhằm đảm bảo phục vụ hành khách an toàn, lịch sự, hiệu quả.
* Phối hợp với các cơ quan Quân đội, Công an địa phương nhằm đảm bảo an ninh, trật tự tại địa bàn Cảng HKQT Cam Ranh.
* Phối hợp với Cảng vụ hàng không triển khai thực hiện các quy định chuyên ngành có liên quan.
* Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

### Quyền hạn:

* Cảng HKQT Cam Ranh tổ chức thực hiện các quyền hạn về tài chính, về đầu tư tài sản, quản lý lao động và bổ nhiệm Cán bộ theo phân cấp của Tổng công ty.
* Được quyền đề xuất với Tổng công ty các giải pháp, chiến lược kinh doanh và quản lý để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
* Ban hành các quy định về quản lý, khai thác Cảng không trái với các quy định của Tổng công ty và các quy định khác do Nhà nước ban hành.
* Ban hành các quy định về công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị phù hợp với quy định của Tổng công ty và các quy định về chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.
* Thực hiện các quyền hạn khác theo phân cấp của Tổng công ty.

**CHƯƠNG II**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HKQT CAM RANH**

* 1. **Tên cảng hàng không**
* Tên tiếng Việt: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
* Tên Tiếng Anh: Cam Ranh International Airport.
* Mã sân bay theo ký hiệu ICAO: VVCR
* Mã sân bay theo ký hiệu IATA: CXR
  1. **Vị trí cảng hàng không**

Cảng HKQT Cam Ranh nằm trên bán đảo Cam Ranh thuộc thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, phía Bắc cách thành phố Nha Trang 35 km, phía Nam cách thành phố Cam Ranh 10 km. Xung quanh giáp với các phường, xã trên địa bàn như sau:

* Phía Đông giáp: Biển Đông.
* Phía Nam giáp: Cầu Long Hồ - đầm Thủy Triều, Phường Cam Nghĩa
* Phía Tây giáp:Đường Nguyễn Tất Thành - Phường Cam Nghĩa .
* Phía Bắc giáp: Đường vào vùng 4 Hải quân.
* Khoảng cách đến các sân bay gần nhất:
* Sân bayTân Sơn Nhất: Khoảng 310Km.
* Sân bayLiên Khương: Khoảng 97 Km.
* Sân bayBuôn Mê Thuột: Khoảng 140 Km.
* Sân bayTuy Hòa: Khoảng 116 Km.
  1. **Tọa độ điểm quy chiếu sân bay:**
* Điểm quy chiếu sân bay là giao điểm của tim đường CHC 02L/20R vàtim đường lăn W4 có tọa độ:
* Tọa độ địa lý: 11o59'43.69''N - 109o13'06.26''E (WGS-84).
  1. **Mức cao sân bay và địa thế Cảng HKQT Cam Ranh:**

1. Mức cao sân bay và mức cao ngưỡng đường CHC:

* Mức cao sân bay: 14m so với mực nước biển trung bình (MSL).
* Mức cao ngưỡng đường CHC:
* Mức cao đầu ngưỡng 02L: 6,0m (MLS);
* Mức cao đầu ngưỡng 20R: 14,1m (MLS);
* Mức cao đầu ngưỡng 02R: 4,6m(MLS);
* Mức cao đầu ngưỡng 20L: 10,6m (MLS);

1. Địa thế Cảng hàng không:

Cảng HKQT Cam Ranh nằm trong thung lũng có các đỉnh và dãy núi thấp, độ cao gần 1.000m bao quanh bán đảo, khu vực sân bay có hồ chứa nước thoát và thoát tự nhiên. Đường CHC có độ dốc trung bình là 0.25% tính từ phía Bắc xuống phía Nam.

* 1. **Cấp cứu hỏa sân bay:**

Cấp cứu hỏa Cảng HKQT Cam Ranh: Cấp9(~~theo quy định của ICAO~~).



* 1. **Nhiệt độ tham chiếu tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh**
* Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất trong năm trong 10 năm (đo lúc 13 giờ) từ năm 2009đến 2018, cụ thể theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệt độ** | **Năm** | | | | | | | | | |
| **Trung bình cực đại (0C)** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** |
| 32 | 32 | 32 | 32 | 32 | 33 | 33 | 34 | 33 | 33 |

* 1. **Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24) của Người khai thác Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh**
* Ông Nguyễn Bá Quân- Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh
* Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh – Phường Cam nghĩa - Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
* Điện thoại: 02583.989.999;Di động: 0903.586219
* Fax : 02583.989.908
* AFTN : VVCRYDYX
  1. **Các loại bản vẽ, bản đồ, sơ đồ.(Đánh số phụ lục)**
* Bản đồ tổng thể cảng hàng không, sân bay.
* Bản đồ ranh giới cảng hàng không, sân bay.
* Bản đồ chỉ vị trí tương đối của cảng hàng không, sân bay đến trung tâm thành phố, thị xã và vị trí các công trình, trang thiết bị nằm ngoài hàng rào cảng hàng không, sân bay.
* Bản đồ tiếng ồn hàng không.(chưa có)
* Sơ đồ chướng ngại vật hàng không (đối với các CHK,SB đã được xây dựng và công bố bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không theo quy định).
* Sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, thiết bị chiếu sáng với cường độ cao.
* Sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác.
* Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất.
* Sơ đồ hệ thống đường giao thông trong khu bay;
* Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay.
* Sơ đồ phương thức khởi hành tiêu chuẩn sử dụng thiết bị (SID).
* Sơ đồ khu vực tiếp cận.
* Sơ đồ phương thức đến tiêu chuẩn sử dụng thiết bị (STAR).
* Sơ đồ phương thức tiếp cận sử dụng thiết bị.
* Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng mắt.
* Sơ đồ giới hạn độ cao chướng ngại vật hàng không.
* Các loại sơ đồ, bản đồ phục vụ cho hoạt động bay.
  1. **Các chi tiết quyền sử dụng đất Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh**

Theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 21/01/2010 của Chủ tịch tỉnh Khánh Hòa về việc Giao đất quy hoạch Cảng HKQT Cam Ranh cho Cảng vụ hàng không miền Trung quản lý tại phường Cam Nghĩa, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa là 625,088 ha.

~~Trong đó:~~

* ~~Phần diện tích đất sân bay sử dụng chung giữa hàng không dân dụng và quân sự là phần diện tích đất khu bay: 442ha (gồm đường CHC, đường lăn, sân đỗ máy bay)kiểm tra lại giấy phép sử dụng, nếu có thì liệt kê chi tiết~~
* ~~Diện tích đất khu bay dùng chung do Quân sự quản lý:35,66 ha~~
* ~~Diện tích đất khu bay dùng chung do dân dụng quản lý:406,34 ha~~
* ~~Diện tích khu bàn giao cho Trung đoàn 920 năm 2013: 35,66 ha.~~

**CHƯƠNG III**

**CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SÂN BAY ~~QUỐC TẾ CAM RANH~~**

1. Đường cất hạ cánh

Cảng HKQT Cam Ranh có hai đường CHC với các số liệu sau:

* 1. **Đường cất hạ cánh 02L/20R**
     1. Ký hiệu đường CHC: 02L/20R
     2. Hướng ~~thực của~~ đường CHC: 018o51’ - 198 o51’
     3. Độ lệch từ ~~khu vực sân bay~~: 0o45’ Tây
     4. Kích thước đường CHC:
* Chiều dài: 3051m
* Chiều rộng: 45m
  + 1. Kích thước lề đường CHC:
* Chiều dài: 3051m
* Chiều rộng: 7,5m
  + 1. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường CHC:
* Độ dốc dọc trung bình: 0.25%.
* Độ dốc ngang điển hình ~~đường CHC~~: 0.1%
  + 1. Tọa độ ngưỡng đường CHC (Theo hệ WGS-84)
* Tọa độ đầu 02L: 11o59'06.25''N-109o12'53.28''E.
* Tọa độ đầu 20R: 12o00'40.24''N-109o13'25.86''E.
  + 1. Mức cao ngưỡng đường CHC 02L/20R
* Độ cao ngưỡng đầu 02L: 6,0m;
* Độ cao ngưỡng đầu 20R: 14,1m.
  + 1. Loại tầng phủ mặt đường CHC, sức chịu tải đường CHC.
* Loại tầng phủ mặt đường CHC: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải ~~CHC 02L/20R~~: PCN=47/R/B/X/T~~, trong đó:~~

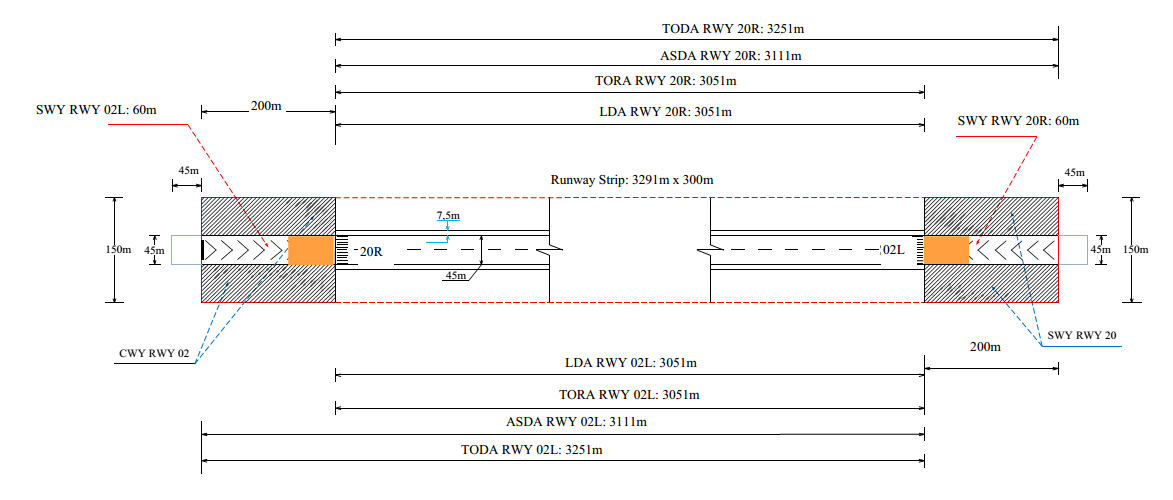
~~R: Mặt đường cứng;~~

~~B: Cấp độ nền đường cường độ trung bình (K=120 MN/m~~~~2~~~~);~~

~~W: Áp suất bánh không hạn chế;~~

~~T: Phương pháp xác định bằng kỹ thuật.~~

* + 1. Vùng không có chướng ngại vật (OFZ) trong trường hợp tiếp cận hạ cánh chính xác:Không.
    2. Kích thước dải bay, khu vực bảo hiểm ~~hai đầu~~cuối đường CHC, đoạn dừng và khoảng trống đầu đường CHC.
* Dải bay (Runway strip): 3291m x 150m ~~(dài x rộng)~~
* ~~Bảo hiểm đầu đường CHC mỗi đầu: 300m x 150m(dài x rộng)~~
* Dải hãm phanh mỗi đầu (Stopway): 60m x 45m(~~dài x rộng)~~
* Khoảng trống mỗi đầu(Clearway): 200m x 150m(~~dài x rộng)~~
  + 1. Cự ly công bố:
* Sơ đồ thể hiện các cự ly công bố: (vẽ lại sơ đồ theo số liệu thực tế)



* TORA, TODA, ASDA, LDA:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu đường cất hạ cánh** | **Cự ly chạy đà**  **TORA (m)** | **Cự ly có thể cất cánh**  **TODA (m)** | **Cự ly có thể dừng khẩn cấp ASDA (m)** | **Cự ly có thể hạ cánh**  **LDA (m)** |
| 02L | 3051 | 3251 | 3111 | 3051 |
| 20R | 3051 | 3251 | 3111 | 3051 |

* + 1. Các chướng ngại vật trong phạm vi khu vực sân bay Cam Ranh (R=30km)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chướng ngại vật** | **Chiều cao (m )** | **Phương vị (độ)** | **Khoảng cách (km)** |
| 1 | Núi Tà Lua | 904 | 282 | 17,1 |
| 2 | Núi Hòn Tre | 473 | 17 | 24,762 |
| 3 | Hòn Rồng | 719 | 252 | 10,663 |
| 4 | Núi Tà Lương | 757 | 167 | 11,595 |
| 5 | Núi Ao Hồ | 451 | 167 | 11,595 |
| 6 | Núi Chúa | 1031 | 200 | 31,0 |
| 7 | Hòn Một | 641 | 307 | 22,67 |
| 8 | Hòn Nội | 93 | 70 | 12,5 |
| 9 | Hòn Khô | 479 | 268 | 12,88 |
| 10 | Hòn Dòm | 739 | 270 | 23.17 |
| 11 | Điểm cao 822 | 813 | 259 | 24,26 |
| 12 | Điểm cao 764 | 755 | 257 | 20,15 |
| 13 | Núi Dốc Tần | 599 | 241 | 21,44 |
| 14 | Núi Bayou | 793 | 238 | 26,63 |
| 15 | Điểm cao 1066 | 1057 | 224 | 31,7 |
| 16 | Điểm cao 1424 | 1415 | 286 | 24,77 |
| 17 | Hòn Grand Sonmet | 969 | 318 | 25,45 |
| 18 | Núi Cầu Hin | 963 | 352 | 16,85 |
| 19 | Điểm cao 602 | 593 | 337 | 26,68 |
| 20 | Núi Khu Ông | 335 | 351 | 22,32 |
| 21 | Điểm cao 764 | 755 | 293 | 21,23 |
| 22 | Núi Suối Tiên | 859 | 314 | 30,37 |
| 23 | Núi Bùng Binh | 413 | 330 | 27,56 |
| 24 | Điểm cao 858 | 849 | 202 | 28,01 |
| 25 | Điểm cao 582 | 573 | 219 | 28,86 |
| 26 | Núi Ông | 941 | 195 | 27,22 |
| 27 | Núi Nước Nhi | 713 | 195 | 24,02 |
| 28 | Điểm cao 522 | 522 | 332 | 33,80 |
| 29 | Điểm cao 1129 | 1129 | 309 | 32,89 |
| 30 | An- ten Điểm cao 1575 | 1575 | 292 | 33,05 |
| 31 | Điểm cao 1452 | 1452 | 222 | 34,43 |
| 32 | Anten Viba | 63 | 219 | 6,03 |
| 33 | Đồi cát có Radar | 79 | 141 | 2,705 |
| 34 | Đồi cát có chòi gác | 59 | 88 | 1,097 |
| 35 | Dãy núi cao | 134 | 118 | 5,118 |
| 36 | Dãy núi cao | 513 | 233 | 9,01 |
| 37 | Dãy núi cao | 630 | 241 | 9,637 |
| 38 | Đồi cát | 92 | 172 | 4,93 |
| 39 | Anten NDB | 17 | 237 | 0,555 |
| 40 | Đài KSKL Cam Ranh | 36 | 337 | 0,994 |

* + 1. Hệ số ma sát đường CHC 02L/20R.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm xuất phát**  **trên đường CHC** | **Kết quả ghi nhận (μ)** | | |
| 3m | 6m | 9m |
| Đầu đường CHC 02L(thêm Vị trí bắt đầu đo theo công bố Cục) | 0,78 | 0,77 | 0,77 |
| Đầu đường CHC 20R(thêm Vị trí bắt đầu đo theo công bố Cục) | 0,78 | 0,77 | 0,77 |

* + 1. Lựa chọn và sử dụng đường CHC

Theo các phương thức đã được công bố trong tập TBTTHK (AIP) Việt Nam.

AIP SUP A07/19 có hiệu lực từ 13/05/2019.

Đề cập thêm nội dung cho 2 đường CHC

* 1. **Đường cất hạ cánh 02R/20L**
     1. Ký hiệu đường CHC: 02R/20L
     2. Hướng ~~thực của~~ đường CHC: 019o12’ - 199 o12’
     3. Độ lệch từ khu vực sân bay: 0o45’ Tây
     4. Kích thước đường CHC:
* Chiều dài: 3048m
* Chiều rộng: 45m
  + 1. Kích thước lề đường CHC
* Chiều dài: 3048m
* Chiều rộng: 7,5m
  + 1. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường CHC.
* Độ dốc dọc trung bình: 0.28%.
* Độ dốc ngang điển hình ~~đường CHC~~: 1%
  + 1. Tọa độ ngưỡng đường CHC (hệ WGS-84)
* Tọa độ ngưỡng đầu đường CHC 02R: 11o58'53.85''N - 109o12'59.63''E.
* Tọa độ ngưỡng đầu đường CHC 20L:12o00'27.73''N - 109o13'32.16''E
  + 1. Mức cao ngưỡng đường CHC 02R/20L
* Độ cao ngưỡng đầu 02R: 4,6m;
* Độ cao ngưỡng đầu 20L: 10,6m.
  + 1. Loại tầng phủ mặt đường CHC, sức chịu tải đường CHC.
* Loại tầng phủ mặt đường CHC: Bê tông xi măng;
* Sức chịu tải ~~đường CHC 02R/20L~~: PCN=66/R/A/W/T~~, trong đó:~~

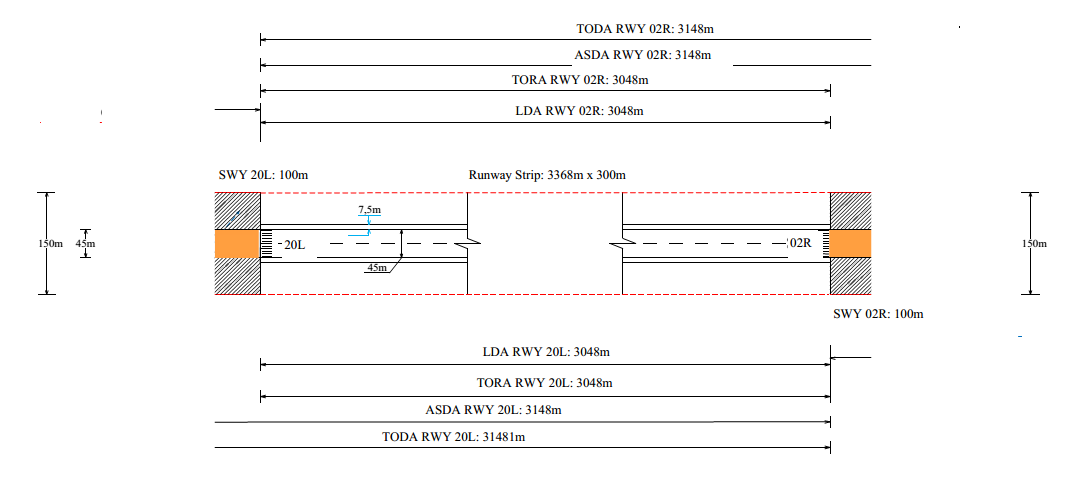
~~+ R: Mặt đường cứng;~~

~~+ A: Cấp độ nền đường cường độ cao (K=150 MN/m~~~~3~~~~);~~

~~+ W: Áp suất bánh không hạn chế;~~

~~+ T: Phương pháp xác định bằng kỹ thuật.~~

* + 1. Vùng không có chướng ngại vật (OFZ) trong trường hợp tiếp cận hạ cánh chính xác:Không.
    2. Kích thước dải bay, khu vực bảo hiểm hai đầu đường CHC, đoạn dừng và khoảng trống đầu đường CHC.
* Dải bay (Runway strip): 3368m x 300m
* Bảo hiểm ~~đầu~~cuốiđường CHC mỗi đầu (RESA): 130m x 90m
* Dải hãm phanh mỗi đầu (Stopway) : 100m x 60m
  + 1. Cự ly công bố:
* Sơ đồ thể hiện các cự ly công bố (Vẽ lại theo thực tế)



* TORA, TODA, ASDA, LDA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu đường cất hạ cánh** | **Cự ly chạy đà**  **TORA (m)** | **Cự ly có thể cất cánh**  **TODA (m)** | **Cự ly có thể dừng khẩn cấp ASDA (m)** | **Cự ly có thể hạ cánh**  **LDA (m)** |
| 02R | 3048 | 3048 | 3148 | 3048 |
| 20L | 3048 | 3048 | 3148 | 3048 |

* + 1. Các chướng ngại vật trong phạm vi khu vực sân bay Cam Ranh (R=30km)( Như trong 1.1.13 )
    2. Hệ số ma sát đường CHC 02L/20R.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm xuất phát**  **trên đường CHC** | **Kết quả ghi nhận (μ)** | | |
| 3m | 6m | 9m |
| Đầu đường CHC 02R(thêm Vị trí bắt đầu đo) | 0,82 | 0,83 | 0,82 |
| Đầu đường CHC 20L(thêm Vị trí bắt đầu đo) | 0,82 | 0,82 | 0,83 |

* + 1. Lựa chọn và sử dụng đường CHC.

Theo các phương thức đã được công bố trong tập TBTTHK (AIP) Việt Nam.

AIP SUP A07/19 có hiệu lực từ 13/05/2019.

1. Đường lăn
   1. Đường lăn song song E:
      1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn song song E
   * Ký hiệu: E, nằm ở phí Đông đường CHC 02R/20L.
   * Kiểu loại: Đường lăn song song.
     1. Kích thước: 3045m x 18m.
     2. Kích thước lề: Không có số liệu.
     3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
     4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
   * Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
   * Sức chịu tải: Không có số liệu.
     1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu.
     2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.

* ~~Ký hiệu: E, nằm ở phía Đông đường CHC 02R/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn song song.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 3045, rộng 18m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn D1:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: D1, nằm ở phí đông đường lăn E.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.
    1. Kích thước: 110m x 70m
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.
* ~~Ký hiệu: D1, nằm ở phí đông đường lăn E.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 110m, rộng 70m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn D2:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: D2, nằm ở phí đông đường lăn E.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.
    1. Kích thước: Không có số liệu
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chưa sử dụng
* ~~Ký hiệu: D2, nằm ở phí đông đường lăn E.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước:~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng.~~
  1. Đường lăn D3:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: D3, nằm ở phí đông đường lăn E.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.
    1. Kích thước: Không có số liệu
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chưa sử dụng
* ~~Ký hiệu: D3, nằm ở phí đông đường lăn E.~~
* ~~Kiểu loại:Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước:~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng.~~
  1. Đường lăn D4:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: D4, nằm ở phí đông đường lăn E.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.
    1. Kích thước: Không có số liệu
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chưa sử dụng
* ~~Ký hiệu: D4, nằm ở phí đông đường lăn E.~~
* ~~Kiểu loại:Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước:~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng.~~
  1. Đường lăn D5:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: D5, nằm ở phí đông đường lăn E.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.
    1. Kích thước: Không có số liệu
    2. Kích thước lề:
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chưa sử dụng
* ~~Ký hiệu:D5, nằm ở phí đông đường lăn E.~~
* ~~Kiểu loại:Đường lăn nối sân đỗ quân sự với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước:~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng.~~
  1. Đường lăn E1:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: E1, nằm ở đầu 02R về phía Đông đường CHC 02R/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.
    1. Kích thước: 160m x 23m
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự
* ~~Ký hiệu: E1, nằm ở đầu 02R về phía Đông đường CHC 02R/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 160m, rộng 23m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn E3:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: E3, nằm ở phía Đông đường CHC 02R/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.
    1. Kích thước: 160m x 23m
    2. Kích thước lề:
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu

Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự

* ~~Ký hiệu: E3, nằm ở phía Đông đường CHC 02R/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 160m, rộng 23m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn E5:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: E5, nằm ở phía Đông đường CHC 02R/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.
    1. Kích thước: 160m x 23m
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự
* ~~Ký hiệu: E5, nằm ở phía Đông đường CHC 02R/20L~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 160m, rộng 23m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự~~.
  1. Đường lăn E7:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn: Đường lăn nối
  + Ký hiệu: E7, nằm ở đầu 20L về phía Đông đường CHC 02R/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.
    1. Kích thước: 160m x 23m
    2. Kích thước lề: Không có số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: Không có số liệu
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự
* ~~Ký hiệu: E7, nằm ở đầu 20L về phía Đông đường CHC 02R/20L~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02R/20L với đường lăn E.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải (chưa xác định)~~
* ~~Kích thước: dài 160m, rộng 23m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn G1:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: G1, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
    1. Kích thước: 414m x 23m
    2. Kích thước lề: bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 66/R/A/W/T Tách 2 đoạn
    1. Kích thước dải lăn: 414m x 87 m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: G1, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 66/R/A/W/T~~
* ~~Kích thước: dài 414m, rộng 23m~~
* ~~Điểm chờ nằm trên đường lăn, cách tim đường CHC: 90m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: không~~
  1. Đường lăn G3:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: G1, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
    1. Kích thước: 259m x 23m
    2. Kích thước lề: bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 66/R/A/W/T Tách 2 đoạn
    1. Kích thước dải lăn: 259m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: G3, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 66/R/A/W/T~~
* ~~Kích thước: dài 259m, rộng 23m~~
* ~~Điểm chờ nằm trên đường lăn, cách tim đường CHC: 90m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: không~~
  1. Đường lăn G5:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: G5, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
    1. Kích thước: 259m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 66/R/A/W/~~T~~Tách 2 đoạn
    1. Kích thước dải lăn: 259m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: G5, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 66/R/A/W/T~~
* ~~Kích thước: dài 259m, rộng 23m.~~
* ~~Điểm chờ nằm trên đường lăn, cách tim đường CHC: 90m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: không~~
  1. Đường lăn G7:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: G7, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.
    1. Kích thước: 420m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 66/R/A/W/TTách 2 đoạn
    1. Kích thước dải lăn: 420m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chưa sử dụng
* ~~Ký hiệu: G7, nằm ở phía Nam giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối giữa đường CHC 02L/20R và đường CHC 02L/20L.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 66/R/A/W/T~~
* ~~Kích thước: dài 420m, rộng 23m.~~
* ~~Điểm chờ nằm trên đường lăn, cách tim đường CHC: 90m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng~~
  1. Đường lăn W1:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W1, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W.
    1. Kích thước: 216m x 23m
    2. Kích thước lề:
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 216m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: W1, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W~~
* ~~Loại mặt đường: 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 216m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Không~~
  1. Đường lăn W3:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W3, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn cao tốc nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W.
    1. Kích thước: 370m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 370m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: W3, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn cao tốc nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W~~
* ~~Loại mặt đường: 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 370m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Không~~
  1. Đường lăn W4:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W4, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn cao tốc.
    1. Kích thước: 216m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 216m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự
* ~~Ký hiệu: W4, ở phía Tây đường CHC 02L/20R~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn cao tốc.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN= 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 216m, rộng 15m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn W5:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W5, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W.
    1. Kích thước: 216m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 216m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: W5, ở phía Tây đường CHC 02L/20R~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 216m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: không.~~
  1. Đường lăn W6:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W6, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn cao tốc nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W.
    1. Kích thước: 370m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 370m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: W6, ở phía Tây đường CHC 02L/20R~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn cao tốc nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN= 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 370m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: không~~
  1. Đường lăn W7:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W7, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W.
    1. Kích thước: 216m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 216m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: ~~Chưa sử dụng~~Không có
* ~~Ký hiệu: W7, ở phía Tây đường CHC 02L/20R~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường CHC 02L/20R với đường lăn W~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 66/R/A/W/T~~
* ~~Kích thước: dài 216m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng~~
  1. Đường lăn song song W:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: W, ở phía Tây đường CHC 02L/20R.
  + Kiểu loại: Đường lăn song song.
    1. Kích thước: 3051m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 3051m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: W, nằm ở phía Tây đường CHC 02L/20R.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn song song.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 3048m, rộng 23m~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Không~~
  1. Đường lăn Y3:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: : Y3, ở phía Tây đường lăn W.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay quân sự.
    1. Kích thước: 90m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự

~~Ký hiệu: Y3, ở phía Tây đường lăn W.~~

* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay quân sự.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 90m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn Y4:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: Y4, ở phía Tây đường lăn W.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay quân sự.
    1. Kích thước: 90m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: Không có số liệu
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự
* ~~Ký hiệu: Y4, ở phía Tây đường lăn W.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay quân sự.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 90m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay quân sự.~~
  1. Đường lăn Y5:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: Y5, ở phía Tây đường lăn W.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.
    1. Kích thước: 120m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 47/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 120m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: Y5, ở phía Tây đường lăn W.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 47/R/B/X/T~~
* ~~Kích thước: dài 120m, rộng 23m.~~
* ~~Những hạn chế khi lăn: Chỉ sử dụng cho tàu bay có sải cánh 36m trở xuống.~~
  1. Đường lăn Y6:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: Y6, ở phía Tây đường lăn W.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.
    1. Kích thước: 120m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung kích thước
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 120m x 87m
    2. Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không
* ~~Ký hiệu: Y6, ở phía Tây đường lăn W.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~

~~Kích thước: dài 120m, rộng 23m.~~

* ~~Những hạn chế khi lăn: Không~~
  1. Đường lăn Y7:
     1. Ký hiệu, loại đường lăn:
  + Ký hiệu: Y7, ở phía Tây đường lăn W.
  + Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.
    1. Kích thước: 120m x 23m
    2. Kích thước lề: Bổ sung số liệu
    3. Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình của đường lăn: Không có số liệu.
    4. Loại tầng phủ mặt đường lăn, sức chịu tải đường lăn:
  + Loại tầng phủ: Bê tông xi măng
  + Sức chịu tải: PCN = 42/R/B/X/T
    1. Kích thước dải lăn: 120m x 87m
* Những hạn chế, lưu ý khi lăn: Không.
* ~~Ký hiệu: Y7, ở phía Tây đường lăn W.~~
* ~~Kiểu loại: Đường lăn nối đường lăn W với sân đỗ tàu bay dân dụng.~~
* ~~Loại mặt đường: bê tông xi măng, sức chịu tải PCN = 42/R/B/X/T~~

~~Kích thước: dài 120 m, rộng 23m.~~

* ~~Những hạn chế khi lăn: Chưa sử dụng.~~

1. Sân đỗ

Sân bay quốc tế Cam Ranh có 03 sân đỗ nằm cả phía Đông và Tâycủa hai đường CHC:

* Sân đỗ số 1: Sân đỗ HK dân dụng có kích thước dài1325m, rộng 235m.
* Sân đỗ số 2: Sân đỗ của Trung đoàn 920 Trường sỹ quan Không quân Nha Trang có kích thước: dài 600m, rộng280m.
* Sân đỗ số 3: Sân đỗ của Lữ đoàn 954Quân chủng Hải quân có kích thước:dài 600m, rộng 280m.

1. Sân đỗ tàu bay dân dụng
2. Ký hiệu : Sân đỗ số 1
3. Kích thước, kiểu loại:
   * Kích thước sân đỗ: 1325m x 235m;
   * Kiểu loại: Sân đỗ phục vụ hành khách, hàng hóa
4. Vị trí và số lượng vị trí đỗ:

* Vị trí:
* Số lượng vị trí đỗ: 33 vị trí đỗ đảm bảo khai thác cho loại tàu bay code E trở xuống *(Xem Phụ lục: Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay)*.

1. Tọa độ và các vị trí đỗ tàu bay, vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN VỊ TRÍ ĐỖ** | **Vĩ độ (N)** | **Kinh độ (E)** |
| 1 | Vị trí đỗ số 31 | 12° 00' 45.66" | 109° 13' 06.34" |
| 2 | Vị trí đỗ số 32 | 12° 00' 43.76" | 109° 13' 05.18" |
| 3 | Vị trí đỗ số 33 | 12° 00' 41.44" | 109° 13' 04.38" |
| 4 | Vị trí đỗ số 34 | 12° 00' 39.20" | 109° 13' 03.61" |
| 5 | Vị trí đỗ số 35 | 12° 00' 36.87" | 109° 13' 02.80" |
| 6 | Vị trí đỗ số 36 | 12° 00' 34.64" | 109° 13' 02.03" |
| 7 | Vị trí đỗ số 37 | 12° 00' 32.45" | 109° 13' 01.76" |
| 8 | Vị trí đỗ số 38 | 12° 00' 40.62" | 109° 13' 11.42" |
| 9 | Vị trí đỗ số 39 | 12° 00' 38.81" | 109° 13' 10.79" |
| 10 | Vị trí đỗ số 40 | 12° 00' 37.00" | 109° 13' 10.16" |
| 11 | Vị trí đỗ số 41 | 12° 00' 35.40" | 109° 13' 09.40" |
| 12 | Vị trí đỗ số 42 | 12° 00' 33.59" | 109° 13' 08.78" |
| 13 | Vị trí đỗ số 51 | 12° 00' 29.38" | 109° 13' 02.01" |
| 14 | Vị trí đỗ số 52 | 12°00'27.32" | 109°13'00.21" |
| 15 | Vị trí đỗ số 53 | 12°00'24.33" | 109°12'59.30" |
| 16 | Vị trí đỗ số 54 | 12° 00' 21.53" | 109° 12' 59.21" |
| 17 | Vị trí đỗ số 55 | 12° 00' 19.25" | 109° 12' 59.59" |
| 18 | Vị trí đỗ số 56 | 12° 00' 16.84" | 109° 13' 00.15" |
| 19 | Vị trí đỗ số 57 | 12° 00' 15.45" | 109° 12' 59.68" |
| 20 | Vị trí đỗ số 58 | 12° 00' 14.07" | 109° 12' 59.19" |
| 21 | Vị trí đỗ số 59 | 12° 00' 12.68" | 109° 12' 58.71" |
| 22 | Vị trí đỗ số 60 | 12° 00' 11.30" | 109° 12' 58.23" |
| 23 | Vị trí đỗ số 61 | 12° 00' 09.91" | 109° 12' 57.75" |
| 24 | Vị trí đỗ số 62 | 12° 00' 08.52" | 109° 12' 57.27" |
| 25 | Vị trí đỗ số 63 | 12° 00' 07.14" | 109° 12' 56.79" |
| 26 | Vị trí đỗ số 64 | 12° 00' 17.24" | 109° 12' 58.95" |
| 27 | Vị trí đỗ số 65 | 12° 00' 15.85" | 109° 12' 58.49" |
| 28 | Vị trí đỗ số 66 | 12° 00' 14.47" | 109° 12' 58.00" |
| 29 | Vị trí đỗ số 67 | 12° 00' 13.08" | 109° 12' 57.52" |
| 30 | Vị trí đỗ số 68 | 12° 00' 11.69" | 109° 12' 57.04" |
| 31 | Vị trí đỗ số 69 | 12° 00' 10.31" | 109° 12' 56.56" |
| 32 | Vị trí đỗ số 70 | 12° 00' 08.92" | 109° 12' 56.08" |
| 33 | Vị trí đỗ số 71 | 12° 00' 07.53" | 109° 12' 55.60" |

1. Loại tầng phủ, sức chịu tải.

* Lọa tầng phủ: Bê tông xi măng, lề bằng vật liệu bê tông nhựa rộng 7.5m.

- Sức chịu tải: PCN = 66/R/A/W/T(các vị trí đỗ tàu bay số 31,32,33,34,38,39,40)

- Sức chịu tải: PCN= 42/R/B/X/T (các vị trí đỗ tàu bay còn lại)

1. Phương án vận hành tàu bay từ đường CHC, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại.( ~~Theo AIP SUP A07/19 có hiệu lực từ 13/05/2019)~~

* Tàu bay hạ cánh:

+ Hạ cánh đầu 02L: Tàu bay hạ cánh → đường lăn W5/W6/W7 → đường lăn song song W → đường lăn Y5/Y6 → vệt lăn Y/Z → vị trí đỗ tàu bay.

+ Hạ cánh đầu 02R: Tàu bay hạ cánh → đầu CHC 20L quay đầu → đường lăn G5 → cắt qua đường CHC 02L/20R → đường lăn W5 → đường lăn song song W) → đường lăn Y5/Y6 → vệt lăn Y/Z → vị trí đỗ tàu bay.

+ Hạ cánh đầu 20R: Tàu bay hạ cánh → đường lăn W1/W3/W5 → đường lăn song song W → đường lăn Y5/Y6 → vệt lăn Y/Z → vị trí đỗ tàu bay.

+ Hạ cánh đầu 20L: Tàu bay hạ cánh → đường lăn G1/G3/G5 → cắt qua đường CHC 02L/20R → đường lăn W1/W3/W5 → đường lăn song song W → đường lăn Y5/Y6 → vệt lăn Y/Z → vị trí đỗ tàu bay.

* Tàu bay cất cánh:

+ Cất cánh đầu 02L: Tàu bay từ sân đỗ tàu bay → vệt lăn Y/Z → đường lăn Y5/Y6 → đường lăn song song W → đường lăn W1 → đầu CHC 02L để cất cánh.

+ Cất cánh đầu 02R: Tàu bay từ sân đỗ tàu bay → vệt lăn Y/Z → đường lăn Y5/Y6 → đường lăn song song W → đường lăn W1 → cắt qua đường CHC 02L/20R → đường lăn G1 → đầu CHC 02R để cất cánh.

+ Cất cánh đầu 20R: Tàu bay từ sân đỗ tàu bay → vệt lăn Y/Z → đường lăn Y5/Y6 → đường lăn song song W → đường lăn W7 → đầu CHC 20R để cất cánh.

+ Cất cánh đầu 20L: Tàu bay từ sân đỗ tàu bay → vệt lăn Y/Z → đường lăn Y5/Y6 → đường lăn song song W → đường lăn W5 → cắt qua đường CHC 02L/20R → đường lăn G5 → đầu CHC 20L quay đầu để cất cánh.

* + 1. Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ.

**- Vị trí đỗ số 31**: Khai thác các loại tàu bay Code D trở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đếndưới 52m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

+ Cho phép đẩy lùi, mũi hướng về phía Tây Nam, tàu bay lăn ra theo vệt lăn Y để khởi hành.

+ Vị trí này được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải, thử động cơ chế độ đủ tải do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.

**- Vị trí đỗ số 32**: Khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 65m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩyra theo vệt lăn Y để khởi hành.

+ Vị trí này được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải, thử động cơ chế độ đủ tải (nếu không có các tàu khác đang khai thác ở vị trí phía sau hoặc kế cận) do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.

**- Vị trí đỗ số 33, 34, 35, 36:** Khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 65m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ravệt lăn Y để khởi hành; sử dụngcầu hành khách và hệ thống dẫn đỗ tự động (VDGS) trong quá trình khai thác.

**- Vị trí đỗ số 37**: Khai thác các loại tàu bay Code D trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 52m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ravệt lăn Y để khởi hành.

**- Vị trí đỗ số 38**: Khai thác các loại tàu bay Code C trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

+ Cho phép đẩy lùi, mũi hướng về phía Tây Nam, tàu bay lăn ra theo vệt lăn Y để khởi hành).

+ Vị trí này được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.

**- Vị trí đỗ số 39**: Khai thác các loại tàu bay Code C trở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

+ Vị trí này được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.

**- Vị trí đỗ số 40**: Khai thác các loại tàu bay Code Ctrở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

**- Vị trí đỗ số 41, 42**: Khai thác các loại tàu bay A320 hoặc tàu bay có sải cánh và chiều dài thân tương đương~~theoA320~~ theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

**- Vị trí đỗ số 51**: Khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 65m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

**- Vị trí đỗ số 52, 53:** Khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 65m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành; sử dụngcầu hành khách và hệ thống dẫn đỗ tự động (VDGS) trong quá trình khai thác.

**- Vị trí đỗ số 54**: Khai thác các loại tàu bay Code E trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới quá 65m) và tương đương theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

- **Vị trí số 55:** Khai thác các loại tàu bay Code C trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống theo phương thức tự lăn vào/lăn ra hoặc kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành (tùy thuộc vào thực tế hoạt động, KSVKL được phép quyết định việc khai thác).

**- Vị trí số 56 đến vị trí số 63:** Khai thác các loại tàu bay Code C trở xuống(các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Y để khởi hành.

+ Trường hợp vị trí đỗ đối diện và đối diện bên phải không khai thác, tàu bay được phép tự lăn qua vị trí đỗ đối diện → rẽ trái theo vệt lăn Z→đường lăn Y5 (hoặc → Y →Y6) để khởi hành.

- **Vị trí từ số 64 đến 65:**Khai thác các loại tàu bayCode Ctrở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Z (mũi tàu bay hướng Nam)→ đường lănY5 (hoặc →Y →Y6) để khởi hành .

- **Vị trí từ số 66 đến 71:**Khai thác các loại tàu bayCode Ctrở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Z (mũi tàu bay hướng Nam) → đường lănY5 (hoặc→Y →Y6) để khởi hành .

+ Trường hợp vị trí đỗ đối diện và đối diện phía bên phải/trái không khai thác, tàu bay được phép tự lăn qua vị trí đỗ đối diện → rẽ trái/phải lăn theo vệt lăn Y → đường lăn Y5/Y6 để khởi hành.

*Vị trí các khu vực bố trí trang thiết bị mặt đất trên sân đỗ, neo chống bão*

Xem Phụ lục **-** Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay

* + 1. Những hạn chế/lưu ý tại sân đỗ.
* Vị trí đỗ tàu bay số 31: được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải, thử động cơ chế độ đủ tải do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.
* Vị trí đỗ tàu bay số 32: được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải, thử động cơ chế độ đủ tải (nếu không có các tàu khác đang khai thác ở vị trí phía sau hoặc kế cận) do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.
* Vị trí đỗ tàu bay số 38 và 39: được phép sử dụng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thử động cơ chế độ không tải do phát sinh các vấn đề về kỹ thuật của tàu bay.
* Vị trí đỗ tàu bay số 64 đến 65: Khai thác các loại tàu bay Code C trở xuống (các loại tàu bay có sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống theo phương thức tự lăn vào và kéo/đẩy ra vệt lăn Z (mũi tàu bay hướng Nam) đường lăn Y5 (hoặc →Y →Y6) để khởi hành.

1. Hệ thống sân đỗ của quân sự.
   * 1. Sân đỗ số 2: Sân đỗ tàu bay của Trung đoàn 920 - Trường sỹ quan Không quân Nha Trang có kích thước:dài 600m, rộng 280m.
     2. Sân đỗ số 3: Sân đỗ tàu bay của Lữ đoàn 954 Quân chủng Hải quân nằm ở phía Đông cạnh đường lăn song song E có kích thước: Dài 650m, rộng 190m.
2. ~~Đài kiểm soát không lưu/đài~~Trung tâm kiểm soát Tiếp cận - Tại sân Cam Ranh và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu

## Vị trí, chiều cao công trình:

* Vị trí: Đài Kiểm soáttại sân bay có vị trí cách khoảng 300 m về hướng Nam so với Nhà ga hành khách T1 Cảng HKQT Cam Ranh;
* Chiều cao : 36m (Đài Kiểm soáttại sân bay được thiết kế xây dựng có 9 tầng).

## Dịch vụ:

Trung tâm kiểm soát Tiếp cận - Tại sân Cam Ranh có 2 bộ phận do Công ty quản lý bay miền Nam đảm nhiệm cung cấp dịch vụ thuộc Công ty Quản lý bay Việt Nam:

* Cung cấp dịch vụ kiểm soát tiếp cận;
* Cung cấp dịch vụ kiểm soát tại sân;
* Cung cấp dịch vụ kiểm soát mặt đất.

## Phạm vi trách nhiệm:

* 1. Kiểm soát tại sân Cam Ranh (TWR Cam Ranh)
* Giới hạn ngang:là vòng tròn có bán kính 8 NM (15km), tâm là điểm qui chiếu sân bay (11°59’43.66”N – 109°13’06.29”E.)
* Giới hạn cao: Từ mặt đất/nước lên đến và bao gồm độ cao 750m (AMSL).
* Kiểm soát tàu bay, người, phương tiện vận hành mặt đất tại đường lăn, sân đỗ.
  1. Kiểm soát Tiếp cận Cam Ranh (APP Cam Ranh)
* Giới hạn cao: Mực bayFL155 (4700m).
* Giới hạn thấp:

+ 450m (AMSL) trong vòng bán kính 30km, tâm là điểm qui chiếu sân bay.

+ 750m (AMSL) trong vòng bán kính từ 30km đến 74km, tâm là điểm qui chiếu sân bay.

* Giới hạn ngang: Đường nối các điểm có các tọa độ WGS-84 tương ứng như sau:

Điểm 1 12°15’55”N – 108°35’47”E

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm 2 | 12°25’10”N – 108°41’33”E |
| Điểm 3 | 12°22’03”N – 108°46’43”E |
| Điểm 4 | 12°33’27”N – 109°04’26”E |
| Điểm 5 | 12°38’49”N – 109°03’54”E |
| Điểm 6 | 12°38’48”N – 109°22’26”E |
| Điểm 7 | 12°33’19”N – 109°22’17”E |
| Điểm 8 | 12°22’37”N – 109°39’44”E |
| Điểm 9 | 12°23’47”N – 109°45’46”E |
| Điểm 10 | 11°30’42”N – 109°41’14”E |
| Điểm 11 | 11°32’16”N – 109°16’11”E |
| Điểm 12 | 11°38’21”N – 109°09’20”E |
| Điểm LUPVA | 11°44’48”N – 108°57’07”E |
| Điểm LAVUT | 11°53’47”N – 108°51’55”E |
| Điểm 13 | 12°06’06”N – 108°52’02”E |

## Thời gian hoạt động: Hoạt động 24/24 giờ.

## Giấy phép khai thác:

Giấy phép Khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo Quyết định số 3229/GP-CHK ngày 13/08/2019 của Cục Hàng không Việt Nam.

1. Thông tin về các thiết bị phụ trợ dẫn đường, bao gồm:
2. Các thiết bị dẫn đường và tiếp cận hạ cánh: Gồm đài NDB, đài DVOR/DME và hệ thống hạ cánh bằng thiết bị ILS/DME

5.1.1 Đài dẫn đường vô hướngNDB:

a) Loại, ký hiệu

* Mã hiệu: CR
* Loại máy:NAUTEL ND-2000
* Công suất phát: 500 W
* Tầm phủ: 150Km.
* Năm sản xuất: 1998
* Năm lắp đặt: 2004
* Nước sản xuất:Canada

b) Vị trí

* Ví trí:cách thềm đường CHC…..
* Tọa độ: 12°00’00,6407”N - 109°12’59,0095”E (Hệ WGS- 84)

c) Tần số: 414 KHz

d) Chế độ làm việc: 24/24h

5.1.2Đài dẫn đường DVOR/DME

a) Loại, ký hiệu

* Mã hiệu: CRA
* Loại máy:DVOR 1150/DME 1119A
* Công suất phát: DVOR: 100W; DME:1000W
* Tầm phủ: Bán kính R = 320 km
* Năm lắp đặt: 2006
* Nước sản xuất:Hoa kỳ

b) Vị trí

* Ví trí:
* Tọa độ: 11o59'40''N-109o13'12''E(Theo WGS-84)

c) Tần số: DVOR: 116.5MHz và DME: CH112X

d) Chế độ làm việc: 24/24h

5.1.3 Đài ILS//DME

5.1.3.1 Thiết bị ILS/DME sử dụng cho đầu 02L(viết lại kết cấu như dưới)

a) Loại, ký hiệu

* Mã hiệu: ILK
* Loại máy: LOC/GP: Normac 7013B; DME: Fernau 2020
* Công suất phát: LOC: 25 W, GP: 5W và DME: 1000 W
* Tầm phủ: LOC: 25 NM, GP: 10NM, DME: 25NM
* Năm sản xuất: 2010
* Nước sản xuất: LOC, GP: Nauy; DME: Anh

b) Vị trí

* Ví trí đài cách thềm đường CHC: .... m
* Tọa độ: LOC: 11o45’14,2549’’N - 108o22’45,7004’’E (Theo WGS-84); GP, DME: 11o45’10,0476’’N - 108o20’58,0206’’E

c) Tần số: LOC: 110,9 MHz, GP: 330,8 MHz và DME: CH 46X (tần số phát: .......MHz, tần số thu: ...... MHz);

d) Chế độ làm việc: 24/24h

* 1. LLZ 421: Đài chỉ hướng hạ cánh
* Tên hiệu: ICR;
* Tần số phát: 110,7MHz;
* Công suất: 25W;
* Tầm phủ: 46 km;
* Hoạt động 24/24 giờ;
* Tọa độ (hệ WGS 84): 12000’49,1558’’B – 109013’28,9434’’Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 20R: 290m;
* Loại máy: Thales LLZ421. Nhà sản xuất: Đức;
* Năm lắp đặt: 2012.

1. GP 422: Đài chỉ tầm hạ cánh

* Tần số phát: 330,2MHz
* Công suất: 5W
* Tầm phủ sóng: 18,5 km.
* Hoạt động: 24/24 giờ
* Tọa độ (hệ WGS 84): 11059’13,1620’’B – 109012’59,3509’’Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 02L: 255m
* Góc trượt: 3,50;
* Vị trí đài cách tim đường CHC 20R-02L: 105m
* Loại máy: Thales GP422. Nhà sản xuất: Đức
* Năm lắp đặt: 2012.

1. DME 415: Đài đo cự ly

* Tên hiệu: ICR.
* Kênh làm việc: 44X. (Tần số phát1005MHz, Tần số thu 1068MHz)
* Công suất phát: 100W.
* Hoạt động 24/24 giờ
* Vị trí: lắp đặt cùng vị trí với đài GP 422.
* Loại máy: Thales DME 415. Nhà sản xuất: Đức
* Năm lắp đặt: 2012
* Hoạt động 24/24 giờ

1. Giấy phép hệ thống ILS: Giấy phép số 568/GP-CHK có giá trị đến ngày 09 tháng 02 năm 2020.

5.1.3.2 Thiết bị ILS/DME sử dụng cho đầu 02R

a) Loại, ký hiệu

* Mã hiệu: ILK
* Loại máy: LOC/GP: Normac 7013B; DME: Fernau 2020
* Công suất phát: LOC: 25 W, GP: 5W và DME: 1000 W
* Tầm phủ: LOC: 25 NM, GP: 10NM, DME: 25NM
* Năm sản xuất: 2010
* Nước sản xuất: LOC, GP: Nauy; DME: Anh

b) Vị trí

* Ví trí đài cách thềm đường CHC: .... m
* Tọa độ: LOC: 11o45’14,2549’’N - 108o22’45,7004’’E (Theo WGS-84); GP, DME: 11o45’10,0476’’N - 108o20’58,0206’’E

c) Tần số: LOC: 110,9 MHz, GP: 330,8 MHz và DME: CH 46X (tần số phát: .......MHz, tần số thu: ...... MHz);

d) Chế độ làm việc: 24/24h

* 1. LLZ 7013B: Đài chỉ hướng hạ cánh
* Tên hiệu: ICX;
* Tần số phát: 111,9MHz;
* Công suất: 25W;
* Tầm phủ: 46 km;
* Hoạt động 24/24 giờ;
* Tọa độ (hệ WGS 84): 12°00’36,65932”B - 109°13’35,25411”Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 20L: 290m;
* Loại máy: Normarc LLZ 7013B. Nhà sản xuất: Nauy
* Năm lắp đặt: 2018.
  1. GP 7033B: Đài chỉ tầm hạ cánh
* Tần số phát: 331,1MHz
* Công suất: 8W
* Tầm phủ sóng: 18,5 km.
* Hoạt động: 24/24 giờ
* Tọa độ (hệ WGS 84): 11°59’00,52201”B - 109°13’05,95473”Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 02R: 275m
* Góc trượt: 3,50;
* Vị trí đài cách tim đường CHC 20L-02R: 120m
* Loại máy: Normarc GP 7033B. Nhà sản xuất: Nauy
* Năm lắp đặt: 2012.
  1. DME LDB-103: Đài đo cự ly
* Tên hiệu: ICX.
* Kênh làm việc: 56X. (Tần số phát1017MHz, Tần số thu 1080MHz)
* Công suất phát: 100W.
* Hoạt động 24/24 giờ
* Vị trí: lắp đặt cùng vị trí với đài GP 7033B.
* Loại máy: Normarc DME LDB-103. Nhà sản xuất: Nauy
* Năm lắp đặt: 2018
* Hoạt động 24/24 giờ
  1. Giấy phép hệ thống ILS: Giấy phép hệ thống ILS: Đang chờ CHC cấp phép

5.1.3.3 Thiết bị ILS/DME sử dụng cho đầu 20L

a) Loại, ký hiệu

* Mã hiệu: ILK
* Loại máy: LOC/GP: Normac 7013B; DME: Fernau 2020
* Công suất phát: LOC: 25 W, GP: 5W và DME: 1000 W
* Tầm phủ: LOC: 25 NM, GP: 10NM, DME: 25NM
* Năm sản xuất: 2010
* Nước sản xuất: LOC, GP: Nauy; DME: Anh

b) Vị trí

* Ví trí đài cách thềm đường CHC: .... m
* Tọa độ: LOC: 11o45’14,2549’’N - 108o22’45,7004’’E (Theo WGS-84); GP, DME: 11o45’10,0476’’N - 108o20’58,0206’’E

c) Tần số: LOC: 110,9 MHz, GP: 330,8 MHz và DME: CH 46X (tần số phát: .......MHz, tần số thu: ...... MHz);

d) Chế độ làm việc: 24/24h

1. LLZ 7013B: Đài chỉ hướng hạ cánh

* Tên hiệu: ICA;
* Tần số phát: 110,3MHz;
* Công suất: 25W;
* Tầm phủ: 46 km;
* Hoạt động 24/24 giờ;
* Tọa độ (hệ WGS 84): 11°58’44,92100”B - 109°12’56,52447”Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 20L: 290m;
* Loại máy: Normarc LLZ 7013B. Nhà sản xuất: Nauy;
* Năm lắp đặt: 2018.

1. GP 7033B: Đài chỉ tầm hạ cánh

* Tần số phát: 331,1MHz
* Công suất: 8W
* Tầm phủ sóng: 18,5 km.
* Hoạt động: 24/24 giờ
* Tọa độ (hệ WGS 84): 12°00’16,48270”B - 109°13’32,27646”Đ
* Vị trí đài cách thềm đường CHC 02R: 275m
* Góc trượt: 3,50;
* Vị trí đài cách tim đường CHC 20L-02R: 120m
* Loại máy: Normarc GP 7033B. Nhà sản xuất: Nauy
* Năm lắp đặt: 2012.

1. DME LDB-103: Đài đo cự ly

* Tên hiệu: ICX.
* Kênh làm việc: 56X. (Tần số phát1017MHz, Tần số thu 1080MHz)
* Công suất phát: 100W.
* Hoạt động 24/24 giờ
* Vị trí: lắp đặt cùng vị trí với đài GP 7033B.
* Loại máy: Normarc DME LDB-103. Nhà sản xuất: Nauy
* Năm lắp đặt: 2018
* Hoạt động 24/24 giờ

1. Giấy phép hệ thống ILS: Đang chờ CHC cấp phép
   * 1. ~~Thiết bị dẫn đường khác:~~
2. ~~Đài DVOR/DME~~

* ~~Tên hiệu: CRA~~
* ~~Tần số phát DVOR: 116.5MHz và DME: CH112X~~
* ~~Công suất: DVOR: 100W; DME:1000W~~
* ~~Tầm phủ: 320Km~~
* ~~Tọa độ: 11~~~~o~~~~59'40''N-109~~~~o~~~~13'12''E~~
* ~~Hoạt động 24/24 giờ~~
* ~~Năm lắp đặt: 2006~~

1. ~~Đài NDB~~

* ~~Tên hiệu: CR~~
* ~~Tần số: 414Khz~~
* ~~Công suất: 500W~~
* ~~Tầm phủ: 150Km~~
* ~~Tọa độ: 12°00’00,6407”B - 109°12’59,0095”Đ~~
* ~~Hoạt động 24/24 giờ~~
* ~~Năm sản xuất: 1998~~
* ~~Năm lắp đặt: 2004~~
* ~~Nhà sản xuất : Nautel ND 2000 (CANADA)~~

1. ~~Giấy phép NDB: Giấy phép số 865/GP-CHK có giá trị đến ngày 05 tháng 03 năm 2021~~
2. Thiết bị trợ giúp bằng mắt trong phương thức tiếp cận
   * 1. **Hệ thống đèn tiếp cận*:***
        1. **Loại, ký hiệu:**
        2. **Chế độ làm việc:**
   1. **Đèn tiếp cận**

* Đèn tiếp cận đầu 02L:

+ Đèn tiếp cận cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu trắng: số lượng 45 bộ, công suất 150W;

* Đèn tiếp cận đầu 02R:

+ Đèn tiếp cận cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu trắng: số lượng 120 bộ, công suất 150W;

* Đèn tiếp cận đầu 20L:

+ Đèn tiếp cận cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu trắng: số lượng 45 bộ, công suất 150W;

* Đèn tiếp cận đầu 20R:

+ Đèn tiếp cận cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu trắng: số lượng 45 bộ, công suất 150W;

* 1. **Đèn thềm**
* Đèn thềm đầu 02L:

+ Đèn thềm cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu xanh: Số lượng 26 bộ, công suất 150W;

* Đèn thềm đầu 02R:

+ Đèn thềm cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu xanh: Số lượng 26 bộ, công suất 150W;

* Đèn thềm đầu 20R:

+ Đèn thềm cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu xanh: Số lượng 26 bộ, công suất 150W;

* Đèn thềm đầu 20L:

+ Đèn thềm cường độ sáng cao đặt nổi 1 hướng, màu xanh: Số lượng 26 bộ, công suất 150W;

* Đèn giới hạn đầu 02L/20R:

+ Đèn giới hạn cường độ sáng cao, đơn hướng, hướng về phía đường HCC. Góc chụm 00, góc ngẩng 2,50, màu đỏ: Số lượng đầu 20R (6 bộ), đầu 02L (6 bộ)

* Đèn giới hạn đầu 02R/20L:

+ Đèn giới hạn cường độ sáng cao, đơn hướng, hướng về phía đường HCC. Góc chụm 00, góc ngẩng 2,50, màu đỏ: Số lượng đầu 20L (6 bộ), đầu 02R (6 bộ)

* Đèn chớp đầu 02L/20R: Đèn chớp được đặt tại thềm đường HCC. Nguồn cung cấp 230 VAC + 10%, 50 Hz, công suất tiêu thụ nhỏ hơn 230 W, đối xứng với nhau qua tim đường HCC và cách mép đường HCC một khoảng 10m.
* Đèn chớp đầu 02R/20L: Đèn chớp được đặt tại thềm đường HCC. Nguồn cung cấp 230 VAC + 10%, 50 Hz, công suất tiêu thụ nhỏ hơn 230 W, đối xứng với nhau qua tim đường HCC và cách mép đường HCC một khoảng 10m.
  + 1. **Đèn chỉ thị độ dốc PAPI**
       1. **Loại, ký hiệu:**
       2. **Chế độ làm việc:**
* PAPI đầu 02L: Góc độ dốc của đèn là 3,50; Dãy đèn cách thềm 02: 301m; Hộp A cách mép đường CHC 64,5m, Hộp B cách tim đường CHC 55,5m, Hộp C cách tim đường CHC 46,5m, Hộp D cách tim đường CHC 37,5m. Mỗi hộp đèn có hai màu trắng và đỏ, đèn loại đơn hướng, cường độ sáng cao. Dãy đèn được lắp bên trái đường CHC.
* PAPI đầu 02R: Góc độ dốc của đèn là 3,50; Dãy đèn cách thềm 02R: 295.6m; Hộp A cách mép đường CHC 64,5m, Hộp B cách tim đường CHC 55,5m, Hộp C cách tim đường CHC 46,5m, Hộp D cách tim đường CHC 37,5m. Mỗi hộp đèn có hai màu trắng và đỏ, đèn loại đơn hướng, cường độ sáng cao. Dãy đèn được lắp bên trái đường CHC.
* PAPI đầu 20R: Góc độ dốc của đèn là 30, dãy đèn cách thềm 20: 382m; Hộp A cách tim đường CHC 64,5m, Hộp B cách tim đường CHC 55,5m, Hộp C cách tim đường CHC 46,5m, Hộp D cách tim đường CHC 37,5m. Mỗi hộp đèn có hai màu trắng và đỏ, đèn loại đơn hướng, cường độ sáng cao. Dãy đèn được lắp bên phải đường CHC.
* PAPI đầu 20L: Góc độ dốc của đèn là 30, dãy đèn cách thềm 20: 386.9m; Hộp A cách tim đường CHC 64,5m, Hộp B cách tim đường CHC 55,5m, Hộp C cách tim đường CHC 46,5m, Hộp D cách tim đường CHC 37,5m. Mỗi hộp đèn có hai màu trắng và đỏ, đèn loại đơn hướng, cường độ sáng cao. Dãy đèn được lắp bên phải đường CHC.

1. Hệ thống đèn đường cất hạ cánh, đường lăn, đèn sân đỗ tàu bay

5.3.1. Hệ thống đèn đường CHC

5.3.1.1 Loại, ký hiệu

5.3.1.2 Chế độ làm việc

5.3.2. Hệ thống đèn đường lăn

5.3.2.1 Loại, ký hiệu

5.3.2.2 Chế độ làm việc

5.3.3. Hệ thống đèn sân dỗ

5.3.3.1 Loại, ký hiệu

5.3.3.2 Chế độ làm việc

1. Đèn lề đường CHC 02L-20R:

* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt nổi 2 hướng màu trắng/trắng: số lượng 52 bộ, công suất 150W;
* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt nổi 2 hướng màu trắng/vàng: số lượng 40 bộ, công suất 2 bóng 105W;
* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt chìm 2 hướng màu trắng/trắng: số lượng 08 bộ, công suất 200W;

1. Đèn lề đường CHC 02R-20L:

* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt nổi 2 hướng màu trắng/trắng: số lượng 56 bộ, công suất 150W;
* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt nổi 2 hướng màu trắng/vàng: số lượng 36 bộ, công suất bóng 150W;
* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt chìm 2 hướng màu trắng/vàng: số lượng 04 bộ, công suất 200W;
* Đèn lề đường CHC cường độ sáng cao đặt chìm 2 hướng màu trắng/trắng: số lượng 04 bộ, công suất 200W;

1. Hệ thống đèn đường lăn:

Đèn lề đường lăn: Đèn lề đường lăn cường độ sáng trung bình đặt nổi đa hướng màu xanh: gồm 397 bộ, công suất 45W, 133 bộ 25W; 05 bộ lắp chìm 40W.

1. Đèn xoay: Đèn xoay đặt trên nóc Đài chỉ huy cường độ sáng cao 2 hướng xanh/trắng; số lượng 1 bộ, công suất 500W. tốc độ quay 12v/p
2. Đèn Guard light tại các đường lăn E1, E3, E5, E7:

Đèn bảo vệ Guard light gồm 8 bộ đèn Led có cường độ sáng trung bình. Mỗi bộ gồm 02 bóng đèn sẽ chớp luân phiên khi hoạt động công suất 6VA.

1. Đèn Stopbar tại các đường lăn G1, G3, G5, G7:

Gồm 78 bộ đèn được lắp chìm, ánh sáng màu đỏ đơn hướng. Công suất: 60W

1. Đèn chớp tuần tự đầu 02R:

Gồm 17 bộ đèn chớp lắp tại tim đường tiếp cận bắt đầu từ vị trí cách thềm 300m đến vị trí cách thềm 900m. . Nguồn cung cấp 230 VAC ± 10%, 50 Hz, công suất tiêu thụ nhỏ hơn 230 W. Mỗi đèn cách nhau 30m, được lắp trên trụ đèn tiếp cận đầu 02R.

1. Đèn cột gió:

Gồm 4 bộ đèn cột gió và cao không. Lắp đặt trong lề cỏ giúp xác định hướng gió. Mỗi đường CHC sử dụng 02 đèn cột gió.

1. Các hệ thống hỗ trợ và chỉ dẫn khác, các hệ thống điều khiển trên đường lăn, sân đỗ:
   * Cột gió: vị trí lắp đặt?
   * Hệ thống đèn đường cất hạ cánh, đèn tiếp cận và đèn đường lăn được điều khiển qua bàn điều khiển từ xa tại Đài Kiểm soát không lưu Cam Ranh để điều chỉnh cường độ hoặc tắt mở đèn;
   * Ngoài ra còn có các biển báo bắt buộc và biển báo thông tin hướng dẫn đặt ở các vị trí theo quy định khuyến cáo thực hành của ICAO; Để định vị sân bay còn có đèn pha xoay trên nóc Đài Kiểm soát không lưu Cam Ranh;
   * Để hướng dẫn tàu bay trong trường hợp mất thông tin liên lạc, tại Đài Kiểm soát không lưu Cam Ranh còn có đèn tín hiệu, pháo hiệu theo quy định
2. Hệ thống cấp điện dự phòng; thời gian chuyển đổi từ điện lưới quốc gia sang nguồn điện dự phòng
   * Nguồn điện dự phòng gồm 2 máy với công suất 400 KVA đặt tại trạm nguồnkhu bay. Hệ thống đèn sẽ được cung cấp nguồn tại các máy phát này nếu như nguồn điện lưới bị mất.
   * Thời gian chuyển đổi giữa nguồn điện luới và nguồn điện dự phòng ~~cho thiết bị phục vụ hoạt động bay được trang bị theo tiêu chuẩn ICAO cho phép gián đoạn~~ tối đa là15 giây ~~bảo đảm cho công tác điều hành bay~~.
3. Vị trí ~~và tần số vô tuyến~~ của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân bayvà tần số vô tuyến:

Cảng HKQT Cam Ranh không sử dụng điểm kiểm tra vị trí và tần số đài VOR.

1. Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất:

7.1Hệ thống sơn kẻ tín hiệu:

1. Vị trí khu vực được sơn, kẻ tín hiệu gồm:

* Tim đường CHC;
* Lề đường CHC;
* Thềm đường CHC;
* Khu vực chạm bánh và điểm ngắm;
* Điểm chờ trước đường CHC;
* Đoạn dừng (stopway);
* Tim đường lăn;
* Lề và cạnh đường lăn;
* Vệt dẫn lăn trên sân đỗ;
* Đoạn dừng chờ trung gian;
* Vạch giới hạn an toàn vị trí đỗ;
* Khu vực tập trung các thiết mặt đất hàng không tại sân đỗ tàu bay;
* Khu vực cấm đỗ xe;
* Lề đường công vụ;
* Tim đường công vụ;
* Vạch băng qua đường công vụ;
* Vạch dừng chờ đường công vụ.

1. Về màu sắc của các đường sơn kẻ được thể hiện như sau:

* Màu đỏ: Cảnh báo về giới hạn an toàn đối với tàu bay, giới hạn vị trí đỗ, khu vực cấm;
* Màu trắng: Kẻ trên đường CHC, đường công vụ, các đường lưu thông kể cả trên các khu vực đổ xe;
* Màu vàng: Kẻ tim và biên đường lăn, đường dẫn vào vị trí đỗ, vị trí tránh mũi tàu bay;
* Màu đen: Sơn viền, sơn kẻ tín hiệu đường lăn, đường CHC.

1. Kích thước và quy cách: Tuân thủ theo Thông tư 34/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 11/08/2014 Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sơn tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn sân đỗ tàu bay”

(Bổ sung sơ đồ hệ thống sơn kẻ)

7.2 Biển báo khu bay:

1. Vị trí, màu sắc được thể hiện tại Phụ lục:....
2. Số lượng: 38 vị trí biển báo chỉ dẫn, có chiếu sáng bên trong, công suất 100-200W
3. Kích thước, quy cách: Tuân thủ theo quy định tại TCCS 14: 2013/CHK Hệ thống biển báo tại cảng hàng không dân dụng.

~~Hệ thống biển báo chỉ dẫn tàu bay: Gồm 138 vị trí biển báo chỉ dẫn, có chiếu sáng bên trong, công suất 100-200W~~

~~- Hệ thống biển báo bắt buộc:~~

* + ~~Biển báo số hiệu đường CHC;~~
  + ~~Biển báo vị trí chờ CAT I;~~
  + ~~Biển báo vị trí chờ lên đường CHC;~~
  + ~~Biển báo vị trí chờ trên đường công vụ;~~
  + ~~Biển báo cấm vào.~~

~~- Hệ thống biển báo chỉ dẫn:~~

* + ~~Biển báo chỉ hướng;~~
  + ~~Biển báo vị trí;~~
  + ~~Biển báo đích đến;~~
  + ~~Biển báo lối ra đường CHC;~~
  + ~~Biển báo đường CHC trống;~~
  + ~~Biển báo vị trí nút giao cất cánh;~~
  + ~~Biển báo chỉ vị trí đỗ tàu bay;~~
  + ~~Biển báo vị trí kiểm tra đài VOR sân bay.~~

(Bổ sung sơ đồ hệ thống biển báo khu bay)

7.3 Hệ thống dẫn đỗ tự động – VDGS:

Có 6 vị trí đỗ tàu bay có sử dụng hệ thống VDGS:Vị trí đỗ tàu bay số: 33,34,35, 36, 52 và 53.

1. Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay

Cảng HKQT Cam Ranh không bố trí điểm kiểm tra độ cao trước chuyến bay.

1. Hệ thống đường giao thông trong khu bay

Cảng HKQT Cam Ranh chưa có hệ thống đường giao thông nội bộ trong khu bay, các phương tiện di chuyển ra khu bay chủ yếu đi trên hệ thống đường lăn, đường CHC.

Khu vực sân đỗ tàu bay có hệ thống đường giao thông công vụ, được giới hạn với các vị trí đỗ tàu bay và các khu vực khác bằng đường sơn liền màu trắng, tim đường công vụ được sơn nét đứt màu trắng, bề rộng 10 cm.

.

1. Hạ tầng bảo vệ môi trường
2. Hệ thống thu gom, lưu trữ chất thải rắn

* Hợp đồng thu gom và xử lý chất thải rắn với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải rắn từ nhà tập kết rác thải về nơi xử lý rác thải theo quy định.

\* Kho chứa rác thải.

* Vị trí: Tại phía Nam nhà ga hành khách T1 cách nhà ga 200m.
* Quy mô: Nhà chứa có diện tích 80m2, sân bãi 100m2.
* ~~Chức năng: Thu gom rác thải rắn và phân loại chất thải.~~
* Các thùng đựng rác:Các loại thùng đựng rác nhựa, Inox có kích thước khác nhau được đặt tại các vị trí thích hợp trong nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu văn phòng, khu nhà ngoại trường và các khu vực công cộng của sân bay.

1. Hệ thống thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại

* Vị trí:
  + Các thùng đựng chất thải nguy hại đặt tại khu nhà ngoại trường, khu văn phòng để các công ty Phục vụ mặt đất, kỹ thuật tàu bay phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại.
  + Tại phía Nam nhà ga hành khách T1 cách nhà ga 200m.
* ~~Quy trình thu gom và xử lý: Nhân viên vệ sinh Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ vệ sinh công nghiệp Sài Gòn chịu trách nhiệm thu gom chất thải nguy hại từ nhà ga hành khách và khu văn phòng, nhà kho hàng hóa đưa về Nhà kho tập kết rác thải sau lưu giữ. Định kỳ 06 tháng tùy thuộc vào khối lượng chất thải nguy hại được đơn vị thu gom là công ty CP môi trường Khánh Hòa đến thu gom và mang đi xử lý.~~
* Quy mô: Nhà chứa có diện tích 80m2, sân bãi 100m2.

1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải lỏng
2. Chất thải lỏng nhà ga hành khách.

* Nhà ga hành khách T1
* Vị trí: Nằm phía Nam cách nhà ga T1 50m.
* Quy mô - công suất: Xử lý 300 m3
* Nhà ga hành khách T2.
* Vị trí: Nằm phía Bắc cách nhà ga T1 100m.
* Quy mô - công suất: Xử lý 400 m3

1. Chất thải lỏng tàu bay:

* Vị trí: Hầm chúa chất thải lỏng từ tàu bay nằm phía Tây Bắc Nhà ga hành khách T2,

Quy mô - công suất: Lưu giữ được 100 m3 chất thải lỏng.

1. Những hạn chế, lưu ý

Vị trí chứa chất thải rắn, lỏng, nguy hại hiện tại không đúng theo quy hoạch tạiquyết định số 1006…và quyết định số 1217….🡨 viết lại

1. Hạ tầng cung cấp nhiên liệu cho tàu bay

11.1 Hạ tầng tra nạp nhiên liệu ngầm: Không.

11.2 Hạ tầng tra nạp nhiên liệu nổi:

11.2.1 Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC):

11.2.1.1Vị trí:

11.2.1.2 Quy mô, diện tích:

11.2.1.3Phương án, phương thức cung cấp nhiên liệu:

11.2.2Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex ( PA):

11.2.2.1 Vị trí:

11.2.2.2 Quy mô, diện tích:

11.2.2.3Phương án, phương thức cung cấp nhiên liệu:

Hiện tại có 02 doanh nghiệp cung cấp nhiên liệu bay tại Cảng HKQT Cam Ranhbao gồm Chi nhánh Nha Trang - Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC)và Chi nhánh Cam Ranh - Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex( PA).

## 11.1 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam khu vực miền Trung (SKYPEC):

### 11.1.1 Số lượng kho, bồn chứa nhiên liệu; dung tích kho, bồn và sơ đồ bố trí.

- Số lượng kho, bồn chứa nhiên liệu: 03;

- Dung tích: 01 bồn có dung tích 3.200 m3, 02 bồn có dung tích 500 m3.

Tổng dung tích : 4.200 m3.

### 11.1.2 Hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu tại sân đỗ tàu bay; sơ đồ bố trí.

Tại Cảng HKQT Đà Nẵng không có hệ thống cung cấp nhiên liệu ngầm tại sân đỗ tàu bay.

### 11.1.3 Phương án, phương thức cung cấp nhiên liệu.

Phương án cung cấp nhiên liệu bay là sử dụng Xe tra nạp nhiên liệu vận chuyển từ bồn chứa của của công ty đến tra nạp trực tiếp vào tàu bay.

## 11.2 Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex:

### 11.2.1 Số lượng kho, bồn chứa nhiên liệu; dung tích kho, bồn và sơ đồ bố trí.

- Số lượng kho, bồn chứa nhiên liệu: 03;

- Dung tích: 01 bồn có dung tích 100 m3, 02 bồn có dung tích 1000 m3.

Tổng dung tích : 2.100 m3.

### 11.2.2 Hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu tại sân đỗ tàu bay; sơ đồ bố trí.

Tại Cảng HKQT Đà Nẵng không có hệ thống cung cấp nhiên liệu ngầm tại sân đỗ tàu bay.

### 11.2.3 Phương án, phương thức cung cấp nhiên liệu.

Phương án cung cấp nhiên liệu bay là sử dụng Xe tra nạp nhiên liệu vận chuyển từ bồn chứa của Công ty đến tra nạp trực tiếp vào tàu bay.

1. Hệ thống cấp điện trong khu bay

12.1 Nguồn điện lưới:

Nguồn điện thương mại 22kV do Điện lực Cam Ranh – Khánh Sơn quản lý. Nguồn điện này được đưa qua máy biến áp 22/0,4kV - 400kVA, kết hợp với nguồn máy phát điện dự phòng qua bộ chuyển đổi nguồn tự động ATS. Trong cùng một thời điểm chỉ có thể có một nguồn điện được cung cấp cho hệ thống.

12.2 Nguồn điện dự phòng:

* + Nguồn điện dự phòng cho thiết bị khu bay: gồm 2 máy phát với công suất 350 KVA (SDMO) và 550 KVA (Cummins) đặt tại trạm nguồn khu bay.
  + Nguồn điện dự phòng cho thiết bị nhà ga: gồm 1 máy MTU 1000 KVA và 1 máy Kohler 100KvA đặt tại trạm nguồn nhà ga; Hệ thống nguồn điện dự phòng UPS 60 KVA cho các trang thiết bị cơ bản tại nhà ga hành khách.

12.3 Chế độ chuyển đổi :

* Hệ điều khiển ATS máy tự động phát điện trong vòng 15 giây khi diện lưới bị ngắt
* Hệ thống điện luôn luôn hoạt ở chế độ tự động. Ưu tiên điện lưới cung cấp điện cho phụ tải. Khi điện lưới bị sự cố (không cung cấp điện được cho phụ tải), Bộ điều khiển trung tâm đưa tín hiệu đến máy phát điện khởi động và cung cấp điện cho phụ tải.
* Khi điện lưới có trở lại, Bộ điều khiển trung tâm ưu tiên điện lưới cấp điện cho phụ tải và đưa tín hiệu ra dừng máy phát điện. Hệ thống tự động ưu tiên cho điện lưới cấp tải và máy phát điện tự ngừng hoạt động

~~12.4 Hệ thống cấp điện thường xuyên~~

~~Hệ thống điện lưới quốc gia;~~

~~12.5 Hệ thống cấp điện dự phòng~~

* ~~01 máy phát điện dự phòng động cơ diesel công suất 1MVA.~~
* ~~Hệ thống cung cấp nguồn điện không gián đoạn (UPS): để duy trì liên tục nguồn điện 30 phút tới các hệ thống quan trọng đảm bảo hoạt động bay như các máy chủ server, hệ thống camera giám sát, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống báo công cộng, hệ thống hiển thị thông tin chuyến bay.~~

~~12.6 Chế độ chuyển đổi~~

~~Chuyển đổi tự động, khi điện lưới mất, trong thời gian 15 giây máy nổ hoạt động ổn định và kết nối điện cho hệ thống trang thiết bị nhà ga. Khi máy nổ đang hoạt động, điện lưới có lại, trong thời gian 5 giây, máy nổ tắt, điện lưới được kết nối.~~

1. Hệ thống cấp, thoát nước trong khu bay

13.1Hệ thống cấp nước sạch

Hệ thống cung cấp nước sạch cho Cảng HKQT Cam Ranh được nhà máy cấp nước Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa cung cấp, được dữ trữ trên các bồn lắp đặt phía trên cao của nhà ga hành khách Cảng HKQT Cam Ranh.

13.2 Hệ thống thoát nước

Nước thải trong Cảng HKQT Cam Ranh chủ yếu là: Nước thải sinh hoạt, nước mưa.

Biện pháp xử lý:

* Hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước tự nhiên:
* Mương số 1: là tuyến mương song song dọc theo phía Đông đường CHC02R/20L để thoát nước mặt từ đường CHC 02R/20L, bảo hiểm sườnvà đường lăn E về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 2 :là tuyến mương song song dọc theo phía Tây đường CHC02R/20L để thoát nước mặt từ đường CHC 02R/20L, bảo hiểm về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 3:là tuyến mương song song dọc theo phía Đông đường CHC02L/20Rđể thoát nước mặt từ đường CHC 02L/20R, bảo hiểm sườn về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 4:là tuyến mương song song dọc theo phía Tây đường CHC02R/20L và đường lăn W để thoát nước mặt từ đường CHC 02L/20R, bảo hiểm sườnvà đường lăn W về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 5:là tuyến mương song song dọc theo phía Tây đường lăn W để thoát nước mặt từ đường lăn W và sân đỗ tàu bay số 2 về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 6:là tuyến mương phía Nam nhà ga hành khách T1, phía Tây sân đỗ tàu bay số 2 để thoát nước mặt từ sân đỗ tàu bay số 1 về phía Tây cảng hàng không rồi theo địa hình thoát nước về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.
* Mương số 7:là tuyến mương phía Bắc nhà ga hành khách T2, phía Tây sân đỗ tàu bay số 1 để thoát nước mặt từ sân đỗ tàu bay số 1 về phía Tây cảng hàng không .
* Mương số8:là tuyến mương được xây dựng phía Tây sân đỗ tàu bay số để thoát nước khu vực sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách T1 và T2 kết nối với mương số 6 và số 7.

(Bổ sung sơ đồ thoát nước khu bay kèm theo)

* ~~Hệ thống xử lý nước thải:~~

*~~\* Hệ thống xử lý nước thải1:~~* ~~nằm ở phía Nam nhà ga hành khách T1. Thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà ga hành khách, các khu cung cấp dịch vụ, các khu vực chức năng khác của Cảng hàng không.~~

~~+ Công suất: 100 m~~~~3~~~~/ ngày.~~

~~+ Nước thải sau khi được xử lý thoát theo mương số 6 về phía Tây cảng hàng không rồi theo địa hình thoát nước về hồ điều hòa phía Nam cảng hàng không.~~

~~\*~~ *~~Hệ thống xử lý nước thải2~~*~~: nằm ở phía Bắc nhà ga hành khách T2. Thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà ga hành khách, các khu cung cấp dịch vụ.~~

~~+ Công suất: 400 m~~~~3~~~~/ ngày.~~

~~+ Nước thải sau khi được xử lý thoát theo mương số 7 về phía Tây cảng hàng không .~~

~~Công suất thiết kế của hệ thống thoát nước: đáp ứng với lượng mưa cao nhất.~~

1. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

14.1 Hàng rào vành đai, hàng rào an ninh sân bay

Cảng HKQT Cam Ranh hiện có hàng rào nhưng chưa khép kín, cụ thể như sau:

* Phía Đông cảng hàng không là tường rào gạch từ hồ nước ngọt đầu đường CHC 02 đến đầu CHC 20 theo vành đai cảng hàng không dài 3.890m; cao 2,45m.
* Phía Tây cảng hàng không:

+ Từ ngã ba vào Vùng 4 Hải quân đến tường rào đầu đường lăn song song P2là Hồ nước ngọt có 700m chưa có tường rào;

+ Từ tường rào đầu đường lăn song song P2 đến Trung tâm huấn luyện phi công - Học viện Hàng không Việt Nam có tường rào gạch dài 1.200m, chiều cao 2,45m.

+ Từ sân đỗ tàu bay của Trung đoàn 920đến tường rào của Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh là hàng rào gạch lưới B40 dài 708 m;cao 2,45m .

+ Từ Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh đến nhà ga hành khách được kết nối bởi nhà xe ngoại trường phía Nam nhà ga hành khách là hàng rào gạch song sắt, trụ bằng bê tông dài 170m.

+ Từ phía Bắc nhà ga hành khách T1 tiếp giáp nhà ga hành khách T2 đến nhà trực NDP là hàng rào trụ bê tông lưới B40chiều dài 250 m, có khung lưới thép gai 0,30 m hướng ra ngoài

+ Tiếp nối từ nhà trực đài NDP đến tường rào gạch phía Bắc Cảng hàng không là tường rào gạch lưới B40 dài 845 m cao 2,45m.

* Phía Bắc: Là tường rào gạch đến đầu CHC 20 dài 915m; cao 2,45m.
* Phía Nam:Từ Ngã ba vào Vùng 4 Hải quân đến Lữ đoàn 954 là tường rào gạch dài 494 m; cao 2,45m.

*Hàng rào bao quanh khu vực hạn chế*: Cảng HKQT Cam Ranh được trang bị hàng rào khép kín nối hàng rào vành đai với khu vực hạn chế

14.2. Bốt gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn (barrier), cửa tại cảng hàng không, sân bay

14.2.1 Bốt gác:

Trong khu bay, dọc đường cất, hạ cánh sân bay quốc tế Cam Ranh tổ chức, bố trí 8 bốt gác, cụ thể:

a) Khu vực đường cất hạ cánh ~~số 1~~ 02L/20R:

* + Bố trí chốt gác tại vị trí W7 – Số 1(Chịu trách nhiệm từ đường lăn W7 đến tường rào Khu bay);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí G5 – Số 2(Chịu trách nhiệm từ W5 đến W7);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí W4 – Số 3(Chịu trách nhiệm từ W3 đến W5);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí W1 – Số4 (Chịu trách nhiệm từ W1đến W3);

b) Khu vực đường cất hạ cánh ~~số 2~~ 02R/20L:

* + Bố trí chốt gác tại vị trí sát tường rào phía Nam đường cất hạ cánh 02R – Số 5 (Chịu trách nhiệm từ tường rào phía Nam khu bay đến giữa vị trí G1 và E1);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí E3 – Số 6(Chịu trách nhiệm từ E1,G3 đến giữa E3 và E5);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí E5 – Số 7 (Chịu trách nhiệm từ giữa E3 và E5 đến giữa E5 và E7);
  + Bố trí chốt gác tại vị trí E7 – Số 8 (Chịu trách nhiệm từ giữa E7 – S, G7 chịu trách nhiệm từ giữa…

14.2.2 Hệ thống đường tuần tra:

* + Tại Cảng hàng không hiện tại chưa có đường công vụ để tuần tra. Tuần tra an ninh khu bay, các phương tiện di chuyển trên các đường lăn, đường CHC.
  + Đường tuần tra vành đai: sử dụng Đại lộ Nguyễn Tất Thành và đường vào Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân
  + Tuần tra an ninh khu vực nhà ga, sân đậu ô tô, phương tiện di chuyển trên hệ thống giao thông nội bộ trước nhà ga.

14.2.3 Hệ thống cổng, cửa ra/vào, thanh chắn khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay:

* Bố trí 04 cổng ra/vào sân đỗ tàu bay:
* Cổng số 1: Phía Nam nhà ga hành khách T1 dành cho người, phương tiện được phép ra/vào sân đỗ tàu bay phục vụ hoạt động bay, chuyến bay chuyên cơ hoặc sử dụng trong các tình huống khẩn nguy.
* Cổng số 1A: Phía Nam cổng số 1 gần Đài Kiểm soát không lưu Cam Ranh dành cho người, phương tiện của các đơn vị cung ứng suất ăn, xăng dầu ra/vào sân đỗ phục vụ hoạt động bay; các đơn vị vào thi công trong khu bay hoặc sử dụng trong các tình huống khẩn nguy;
* Cổng số 2: Nằm về phía Bắc nhà ga hành khách T1, dành cho người, phương tiện, trang thiết bị ra/vào phục vụ hoạt động bay, chuyến bay chuyên cơ hoặc thi công trong khu bay.
* Cổng số 3: Nằm phía Tây nhà ga hàng hóa Cảng HKQT Cam Ranh, dành cho người, phương tiện ra/vào giao nhận hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện; thi công trong khu bay hoặc sử dụng trong các tình huống khẩn nguy.

Các cổng, cửa ra/vào sân đỗ tàu bay luôn luôn ở vị trí đóng, khóa, chỉ mở ra khi cho phép người, phương tiện được phép ra/vào*.*

- Trong khu bay Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh gồm có 03 cổng, cửa ra, vào do các đơn vị Quân đội thuộc Trung đoàn 920 Không quân và Lữ đoàn 954 Hải quân quản lý; trong đó 02 cổng, cửa được bố trí lực lượng Vệ binh canh gác, giám sát thường xuyên 24/24 giờ; 01 cổng tiếp giáp Lữ đoàn 954 Hải quân được đóng khóa chặt chẽ và chỉ được mở khi có huấn luyện bay;

14.2.3 Số lượng cổng, cửa từ khu vực nhà ga ra sân đỗ tàu bay:

* Nhà ga T1 (Nội địa):
* Có 03 cửa hành khách đến nội địa đánh sô 1,2 và 4 sử dụng cho hành khách nội địa đến bằng xe bus;
* Cầu ống: được đánh số 52 và 53 sử dụng cho hành khách nội địa đến, đi bằng cầu ống.
* Có 04 cửa hành khách đến nội địa đánh sô 1,2,3 và 4 sử dụng cho hành khách nội địa đi bằng xe bus;
* Nhà ga T2 (Quốc tế):
* Có 01 cửa hành khách đến quốc tế đánh số 3 nằm phía Nam nhà ga hành khách; sử dụng cho hành khách quốc tế đến bằng xe bus;
* Có 04 cồng ống lồng tại bến đỗ số 33, 34, 35 và 36 sử dụng cho hành khách quốc tế đến, đi bằng cầu ống lồng.
* Có 06 cửa hành khách đến quốc tế đánh số 1,2,3 nằm phía Bắc và 8,9 và 10 nằm ở phía Nam nhà ga hành khách; sử dụng cho hành khách quốc tế đi bằng xe bus

1. Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

15.1 Trạm cứu hỏa

* Số lượng: 01 Trạm.
* Tên: Trạm cứu hỏa sân bay.
* Vị Trí: Trạm cứu hỏa nằm về phía Tây sân đỗ tàu bay số 1 cách nhà ga hành khách T1về phía Nam 100m.
* Quy mô: Nhà để xe và trực điều hình có tổng diện tích khoảng200 m2
* Sơ đồ vị trí trạm cứu hỏa – Phụ lục ....

+ ~~Điện thoại trực ban: 02583.989904~~

~~+ Điện thoại Đội Khẩn nguy – Phòng cháy chữa cháy: 02583.989904~~

~~+ Bộ đàm tần số: 147.275 MHz;~~

15.2 Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác khẩn nguy; dung tích nước, foam, bọt.

a) Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác khẩn nguy:

Kẻ bảng các trang thiết bị, dụng cụ (Tham khảo Cà Mau)

Xe cứu hỏa: 03 xe, cụ thể:

| STT | Loại xe | Nhiệm vụ | Trang bị/  công suất sử dụng | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | E- one Titan 4\*4, | Cứu hỏa | + 5700 lít nước  + 750 lít foam  + 250 kg bột khô; |  |
| 2 | Rosenbauer | Cứu hỏa | + 12600 lít nước  + 1500 lít foam  + 250 kg bột khô |  |
| 3 | Rosenbauer | Cứu hỏa | + 12600 lít nước  + 1500 lít foam  + 250 kg bột khô |  |

Kèm theo các thiết bị chuyên dụng: máy cưa, kìm nống, kìm cắt, máy phát điện 2KVA.

+ Ngoài ra trong nhà ga còn bố trí bổ sung các bình chữa cháy khí CO2, bột chữa cháy tùy theo mức độ an toàn của các khu vực.

Hệ thống nước cứu hỏa gồm các máy bơm cấp nước chữa cháy (02 bơm chính), hệ thống ống cấp nước chữa cháy, các hộp vòi chữa cháy;

b) Nguồn nước chữa cháy: (kẻ bảng)

| **STT** | **Nguồn nước** | **Trữ lượng (m3)** | **Vị trí, khoảng cách** | **Những điểm  cần lưu ý** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bể chứa nước chữa cháy số 2 | 300m3 | Tiếp giáp nhà xe ngoại trường, cách nhà ga 100 m về phía đông | Bể Nổi |

+ Bể nước chữa cháy được sử dụng chung với bể chứa nước sinh hoạt nhà ga có dung tích 400m3 đảm bảo cho hệ thống PCCC hoạt động liên tục do có nguồn nước cung cấp bổ sung thường xuyên.

+ Bể nước cung cấp cho xe cứu hỏa bao gồm:

* Bể nằm tại trạm trực cứu hỏa: 20 m3
* Bể nằm tại phía Bắc sân đậu tàu bay: 100 m3

+ Hệ thống họng cấp nước cứu hỏa: Bên ngoài nhà ga còn lắp đặt 02 họng cứu hỏa dự phòng;

c) Foam bọt dự trữ: (kẻ bảng)

15.3 Hệ thống đường phục vụ công tác khẩn nguy

~~Khi thực hiện phương án khẩn nguy, đường di chuyển của các đơn vị hàng không và các đơn vị hiệp đồng trên nguyên tắc:~~

~~- Do Ban Chỉ huy hiện trường ấn định cụ thể cho từng trường hợp,~~

~~- Lưu thông một chiều,~~

~~- Phòng An ninh hàng không bố trí người đón tại các cổng và hướng dẫn các lực lượng và phương tiện vào khu vực hiện trường.~~

~~Đường di chuyển cụ thể:~~

~~- Khi tàu bay lâm nạn phía Nam cảng hàng không: các đơn vị tham gia khẩn nguy từ vị trí tập kết, cơ động theo đường lăn Y5 lên đường lăn song song đến hiện trường. Các đơn vị khác theo cổng số 1 và 1A vào vị trí tập kết;~~

~~- Khi tàu bay lâm nạn ở các khu vực khác, Ban Chỉ huy hiện trường chỉ định đường di chuyển và có lực lượng an ninh hàng không hướng dẫn.~~

~~Vị trí tập kết ban đầu:~~

~~Vị trí tập kết ban đầu cho các lực lượng, phương tiện tham gia thực hiện phương án khẩn nguy cứu nạn tại khu vực phía trước nhà xe ngoại trường Cảng HKQT Cam Ranh. Vị trí tập kết ban đầu có thể thay đổi tùy theo tình huống khẩn nguy do Ban chỉ huy hiện trường quyết định.~~

Tham chiếu tại Chương II, Mục 11 của Phụ lục 1A Kế hoạch khẩn nguy sân bay - Cảng HKQT Cam Ranh.

15.4 Hầm xử lý bom, mìn; vị trí đỗ biệt lập

- Vị trí đỗ cách ly cho tàu bay (sân đỗ biệt lập) được sử dụng trong tình huống khẩn nguy và tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp: Được xác định tại phần mở rộng đường lăn W7 phía Bắc cảng hàng không.

- Vị trí hầm xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm được bố trí tại phía Bắc Cảng hàng không, cách sân quay đầu trên đường lăn W7 17 m về phía Bắc.

- Hầm xử lý bom mìn được làm bằng bê tông cốt thép chịu lực hình lục giác đều; bê tông mác 300#, chiều dày 0,4m; đường kính ngoài của hầm 2,4m; Nắp hầm bằng tấm thép dày 5mm; Toàn bộ hầm xử lý bom mìn được đặt trong lòng đất có độ chặt K 0,95.

- Thể tích hầm xử lý bom mìn: 5,5m3.

15.5 Trung tâm khẩn nguy sân bay

a) Vị trí:

b) Diện tích:

c) Hệ thống trang thiết bị:

d) Cơ chế làm việc của trung tâm khẩn nguy:

Cảng HKQT Cam Ranh đã xây dựng Trung tâm khẩn nguy, và có trụ sở Trung tâm Hiệp đồng khẩn nguy Cảng HKQT Cam Ranh tại Phòng hop giao ban Cảng HKQT Cam Ranh tại khu nhà Văn phòng Cảng HKQT Cam Ranh.

- Trực ban khẩn nguy 24/24h

- Điện thoại gọi trực tiếp: 02583.989909; Fax: 02583.989906

- Điện thoại gọi qua Tổng đài nội bộ : 256

- Bộ đàm:

+ Tần số khẩn nguy chính là: 147.275 MHz;

+ Tần số khẩn nguy phụ: 147.200 MHz;

- Bộ vi tính được nối mạng Internet; máy chụp ảnh, máy quay phim; AIS, AFTN;

- Tủ đựng hồ sơ, các hồ sơ, tài liệu; bản đồ, sơ đồ công tác, bàn ghế làm việc;

- Danh bạ điện thoại khẩn nguy.

- Đồng hồ: 01 đồng hồ giờ quốc tế; 01 đồng hồ giờ địa phương;

- 01 xe chỉ huy lưu động có các trang bị bộ đàm có tần số 147.275 MHz;

Tham chiếu theo Phụ lục 1A “ Kế hoạch Khẩn nguy sân bay”.

16. Hệ thống chiếu sáng

16.1 Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ máy bay

Hệ thống chiếu sáng khu vực sân đỗ tàu:

- 08trụ đèn lắp đặt phía đông sân đỗ tàu bay (chiếu sáng cho các vị trí đỗ tàu bay số (38, 39, 40, 41, 42, 56, 57,58, 59, 60, 61, 62, 63), mỗi trụ đèn cao 30m,có 4 trụ đèn sửa dụng 8 bóng đèn LED 420 W để chiếu sáng và 4 trụ đèn sử dụng đèn LED 420W kết hợp đèn Sodium 1000W

- 08 trụ đèn lắp đặt phía tây đèn sân đỗ tàu bay chiếu sáng cho các vị trí đỗ tàu bay số (51, 52, 53, 54, 55, 64, 65, 66, 67,68, 69, 70, 71), mỗi cột cao 30m, có 4 trụ đèn sửa dụng 8 bóng đèn LED 420 W để chiếu sáng và 4 trụ đèn sử dụng đèn LED 420W kết hợp đèn Sodium 1000W.

- 04 trụ đèn lắp đặt phía tây sân đỗ tàu bay (trước nhà ga quốc tế T2) do Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh quản lý, khai thác, chiếu sáng cho các vị trí đỗ tàu bay số (33,34,35,36,37), trụ đèn cao 22m, sử dụng bóng đèn LED, công suất 350W.

16.2 Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra vào

- Chưa thiết lập hệ thống chiếu sáng hàng rào;

- Các cổng cửa ra vào nhà ga, sân đỗ tàu bay có trang bị đèn chiếu sáng.

16.3 Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng:

Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng được cung cấp từ máy phát điện SDMO 250KVA, Cummins 550KVA, MTU 1000 KVA.

17. Các dịch vụ hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

Các dịch vụ hàng không do các đơn vị thuộc ngành HK cung cấp:Đơn vị cung cấp, loại hình dịch vụ cung cấp, năng lực cung cấp, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

Kẻ bảng :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Loại hình, năng lực dịch vụ** | **Địa chỉ, Số điện thoại** |
|  |  |  |  |

17.1 Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất hàng không (AGS):

Chức năng, nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ liên quan như: thủ tục hành khách, phục vụ mặt đất, hàng hóa cho các hãng hàng không đang khai thác tại Cảng HKQT Cam Ranh.

17.2 Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh(SAGS):

Chức năng, nhiệm vụ: Cung cấp dịch vụ liên quan như: thủ tục hành khách, phục vụ mặt đất, hàng hóa cho các hãng hàng không đang khai thác tại Cảng HKQT Cam Ranh.

17.3 Cơ sở sản xuất suất ăn:

17.3.1 Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng – Chi nhánh Nha Trang (MASCO):

Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sản xuất, cung ứng suất ăn và các dịch vụ khác có liên quan (như: vệ sinh, giặt là…) cho các chuyến bay của các hãng hàng không đang khai thác tại Cảng HKQT Cam Ranh bao gồm các chuyến bay thông thường, chuyến bay thuê chuyến và các chuyến bay chuyên cơ….

17.3.2 Công ty TNHH MTV suất ăn Hàng không Việt Nam(VINACS):

Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sản xuất, cung ứng suất ăn và các dịch vụ khác có liên quan (như: vệ sinh, giặt là…) cho các chuyến bay của các hãng hàng không đang khai thác tại Cảng HKQT Cam Ranh bao gồm các chuyến bay thông thường, chuyến bay thuê chuyến và các chuyến bay chuyên cơ…

17.3 Cơ sở cung cấp nhiên liệu:

17.4.1 Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam Khu vực miền Trung (Skypec):

Chức năng, nhiệm vụ: Cung ứng xăng dầu Hàng không, dịch vụ tra nạp nhiên liệu cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế tại Cảng HKQT Cam Ranh.

17.4.2 Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex – Chi nhánh Cam Ranh

Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu nhiên liệu bay tại Việt Nam,Cung ứng xăng dầu Hàng không, dịch vụ tra nạp nhiên liệu cho các hãng hàng không.

17.5 Cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay:

17.5.1 Tổ kỹ thuật máy bay: Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay (VAECO)

* Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay của Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
* Cung ứng cho các hãng hàng không trong nước và ngoài nước các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

17.5.2 Công ty TNHH Dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không miền Nam (SAAM):

Cung ứng cho các hãng hàng không trong nước và ngoài nước các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

17.5.3 Công ty Nam Anh/ DHT…

Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay của các hãng hàng không có liên quan.

17.6 Trung tâm Tiếp cận – Kiểm soát tại sân Cam Ranh - Công ty quản lý bay miền Nam

Chức năng, nhiệm vụ: Cung ứng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo đúng tiêu chuẩn quy định; Quản lý, khai thác và tổ chức đảm bảo kỹ thuật cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

17.7 Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh – Trung tâm Thông báo tin tức hàng không

Cung ứng dịch vụ Thủ tục bay , Thông báo tin tức hàng không theo đúng tiêu chuẩn quy định; Quản lý, khai thác và tổ chức đảm bảo kỹ thuật cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

18. Các thông tin đặc biệt cần lưu ý

* Đường CHC 02L/20R có chỉ số PCN=47/R/B/X/T nên các tàu bay có chỉ số ACN > 47 được khai thác với tần suất hạn chế theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam.
* Đường lăn có chỉ số không đồng đều….
* Bề mặt đường CHC 02L/20R đoạn giữa W1- W3 khi mưa lớn có đọng nước có thể gây trơn trượt khi tàu bay hạ cánh.
* Đường lăn Y5 chỉ sử dụng cho tàu bay có sải cánh dưới 36m trở xuống.

19. Danh mục không đáp ứng

| **TT** | **Nội dung không**  **đáp ứng** | **Tham chiếu các tiêu chuẩn/ quy định hiện hành** | **Đánh giá**  **rủi ro** | **Biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn khai thác** | **Thời hạn khắc phục** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chưa có đường công vụ cho xe cứu hoả vào khu vực tiếp cận | 9.2.26  Annex 14 | Chậm tiếp cận tàu bay lâm nạn trong khu bay tại các vị trí xe chưa tiếp cận thẳng được | Xác định các khu vực lân cận có khả năng cho phép xe cứu hỏa tiếp cận, sau đó triển khai tiếp biện pháp cứu hỏa phù hợp.  Đề xuất viêc san gạt bằng phẳng tòan khu bay đề tạo điều kiện xe cứu hỏa tiếp cận | Theo kế hoạch chung của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam |  |
| 2 | Hàng rào bảo vệ chưa có hệ thống chiếu sáng |  |  |  |  |  |
| 3 | Chưa công bố RESA của đường CHC 02L/20R | Annex 14 |  |  | ACV đang báo cáo Cục HK Việt Nam |  |
| 4 | Bản đồ tiếng ồn tại khu vực sân bay Cam Ranh | Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 |  |  | Chưa xác định |  |
|  | Đường lăn chưa công bố độ dốc dọc trung bình, độ dốc ngang điển hình:....liêt kê tên |  |  |  |  |  |

**CHƯƠNG IV**

QUY TRÌNH VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ, BIỆN PHÁP

BẢO ĐẢM AN TOÀN KHAI THÁC TRONG KHU BAY

1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
   1. Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

### 1.1.1 Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thuộc ACV:

- Cảng Hàng Không QT Cam Ranh cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường thực hiện theo Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng Hàng Không QT Cam Ranh giữa Công ty Quản lý bay miền Nam và Cảng Hàng Không QT Cam Ranh – Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017

Danh mục tài liệu khai thác:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên tài liệu** | **Số QĐ-Cấp phê duyệt** | **Ngày**  **ban hành** |
|  | Tài liệu Khai thác hệ thống hạ cánh bằng thiết bị ILS NORMARC 7013B/7033B Version 3 | 688/QĐ – TCTCHKVN | 19/02/2019 |
|  | Tài liệu Khai thác Đài đo cự ly bằng vô tuyền DME NORMARC LDB -103 | 689/QĐ – TCTCHKVN | 19/02/2019 |
|  | Tài liệu Khai thác vận hành Hệ thống nguồn điện phục vụ bay tại Cảng Hàng Không QT Cam Ranh | 691/QĐ – TCTCHKVN | 19/02/2019 |
|  | Tài liệu Khai thác hệ thống đèn tín hiệu, biển báo tại Cảng Hàng Không QT Cam Ranh | 690/QĐ – TCTCHKVN | 19/02/2019 |
|  | Tài liệu khai thác Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị ILS THALES 421/422 DME THALES 415 tại Cảng Hàng Không QT Cam Ranh | 98/QĐ-TCTCHKVN | 26/4/2012 |
|  | Quy trình khai thác vận hành đài NDB ND2000A -02x-xx0 | 2223/QĐ – TCTCHKVN | 02/01/2012 |
|  | Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh | 1169/QĐ-CHK | 23/06/2015 |

### 1.1.2 Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thuộc VATM:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên tài liệu** | **Số QĐ-Cấp phê duyệt** | **Ngày**  **ban hành** |
|  | Tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh. | 1333/QĐ-CHK | 31/07/2018 |
|  | Tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở ARO/AISCam Ranh | 60/QĐ-CHK | 09/01/2019 |
|  | Tài liệu hướng dẫn khai thác Trung tâm kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh (Bộ phận khí tượng và đánh tín hiệu tại sân) | 195/QĐ-CHK | 28/01/2019 |
|  | Tài liệu hướng dẫn khai thác Hệ thống Đài dẫn đường VOR/DME. | 1256/QĐ-CHK | 09/06/2017 |

Dịch vụ thông tin dẫn đường hàng không (Đài NDB) do Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh thực hiện.Quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ được thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh ( Quyết định số 1169/QĐ-CHK ngày 23/6/2015)

* 1. Địa chỉ, và số điện thoại (24/24h) của Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận các thông tin hàng không.
  + Ông: Nguyễn Thế Hưng - Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay
  + Điện thoại: (84-4) 38.274.191, (84-4) 38.271.513 ext. 8648
  + Điện thoại di động: 0936.700.729; Fax: (024) 38.274.194

1. ~~Các biện pháp~~ Quy trình đảm bảo an ninh

Thực hiện theo các quy định bảo đảm an ninh tại Chương trình an ninh Cảng hàng khôngQuốc tế Cam Ranh đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 2390/QĐ-CHK ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Quyết định số 788/QĐ-CHK ngày 18/4/2019 của Cục Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của CHKQT Cam Ranh sửa đổi, bổ sung lần thứ 01.

1. Kế hoạch khẩn nguy sân bay
   * ~~Thực hiện theo các quy định tại Kế hoạch khẩn nguy Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 3767/QĐ-CHK ngày 16 tháng 8 năm 2013.~~
   * Kế hoạch khẩn nguy Cảng HKQT Cam Ranh thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1A.
   * Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo Kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.
2. Kiểm tra bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay

## Các quy trình kiểm tra định kỳ, đột xuất bề mặt giới hạn chướng ngại vật:

* + Theo Quyết định số 5232/QĐ-CHK ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Cục hàng không Việt Nam về việc thành lập Tổ an toàn đường CHC Cảng HKQT Cam Ranh.

1. Đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra:

* Phòng An ninh hàng không:
* Điện thoại: (02583).989932.- hotline 0981937018
* Di động: 0919.949809
* Phòng Điều hành sân bay:
* Điện thoại: (02583).989909.- hotline 0981927018
* Di động: 0906562555
* Phòng Kỹ thuật:
* Điện thoại: (02583).989905.
* Di động: 0898383388.
* Đại diện Cảng vụ HK miền Nam tại Cam Ranh:
* Điện thoại:
* Di động:
* Đài kiểm soát không lưu:
* Điện thoại:
* Di động:
* ~~Người chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra:~~
* ~~Trưởng phòng Phòng An ninh hàng không~~

~~Điện thoại: (02583).989932.- hotline 0981937018~~

~~Di động: 0919.949809.~~

~~+ Phụ trách Phòng Điều hành sân bay~~

~~Điện thoại: (02583).989909.- hotline 0981927018~~

~~Di động: 0906562555~~

* ~~Trưởng phòng Phòng kỹ thuật:~~

~~Điện thoại: (02583).989905.~~

~~Di động: 0898383388.~~

1. Các quy định kiểm tra, nội dung kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra, thời gian kiểm tra, số lần kiểm tra, quy trình báo cáo và các biện pháp khắc phục:
2. Các quy định khi tiến hành kiểm tra

* Khi kiểm tra ngoài khu vực di chuyển, các phương tiện kiểm tra, thiết bị kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh, không mang vật ngoại lai;
* Các phương tiện kiểm tra phải gắn đèn xoay màu vàng và phải có giấy phép hoạt động do các cơ quan có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực.
* Bộ phận kiểm tra phải được trang bị bộ đàm tần số 147,275 MHz để bảo đảm thông tin liên lạc với Đài Kiểm soát không lưu.

1. Các nội dung kiểm tra và đối tượng kiểm tra (danh mục các hạng mục kiểm tra kể cả tình trạng mặt đường):

Kiểm tra chướng ngại vật hàng không ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay*:* Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ Quy định về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

1. Thời gian và tần suất kiểm tra:

* Thời gian kiểm tra: Từ 05h45 - 06h30; 11h30 - 12h00; 17h30 - 18h30. Thời gia kiểm tra cụ thể còn phụ thuộc vào hoạt động bay của các Hãng hàng không và kế hoạch huấn luyện của các đơn vị quân đội tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Số lần kiểm tra thường kỳ 03 lần/ ngày. Ngoài ra còn kiểm tra đột xuất, kiểm tra phục vụ đưa đón chuyên cơ hoặc theo yêu cầu của tổ lái/ kiểm soát viên không lưu.

1. Quy trình báo cáo và biện pháp khắc phục:

* Lập báo cáo sau khi kết thúc kiểm tra, có chữ ký của các thành phần tham gia.
* Trường hợp bề mặt đường CHC, đường lăn, khu vực sân đỗ hoặc các thiết bị đèn hiệu, biển báo…. có sự cố, hỏng hóc bộ phận kiểm tra nhanh chóng báo cáo Trực Giám đốc để điều phối các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý.
* Những trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn bay không khắc phục được ngay thì Trực Giám đốc mời các cơ quan, đơn vị liên quan lập Biên bản sự cố và báo cáo nội dung trên cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền để có kế hoạch xử lý. Các thông tin này phải được thông báo ngay cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1. Nhật ký kiểm tra, cơ quan lưu giữ nhật ký:

* Các số liệu kiểm tra khu vực di chuyển được ghi chép đầy đủ vào nhật ký kiểm tra.
* Nhật ký kiểm tra được lưu giữ tại Tổ An ninh kiểm soát & PCCC – Phòng An ninh hàng không trong thời gian 12 tháng.

## Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra khu bay.

### Quy trình liên lạc với Đài kiểm soát tại sân bay:

* Trước khi tiến hành kiểm tra ở các khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, bộ phận kiểm tra phải đảm bảo thông tin liên lạc với Đài kiểm soát không lưu và bảo đảm đi theo đúng luồng, tuyến qui định. Chỉ khi nào được phép của Đài kiểm soát không lưu mới được tiến hành kiểm tra.
* Bộ phận kiểm tra phải bảo đảm thông báo cho Đài kiểm soát không lưu các khu vực kiểm tra.Giữ thông tin liên lạc hai chiều trong suốt quá trình kiểm tra.
* Khi kết thúc kiểm tra thông báo cho Đài kiểm soát không lưu khi thoát ly khỏi các khu vực kiểm tra. Các thông tin về hiện trạng đường cất hạ cánh, các khu vực di chuyển nếu có sự cố, thay đổi không bình thường phải được thông báo trực tiếp cho Đài kiểm soát không lưu trước khi có thông báo chính thức cho các bộ phận có trách nhiệm khắc phục sửa chữa.
* Người điều khiển phương tiện kiểm tra khu vực di chuyển phải có chứng chỉ vận hành khai thác trang thiết bị mặt đất còn hiệu lực, có thẻ kiểm soát an ninh hàng không làm việc tại khu di chuyển.

### Các quy trình và phương tiện liên lạc với Đài Kiểm soát tại sân trong thời gian kiểm tra khu bay

* Phương tiện liên lạc:
  + Liên hệ bằng bộ đàm tần số: 147.275MHz
  + Đài kiểm soát không lưu: Điện thoại : 02583.989913
  + Phòng An ninh hàng không: Điện thoại: 02583.989932

1. Quy trình kiểm tra kết cấu hạ tầng sân bay

Thực hiện theo Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng ban hành kèm theo Quyết định số …….. của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh ngày …..

* 1. Các quy trình kiểm tra:
     1. Cơ quan chịu trách nhiệm:
* Đội An ninh kiểm soát – Phòng An ninh hàng không:
* Điện thoại: (02583).989932.- hotline 0981937018
* Đội An toàn và kiểm soát chất lượng – Phòng Điều hành sân bay;
* Điện thoại:
  + 1. Quy định kiểm tra
* Khi kiểm tra ngoài khu vực di chuyển, các phương tiện kiểm tra, thiết bị kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm vệ sinh, không mang vật ngoại lai;
* Các phương tiện kiểm tra phải gắn đèn xoay màu vàng và phải có giấy phép hoạt động do các cơ quan có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực.
* Bộ phận kiểm tra phải được trang bị bộ đàm tần số 147,275 MHz để bảo đảm thông tin liên lạc với Đài Kiểm soát không lưu.
* Thực hiện kiểm tra theo quy trình cuốn chiếu, bao gồm: đường CHC, đường lăn, sân đỗ...
* Kiểm tra đột xuất được thực hiện khi thời tiết xấu hoặc khi có khuyến cáo của tổ lái, kiểm soát viên không lưu.
  + 1. Nội dung, các danh mục kiểm tra

~~\*Kiểm tra bề mặt sân đường~~*~~:~~* ~~bao gồm đường CHC 02/20 và hệ thống đường lăn (trừ hệ thống đường lăn phía Đông), khu vực sân đỗ HKDD~~.

* Kiểm tra, đánh giá bề mặt sân đường:
* Nước đọng trên bề mặt ảnh hưởng đến hoạt động của tàu bay;
* Vật ngoại lai mang từ nơi khác vào
* Các vết bong tróc, nức lún của bề mặt;
* Tình trạng khe co giãn matic…
* Kiểm tra bảo hiểm sườn (lề vật liệu), bảo hiểm đầu;
* Kiểm tra vật ngoại lai
* Kiểm tra công tác cắt cỏ: Kiểm tra định kỳ toàn bộ khu bay, cắt dọn cỏ và cây mọc cao.
* Kiểm tra hệ thống biển báo khu bay và sơn kẻ tín hiệu: đường CHC, đường lăn, sân đỗ HKDD.
* Kiểm tra độ tương phản và thể hiện sự đầy đủ của hệ thống sơn tín hiệu theo quy định;
* Kiểm tra sự đầy đủ, đúng quy định của hệ thống biển báo, độ rõ của các chữ, số thể hiện trên biển báo.
* Kiểm tra hệ thống thoát nước: đường CHC, đường lăn, sân đỗ HKDD.
* Tình trạng thoát nước tại các mương, cống thoát nước;
* Mức độ đọng đất cát, sự hư hỏng của ống cống, tấm bản, mối nối, tường đầu, tường cánh, sân cống.
* Các khu vực đang thi công:
* Biển báo cấm hoạt động;
* Hàng rào theo quy định (cắm cờ vào ban ngày, đèn cảnh báo ban đêm)
  + 1. Thời gian và tần suất kiểm tra:
* Thời gian kiểm tra: Từ 05h45 - 06h30; 11h30 - 12h00; 17h30 - 18h30. Thời gia kiểm tra cụ thể còn phụ thuộc vào hoạt động bay của các Hãng hàng không và kế hoạch huấn luyện của các đơn vị quân đội tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Số lần kiểm tra thường kỳ 03 lần/ ngày. Ngoài ra còn kiểm tra đột xuất, kiểm tra phục vụ đưa đón chuyên cơ hoặc theo yêu cầu của tổ lái/ kiểm soát viên không lưu.
  + 1. Quy trình báo cáo và biện pháp khắc phục:
* Lập báo cáo sau khi kết thúc kiểm tra, có chữ ký của các thành phần tham gia.
* Trường hợp bề mặt đường CHC, đường lăn, khu vực sân đỗ hoặc các thiết bị đèn hiệu, biển báo…. có sự cố, hỏng hóc bộ phận kiểm tra nhanh chóng báo cáo Trực Giám đốc để điều phối các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý.
* Những trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn bay không khắc phục được ngay thì Trực Giám đốc mời các cơ quan, đơn vị liên quan lập Biên bản sự cố và báo cáo nội dung trên cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền để có kế hoạch xử lý. Các thông tin này phải được thông báo ngay cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.
  + 1. Nhật ký kiểm tra, cơ quan lưu giữ nhật ký:
* Các số liệu kiểm tra khu vực di chuyển được ghi chép đầy đủ vào nhật ký kiểm tra.
* Nhật ký kiểm tra được lưu giữ tại Tổ An ninh kiểm soát & PCCC – Phòng An ninh hàng không trong thời gian 12 tháng.
  1. Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong thời gian kiểm tra
* Phương tiện liên lạc:
* Liên hệ bằng bộ đàm tần số: 147.275MHz
* Đài kiểm soát không lưu: Điện thoại : 02583.989913
* Trước khi tiến hành kiểm tra ở các khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, bộ phận kiểm tra phải đảm bảo thông tin liên lạc với Đài kiểm soát không lưu và bảo đảm đi theo đúng luồng, tuyến qui định. Chỉ khi nào được phép của Đài kiểm soát không lưu mới được tiến hành kiểm tra.
* Bộ phận kiểm tra phải bảo đảm thông báo cho Đài kiểm soát không lưu các khu vực kiểm tra. Giữ thông tin liên lạc hai chiều trong suốt quá trình kiểm tra.
* Khi kết thúc kiểm tra thông báo cho Đài kiểm soát không lưu khi thoát ly khỏi các khu vực kiểm tra. Các thông tin về hiện trạng đường cất hạ cánh, các khu vực di chuyển nếu có sự cố, thay đổi không bình thường phải được thông báo trực tiếp cho Đài kiểm soát không lưu trước khi có thông báo chính thức cho các bộ phận có trách nhiệm khắc phục sửa chữa.
* Người điều khiển phương tiện kiểm tra khu vực di chuyển phải có chứng chỉ vận hành khai thác trang thiết bị mặt đất còn hiệu lực, có thẻ kiểm soát an ninh hàng không làm việc tại khu di chuyển.

1. Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay
   1. Các quy trình: ~~Nêu tên các Quy trình bảo trì~~.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số | Tên tài liệu | Mã số | Ngày hiệu lực |
| 1 | Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng | CXR-KT-QT-24 | 11/112016 |
| 2 | Quy định kiểm tra an toàn khu bay tại Cảng HKQT Cam Ranh | Số 473/QĐ-CHKQTCR | 17/12/2014 |
| 3 | Hướng dẫn đo hệ số ma sát mặt đường cất hạ cánh sân bay ở Việt Nam | 5002/QĐ-CHK | 13/10/2011 |
| 4 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sơn tín hiệu trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay | QCVN 79:2014/BGTVT | 11/8/2014 |
| 5 | Quy trình bảo dưỡng duy tu sân bay dân dụng Việt Nam | TCCS 06:2009/CHK | 20/4/2009 |

* 1. Tên, địa chỉ đơn vị, cá nhân phụ trách bảo trì, bảo dưỡng khu bay – Cảng HKQT Cam Ranh:
* Phòng Kế hoạch – Tài chính: Ông Hồ Xuân Tâm Điện thoại: 0909640783
* Phòng Kỹ thuật – Ông Trần Văn Kiên – Điện thoại:0901510808.
* Phòng Điều hành KT sân bay– Ông Trần Mạnh Tường – Điện thoại: 0906562555
* Cảng HKQT Tân Sơn Nhất khi cần hỗ trợ.

1. An toàn thi công xây dựng

Thực hiện theo “ Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranh được phê duyệt theo quyết định 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08/05/2014 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Các phương án đảm bảo an ninh, an toàn khai thác trong khi xây dựng, bảo dưỡng sân bay bao gồm:

* + 1. Các quy trình lập và phê chuẩn kế hoạch thi công xây dựng

**Bước 1: Lập kế hoạch :**

Các đơn vị thuộc Cảng HKQT Cam Ranh được giao chủ trì việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị và bảo trì sân bay phải lập tờ trình Giám đốc về việc sửa chữa, bảo trì, lắp đặt công trình có liên quan. Thời gian phải tính toán cho phù hợp với thời gian quy định trong việc phát báo tin tức hàng không. Nội dung trong tờ trình thể hiện:

* Tên và tính chất công trình;
* Địa điểm công trình (kèm theo sơ đồ vị trí, phạm vi khu vực thi công);
* Thời gian dự kiến thi công;
* Người phụ trách thi công từng khu vực cụ thể;
* Hệ thống thông tin liên lạc với Đài Kiểm soát không lưu;
* Biện pháp sử dụng xe máy, trang thiết bị, nhân lực;
* Sơ đồ hướng tuyến của người và phương tiện ra/vào khu vực thi công;
* Phương án tổ chức thi công công trình;
* Biện pháp bảo đảm công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường khu vực thi công.

**Bước 2: Thẩm định kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ tổ chức thi công:**

Tùy theo tính chất công việc, Giám đốc giao các cơ quan, đơn vịchủ trì thẩm định. Đơn vị chủ trì thẩm định phải:

* Xác định và mời các thành phần tham gia thẩm định.
* Tổ chức thẩm định, đảmbảo công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ bảo vệ môi trường và hoạt động khai thác sân bay dùngchung.
* Lập biên bản thống nhất với đầy đủ chữ ký và con dấu của đại diện các đơn vị tham gia thẩm định.
* Đôn đốc đơn vị lập kế hoạch thi công chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ sau thẩm định chậm nhất 02 ngày sau khi thẩm định .

**Bước 3: Trình phê duyệt:**

* Đối với các công trình thi công có kế hoạch: Soạn thảo công văn gửi Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung/Cục Hàng không Việt Nam xin phép đóng cửa/ngừng cung cấp dịch vụ, và phát báo tin tức hàng không.
* Đối với các công trình hư hỏng cần sửa chữa gấp để bảo đảm an toàn bay: Trực Giám đốc thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng không miền Trung bằng điện thoại về tình trạng công trình và đề nghị cho đóng cửa/ngừng cung cấp dịch vụ để tổ chức sửa chữa.

1. Công tác chuẩn bị
   1. Biện pháp tổ chức thi công:

* Ban Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh, đơn vị giám sát thi công, đơn vị thi công và các đơn vị liên quan họp thống nhất biện pháp tổ chức thi công do đơn vị thi công lập.
* Các nội dung chủ yếu cần thống nhất trong Biện pháp tổ chức thi công bao gồm:
  + - * Phạm vi thi công;
      * Thời gian thi công;
      * Phương án, công tác bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình thi công;
      * Biện pháp sử dụng xe máy, trang thiết bị, nhân lực;
      * Biện pháp cách ly khu vực thi công; vị trí tập kết phương tiện thi công, vật tư thi công;
      * Luồng tuyến di chuyển cho phương tiện, máy móc, nhân công;
      * Biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình lân cận, công trình ngầm *(Cấp thoát nước, cấp nhiên liệu, cáp điện, cáp tín hiệu…);*
      * Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống khói bụi và chống cháy nổ;
      * Biện pháp phòng, chống giông, lốc cuốn vật dụng, vật tư thi công trong khu vực công trường ra khu hoạt động bay.
  1. Trách nhiệm của cơ quan được Người khai thác Cảng uỷ quyền quản lý, giám sát công trình trong khu bay.
* Kiểm tra, giám sát thường xuyên trong khu bay về việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hàng không theo đúng phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi có nguy cơ gây uy hiếp an toàn;
* Là đầu mối phối hợp, giải quyết công việc giữa các cơ quan trong Cảng Cảng HKQT Cam Ranh với đơn vị thi công trong khu bay;
* Thông báo kế hoạch thi công và phối hợp chặt chẽ với Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung tại Cảng HKQT Cam Ranh, Cảng HKQT Cam Ranh trong việc quản lý, giám sát người và phương tiện ra vào khu vực thi công;
* Thông báo kịp thời cho Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh, Đại diện Cảng vụ hàng không miền Trung khi có bất kỳ sự thay đổi nào về kế hoạch thi công và các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công.
  1. Trách nhiệm của đơn vị thi công:
* Trong quá trình thi công, đơn vị thi công phải tuân thủ và chấp hành các quy định sau:
  + - * Cam kết không mang vũ khí, vật liệu nổ vào khu vực thi công.
      * Đeo thẻ kiểm soát an ninh hàng không và chịu sự kiểm tra, giám sát của Phòng An ninh - An toàn và các cơ quan có thẩm quyền khác;
      * Chấp hành tuyệt đối các quy định về an ninh, an toàn trong khu bay và các quy định khác hoặc sự hướng dẫn của nhân viên an ninh;
      * Ra vào thi công, làm việc trong khu bay theo quy định của Cảng HKQT Cam Ranh về vị trí ra vào, luồng đường, vị trí tập kết và thực hiện các công việc theo nội dung, thời gian, địa điểm đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền; không được ra khỏi khu vực giới hạn thi công đã được cấp phép hoặc đi vào các khu vực khác trên khu bay mà chưa được sự cho phép của các cấp có thẩm quyền.
* Chấp hành quy định sử dụng các thiết bị liên lạc:
  + - * Thông tin liên lạc phải đảm bảo thường xuyên thông suốt trong thời gian thi công, làm các nhiệm vụ không thường xuyên trong khu bay, có vị trí trực chỉ huy rõ ràng;
      * Máy bộ đàm cầm tay chỉ dùng để liên lạc công tác với Đơn vị giám sát thi công, Phòng An ninh an toàn, Phòng Kỹ thuật, giữa các nhóm thi công ở các vị trí khác nhau trong khu bay;
      * Trước và trong khi thi công phối hợp chặt chẽ với Đài Kiểm soát không lưu, nhân viên an ninh làm nhiệm vụ tại khu bay để xác định thời gian thi công (Thời gian bắt đầu và kết thúc). Kiểm tra tín hiệu bộ đàm đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt giữa các bộ phận Đài kiểm soát không lưu, Phòng An ninh - An toàn và Bộ phận giám sát trên công trường trong suốt thời gian thi công. Đảm bảo kịp thời xử lý tất cả các tình huống xảy ra trên công trường;
      * Ngoài ra, Đơn vị thi công cần thường xuyên phối hợp với Phòng An ninh - An toàn (đặc biệt là lực lượng an ninh hàng không trực tại các các bốt gác trong khu bay) và Đài Kiểm soát không lưu trong suốt quá trình thi công để đảm bảo nắm bắt những diễn biến xảy ra trong thời gian thi công để kịp thời xử lý các tình huống đột xuất hoặc phát sinh.
* Chấp hành nội quy ra vào thi công trong khu bay:
  + - * Khi ra vào khu bay, Đơn vị thi công phải chịu sự kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của Phòng An ninh - An toàn, đơn vị giám sát và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động bay để đảm bảo an ninh, an toàn trong khu vực;
      * Khi ra vào khu vực hạn chế, các đơn vị liên quan có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định của Cục Hàng không Việt Nam và Cảng HKQT Cam Ranh.
* Chấp hành các quy định về vệ sinh môi trường:
  + - * Đơn vị thi công trong quá trình thi công và sau khi kết thúc thi công phải có trách nhiệm: Giữ vệ sinh môi trường sạch sẽ, không để nguyên vật liệu bừa bãi, phế liệu, đất cát rơi vãi tại khu vực sân đỗ, đường cất hạ cánh, đường lăn, lề bảo hiểm, đường đi. Các phương tiện chở nguyên vật liệu, phế liệu, đất cát ra vào khu bay phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh như: Không chở quá đầy, có phủ bạt che. Trong trường hợp các vật liệu, phế thải, đất cát bị rơi vãi thì đơn vị thi công phải tổ chức thu dọn sạch sẽ, bảo đảm an toàn cho hoạt động tại khu bay và vệ sinh môi trường chung;
      * Bề mặt của tầng phủ đường lăn, đường băng, sân đỗ tàu bay, phải được giữ sạch sẽ không có những viên đá nhỏ hoặc những vật thể khác có thể gây tổn hại cho tàu bay;
      * Trong quá trình thi công, các đơn vị liên quan có trách nhiệm yêu cầu đơn vị thi công thực hiện theo hướng dẫn: Khi không thể đồng thời dọn sạch vệ sinh đất đá trên nhiều bộ phận của khu vực hoạt động, thì phải lập thứ tự ưu tiên nhưng có thể thay đổi khi cần thiết theo ý kiến của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.
      * Hoàn trả mặt bằng sau khi thi công xong.

1. Công tác phối hợp với các đơn vị liên quan:

* Đơn vị thi công cần phải phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình thi công công trình;
* Hằng ngày, trước khi triển khai thi công, đơn vị thi công phải chủ động liên hệ với Cảng HKQT Cam Ranh để nắm bắt lịch bay trong ngày hoặc của ngày kế tiếp để có thể bố trí thời gian thi công hợp lý cũng như bảo đảm tiến độ thi công công trình theo yêu cầu;
* Khi ra vào khu bay, đơn vị thi công khi làm việc phải chịu sự kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của lực lượng An ninh hàng không, đơn vị giám sát của Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát (nếu có), Phòng Điều hành sân bay để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động bay và bảo đảm an ninh, an toàn trong khu vực. Mọi kế hoạch hoạt động của công trường đều có sự bàn bạc, được thông qua và chịu sự giám sát của Ban Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh;
* Đơn vị thi công cần phải cử cán bộ chuyên trách công tác an ninh để có thể thường xuyên làm việc với Phòng An ninh- An toàn về tất cả các vấn đề bảo đảm an ninh, an toàn tại khu vực thi công;
* Vì những lý do đặc biệt hoặc có sự cố nghiêm trọng trong khu bay hoặc gần vị trí thi công công trình cần yêu cầu công trường ngừng hoạt động thi công thì đơn vị thi công phải khẩn trương di chuyển các trang thiết bị, máy móc và lực lượng thi công về nơi tập kết an toàn theo quy định và hướng dẫn của Phòng An ninh- An toàn và các đơn vị liên quan;
* Trong trường hợp có tàu bay chuyên cơ, tất cả mọi hoạt động của công trường phải tuân theo hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ với Phòng An ninh - An toàn và các đơn vị liên quan để bảo đảm phục vụ an toàn cho các chuyến bay chuyên cơ. Đơn vị thi công chỉ được phép thi công trở lại khi nhận được lệnh của Đài kiểm soát không lưu và bộ phận kiểm soát an ninh hàng không thông qua máy bộ đàm cầm tay theo kênh liên lạc đã quy định;
* Đối với trường hợp công trình nằm trên khu vực di chuyển hoặc khu vực hoạt động, yêu cầu đơn vị thi công trước khi di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác đều phải được sự đồng ý của Đài kiểm soát không lưu và nhân viên an ninh hàng không trực tại khu vực đó.

1. Phương thức thông báo và thông tin liên lạc với Đài kiểm soát không lưu:

* Bộ phận TBTTHK Cam Ranh tiếp nhận thông tin và phát báo NOTAM theo quy định; thông báo kế hoạch thi công cho Đài kiểm soát không lưu và các đơn vị liên quan;
* Các đơn vị thi công, làm việc không thường xuyên trong khu bay phải trang bị đầy đủ các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại cầm tay, bộ đàm vô tuyến cầm tay để phục vụ cho công tác chuyên môn. Các tần số thông tin liên lạc nội bộ, đường dài, bộ đàm vô tuyến cầm tay phải được đăng ký với Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh và chỉ được phép sử dụng các tần số liên lạc đã được Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh cho phép. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trong khu bay, phải xoá bỏ tần số máy bộ đàm vô tuyến cầm tay đã đăng ký với Cảng HKQT Cam Ranh;
* Phương thức liên lạc với Đài kiểm soát không lưu sử dụng bộ đàm theo tần số đã được quy định;
* Ngoài ra, trong trường hợp không thể liên lạc được bằng bộ đàm thì có thể sử dụng máy điện thoại theo số Bưu điện hoặc số nội bộ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Đầu mối liên lạc | Người liên lạc | Máy bưu điện |
| 01 | Trực ban Điều hành sân bay | Trực ban | 0583989909 |
| 02 | Đài kiểm soát không lưu | NV không lưu | 0583989913 |

* + Trong quá trình thi công, đơn vị thi công phải luôn mang theo bộ đàm và sử dụng tần số đúng theo quy định để có thể nhận và xử lý các tình huống từ các yêu cầu của Đài kiểm soát không lưu và bộ phận kiểm soát an ninh hàng không.

1. Quy trình thi công đột xuất các công trình trong khu bay, khu vực lân cận:

Đối với các công trình hoặc hạng mục công trình thi công trong khu bay, trong thời gian hoạt động bay như hư hỏng, bong bật tấm bê tông, hư hỏng các trang thiết bị phục vụ bay, có yêu cầu về mặt thời gian cũng như tiến độ cần phải thi công đột xuất. Các đơn vị liên quan cần hướng dẫn cụ thể đơn vị thi công công trình hoặc hạng mục công trình đó theo các quy định nêu trên và triển khai thi công theo quy định tại Thông tư 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ GTVT và văn bản số 1916/CHK-QLC ngày 13/05/2011 của Cục HKVN.

1. Bàn giao mặt bằng thi công:

* Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao mặt bằng thi công, mốc giới thi công (nếu có) cho đơn vị thi công ngay khi hồ sơ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
* Trong trường hợp có nhà thầu Tư vấn thiết kế *(nếu có thuê đơn vị Tư vấn thiết kế*) thì tiến hành bàn giao giữa ba bên là Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế và đơn vị thi công *(có Biên bản kèm theo)* theo quy định;
* Xác định vị trí lán trại, khu phụ trợ (nếu có) theo hồ sơ dự án được duyệt để thi công được thuận tiện mà không ảnh hưởng đến hoạt động bay. Đồng thời bảo đảm thi công công trình đúng tiến độ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  + 1. Phương án kiểm soát người, phương tiện ra vào, hoạt động trong khu vực thi công: Phòng An ninh - An toàn Cảng HKQT Cam Ranh là đơn vị được giao kiểm soát an ninh theo quy định có trách nhiệm:
* Bố trí lực lượng quản lý, giám sát người và phương tiện ra vào, hoạt động trong khu bay, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời những hành vi gây uy hiếp, vi phạm về an ninh, an toàn hàng không, vệ sinh môi trường;
* Hướng dẫn và quản lý về các nội quy an ninh, an toàn khi vào thi công trong khu bay theo quy định;
* Hàng ngày có trách nhiệm tổng hợp tình hình và báo cáo Ban Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh;
* Hướng dẫn đơn vị thi công làm các thủ tục cấp thẻ ra vào thi công cho người và phương tiện của đơn vị thi công theo Quy định của Cục Hàng không Việt Nam;
  + 1. Tên, số điện thoại và các chức vụ của những đơn vị khai thác tại khu bay, các hãng phục vụ mặt đất và các hãng hàng không cần được thông báo về việc xây dựng công trình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị, Chức danh** | **Người liên lạc** | **Điện thoại** | **Di động** |
| Giám đốc Cảng | Nguyễn Bá Quân | 0903586219 | 0903586219 |
| Phòng An ninh hàng không | Nguyễn Thanh Hùng | 0969905777 | 0969905777 |
| Phòng Điều hành KTSB | Trần Mạnh Tường | 0906565555 | 0906565555 |
| Phòng Kỹ Thuật | Trần Văn Kiên | 0898383388 | 0898383388 |
| Cảng vụ HKMT tại Cam Ranh | Lê Văn Thường | 0904414776 | 0904414776 |
| CN VNAtại Nha Trang | Ngô Văn Xuân | 0913492493 | 0913492493 |
| Viet Jet Air | Lê Cao Út | 0913452555 | 0913452555 |
| Jetstar Pacific | Nguyễn Thị Chung | 0976931690 | 0976931690 |
| Bamboo Airways | Nguyễn Linh Chi | 0965176868 | 0965176868 |
| Công ty Nam Anh | Hoàng Thanh Tuyền | 0903616551 | 0903616551 |
| Công ty TNHH DHT | Cao Tuấn Anh Dũng | 0913233534 | 0913233534 |
| Đại diện các hàng HK quốc tế |  |  |  |

1. Quản lý sân đỗ tàu bay
2. Phân chia trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các cơ quan của Người khai thác cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, dịch vụ thương mại mặt đất. Được quy định theo:

- Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh giữa Công ty Quản lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh, ngày 08 tháng 08 năm 2018;

- Văn bản hiệp đồng đảm bảo dịch vụ thông báo tin tức hàng không tại Cảng HKQT Cam Ranh giữa Trung tâm thông báo tin tức hàng không và Cảng HKQT Cam Ranh, ngày 30 tháng 11 năm 2019.

- Hướng dẫn khai thác sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cam Ranh ban hành tu chỉnh lần 3 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

- Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranhđược phê duyệt theo quyết định 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08/05/2014 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

1. Phân bổ các vị trí đỗ:

Đội Điều phối khai thác – Phòng Điều hành khai thác sân bay chịu trách nhiệm phân bổ vị trí đỗ tàu bay theo Hướng dẫn khai thác sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cam Ranh ban hành tu chỉnh lần 3 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

1. Các quy định về kéo/đẩy tàu bay và khởi động động cơ.
   * 1. Quy định về kéo/đẩy tàu bay:

- Quy định an toàn của Cảng HKQT Cam Ranh được phê duyệt theo quyết định 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08/05/2014 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranh;

- Quy chế phối hợp kéo đẩy tàu bay tại Cảng HKQT Cam Ranh tháng 06 năm 2017.

* Tàu bay cần đẩy/kéo ra khỏi vị trí đỗ thì phải thông báo cho Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh, nhân viên Kế hoạch – Thủ tục bay để phối hợp, bố trí vị trí đỗ và được hướng dẫn trong quá trình kéo đẩy để không ảnh hưởng đến hoạt động của tàu bay khác.
* Người lái xe kéo/đẩy tàu bay phải có chứng chỉ hành nghề và phải được trang bị bộ đàm liên lạc hai chiều với Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh, nhân viên Đội Điều phối khai thác và tổ lái/nhân viên kỹ thuật tàu bay. Tổ lái/nhân viên kỹ thuật tàu bay phải liên lạc hai chiều với Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh, nhân viên ĐộiĐiều phối khai thác và chỉ được phép kéo/đẩy khi có huấn lệnh của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.
* Trước khi thực hiện việc kéo/đẩy tàu bay, người lái xe kéo/đẩy phải kiểm tra kỹ chất lượng hệ thống phanh của xe (phanh chân, phanh tay), hệ thống thủy lực, cần kéo, chốt hãm…
* Khi thực hiện việc kéo/đẩy tàu bay, người điều khiển tuân thủ các giới hạn cao nhất về tốc độ như sau:
  + 10km/h khi đang kéo/đẩy tàu bay;
  + 25km/h khi chạy không tải.
* Trong quá trình kéo/đẩy tàu bay, không được:
  + Tăng tốc độ hoặc dừng đột ngột;
  + Để người ngồi trên thân, cánh tàu bay;
  + Để người đu, bám bên ngoài, trên buồng lái của xe kéo;
  + Để người không có trách nhiệm ở trên tàu bay;
  + Để chèn bánh hoặc vật khác trên cần kéo/đẩy tàu bay;
  + Để người đứng, ngồi trên cần kéo/đẩy tàu bay;
  + Để hàng hóa trái phép trên tàu bay;
  + Cài số lùi để kéo tàu bay.
* Tàu bay khi được kéo/đẩy ban đêm hoặc khi có sương mù phải bật đèn chống va chạm, đèn đầu mút cánh của tàu bay. Xe kéo/đẩy tàu bay phải bật đèn chiếu sáng và đèn xoay trên mui xe báo hiệu đang hoạt động.
* Trước khi đẩy tàu bay ra khỏi vị trí đỗ, người lái xe phải được phép của Đài kiểm soát không lưu Cam Ranh, nhân viên ĐộiĐiều phối khai thác. Kiểm tra, quan sát cẩn thận xe thang, các trang thiết bị mặt đất khác bảo đảm đã rút ra ngoài khoảng cách an toàn và khi nhận được tín hiệu của nhân viên kỹ thuật máy bay báo tổ lái đã nhả phanh thì mới được tiến hành việc đẩy tàu bay.
* Trong quá trình kéo/đẩy tàu bay lái xe phải chấp hành lệnh của người chỉ huy kéo đẩy; người chỉ huy kéo/đẩy phải ở trong tầm nhìn thấy của lái xe và nhân viên kỹ thuật tàu bay.
  + 1. Quy định về khởi động động cơ:

Tất cả các vị trí đỗ tàu bay của Cảng HKQT Cam Ranh cho phép tàu bay được khởi động động cơ ở chế độ không tải (Idle) trên sân đỗ, sau khi được kéo/đẩy ra vị trí theo quy định sẽ tự vận hành ra đường lăn, đường cất hạ cánh

1. Dịch vụ đỗ tàu bay

* Dịch vụ bố trí sắp xếp vị trí đỗ tàu bay do Đội Điều phối khai thác(Phòng Điều hành khai thác sân bay) chịu trách nhiệm thực hiện. Giá dịch vụ sân đỗ tàu bay theo khung giá, thời gian sử dụng sân đỗ do Bộ Tài Chính ban hành. Thời gian sử dụng sân đỗ được xác định là khoảng tàu bay hạ cánh đến khi tàu bay cất cánh.
* Việc bố trí sắp xếp vị trí đỗ tàu bay dựa theo kế hoạch bay dự kiến của các hãng hàng không, được thực hiện trước 20h30 ngày hôm trước sau đó gửi cho các cơ quan đơn vị liên quan. Trong quá trình thực hiện kế hoạch bay sẽ có sự sửa đổi vị trí đỗ cho phù hợp với tình hình thực tế.
* Việc bố trí sắp xếp các vị trí đỗ tàu bay tuân thủ theo phương án khai thác và sơ đồ bố trí đỗ tàu bay tại sân bay Cam Ranh đã được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận. Trong trường hợp vì lý do an ninh an toàn phải điều chỉnh, thay đổi mục đích các vị trí đỗ thì Cảng HKQT Cam Ranh phải xin phép Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung tại Cam Ranh hoặc Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận mới được thực hiện;

1. Dịch vụ dẫn dắt tàu bay.

* Xe dẫn dắt tàu bay theo yêu cầu của các Hãng hàng không/người khai thác tàu bay;
* Để đảm bảo an toàn cho hoạt động bay, xe dẫn dắt tàu bay sẽ thực hiện dẫn dắt khi thời tiết xấu, tầm nhìn hạn chế theo quyết định của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.

1. Dịch vụ đánh tín hiệu/chèn bánh cho tàu bay.

- *Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay*: do Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh cung cấp

Dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay và khai thác vận hành hệ thống dẫn đỗ tự động (VDGS):

+ Vị trí đỗ tàu bay số 33,34,35 và 36: Sử dụng chỉ dẫn bằng VDGS do nhân viên vận hành cầu ống lồng hành khách thuộc Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh vận hành và xử lý.

+ Vị trí đỗ tàu bay số 52 và 53: Sử dụng chỉ dẫn bằng VDGS do nhân viên vận hành cầu ống lồng hành khách thuộc Cảng HKQT Cam Ranh vận hành và xử lý

+ Các vị trí khác: Sử dụng các tín hiệu bằng tay do nhân viên đánh tín hiệu tàu bay thuộcTrung tâm Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranhthực hiện.

- *Dịch vụ chèn bánh cho tàu bay*

+ Nhân viên Tổ bảo dưỡng ngoại trường Cam Ranh – VAECO đóng/rút chèn đối với tàu bay của Vietnam Airlines (VNA); nhân viên kỹ thuật của Hãng hàng không Vietjet Air, Jetstar Pacific Airlines đóng/rút chèn cho tàu bay của hãng mình.

+ Nhân viên Công ty phục vụ mặt đất đóng/rút chèn đối với tàu bay của các Hãng hàng không ký hợp đồng phục vụ mặt đất với Công ty.

* Không được thực hiện hướng dẫn cho tàu bay khi không được cấp phép của nhà chức trách sân bay và đã được đào tạo và giao nhiệm vụ.
* Ra tín hiệu hướng dẫn từ vị trí phía trước tàu bay trong khi mặt hướng về phía của tổ bay và trong tầm nhìn của tổ bay.
* Sử dụng gậy hoặc găng tay phát quang để tăng khả năng quan sát các tín hiệu bằng tay trong các điều kiện sau:

+ Chiếu sáng sân đỗ không đảm bảo

+ Tầm nhìn hạn chế

+ Ban đêm

+ Khi được yêu cầu hoặc theo quy định của nhà chức trách.

do các Công ty phục vụ mặt đất cung cấp;

1. Quy trình phục vụ chuyên cơ

Theo Quy trình phục vụ chuyên cơ tại Cảng HKQT Cam Ranh.( QĐ …“Quy định về bảo đảm công tác phục vụ chuyến bay chuyên cơ”; Thực hiện theo Thông tư 28/2010/TT-BGTVT ngày 13/09/2010 Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến baychuyên cơ; Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT ngày 24/9/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2010/TT-BGTVT củaBộ Giao thông Vận tải;

* 1. Quy trình kéo/đẩy tàu bay

Thực hiện theo các nội dung trong “Quy chế phối hợp kéo đẩy tàu bay tại Cảng HKQT Cam Ranh” ngày 02 tháng 06 năm 2017.

Các thành phần liên quan cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc kéo đẩy tàu bay:

* Kiểm soát viên Đài kiểm soát không lưu;
* Người lái/thợ máy có chứng chỉ tàu bay phù hợp;
* Nhân viên kỹ thuật tàu bay (người chỉ huy kéo đẩy tàu bay) có thông thoại với người lái;
* Nhân viên khai thác vận hành xe kéo đẩy tàu bay;
* Nhân viên trợ giúp tháo/lắp càng (nếu cần);
* Nhân viên cảnh giới đi cánh (nếu cần).
* Nhân viên đóng/rút chèn.

**Bước 1:** Xin phép và cấp phép kéo đẩy tàu bay:

* Người lái tàu bay liên lạc với Đài kiểm soát không lưu xin phép được đẩy/kéo tàu bay để xác định vị trí và lộ trình tàu bay sẽ được kéo đẩy đến. Người lái tàu bay thông báo cho người chỉ huy kéo đẩy tàu bay về hành trình và địa điểm, hướng mũi tàu bay mà Đài kiểm soát không lưu vừa cấp phép.
* Kiểm soát viên không lưu sau khi cấp huấn lệnh cho tổ lái kéo đẩy tàu bay sẽ thông báo bằng bộ đàm cho nhân viên lái xe kéo đẩy tàu bay về vị trí, lộ trình, hướng mũi tàu bay cần kéo đẩy tới.

**Bước 2:** Công tác chuẩn bị kéo đẩy tàu bay:

* Nhân viên lái xe kéo đẩy, phối hợp với nhân viên trợ giúp tháo/lắp càng kéo đẩy thao tác theo tài liệu hướng dẫn khai thác vận hành xe kéo đẩy tàu bay đã được ban hành.
* Người chỉ huy kéo đẩy tàu bay bố trí nhân viên hỗ trợ lắp càng và lái xe kéo đẩy lắp cần dắt vào càng tàu bay, quan sát điều kiện an toàn xung quanh, nếu cần thiết bố trí 02 nhân viên cảnh giới đi cánh để bảo đảm độ thông thoáng cho tàu bay trước và trong suốt hành trình kéo đẩy.

**Bước 3:** Kéo đẩy tàu bay và kiểm soát hành trình kéo đẩy:

* Nhân viên lái xe kéo đẩy phối hợp với nhân viên trợ giúp tháo/lắp càng kéo đẩy sau khi thực hiện xong tác thao tác ở bước 2, ra tín hiệu đã sẵn sàng với người chỉ huy kéo đẩy tàu bay để chờ lệnh.
* Người chỉ huy kéo đẩy tàu bay thực hiện việc kiểm tra lần cuối các điều kiện an toàn trước khi kéo đẩy, ra tín hiệu cho phép nhân viên đóng/rút chèn rút hết chèn ra bên ngoài vạch giới hạn, khi thấy đảm bảo an toàn, lái xe kéo đẩy đã sẵn, nhân viên đi cánh đã ra tín hiệu OK thì thông thoại với tổ lái yêu cầu nhả phanh tàu bay. Khi thấy đèn càng bánh mũi bật sáng- tín hiệu phanh đã nhả thì ra tín hiệu xèo bàn tay, và phất bàn tay về hướng trước hoặc phía sau đuôi tàu bay với nhân viên lái xe kéo đẩy.
* Nhân viên lái xe kéo đẩy nhận tín hiệu được phép đẩy của người chỉ huy kéo đẩy tàu bay ra tín hiệu OK với người chỉ huy kéo đẩy rồi thực hiện thao tác vận hành xe kéo đẩy để kéo đẩy tàu bay đi theo lộ trình đã được kiểm soát viên không lưu chỉ định tại bước 1.
* Trong suốt hành trình kéo đẩy, người chỉ huy kéo đẩy tàu bay luôn luôn quan sát xung quanh hành trình của tàu bay được kéo đẩy hoặc tín hiệu của nhân viên đi cánh (nếu có) để kịp thời thông thoại báo cho người lái, đồng thời ra tín hiệu dừng lại bằng tay với nhân viên lái xe kéo đẩy cho tàu bay dừng lại và dừng kéo đẩy khi gặp sự cố. Người lái tàu bay và nhân viên lái xe kéo đẩy khi nhận được thông báo và tín hiệu bằng tay của người chỉ huy kéo đẩy tàu bay thực hiện cùng lúc cài phanh tàu bay và phanh xe kéo đẩy để dừng tàu bay và xe kéo đẩy để tránh tình trạng gẫy càng đẩy tàu bay.

**Bước 4**: Kết thúc việc kéo đẩy tàu bay:

* Người chỉ huy kéo đẩy tàu bay khi nhận thấy tàu bay được kéo đẩy đã về đúng vị trí được Đài kiểm soát không lưu xác định phải sử dụng thông thoại với tổ lái để cài thắng, đồng thời ra tín hiệu nắm chặt bàn tay với nhân viên vận hành xe kéo đẩy để thông báo dừng lại.
* Nhân viên hỗ trợ và nhân viên vận hành xe kéo đẩy phối hợp với người chỉ huy kéo đẩy để xác nhận dừng lại và báo tín hiệu tháo cần kéo đẩy; thực hiện việc tháo cần kéo đẩy theo đúng tài liệu hướng dẫn; lắp cần kéo đẩy vào xe kéo đẩy và lùi, thoát ly xe kéo đẩy cùng cần kéo đẩy ra khỏi khu vực an toàn của tàu bay (chú ý sao cho người lái thấy đã rời khỏi tàu bay).
* Nhân viên đặt chèn tàu bay thực hiện đặt, rút chèn tàu bay theo tín hiệu chỉ huy của người chỉ huy tàu bay.
  1. Phương thức liên lạc trong khu vực sân đỗ:
* Người, phương tiện khi hoạt động trên khu vực sân đỗ tàu bay bắt buộc phải có bộ đàm đảm bảo liên lạc hai chiều với Đài kiểm soát không lưu và Điều hành sân bay ở tần số 147.275 MHz. Tần số kênh dự bị là 147.200 MHz;
* Các đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động trên sân đỗ có tần số bộ đàm riêng, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt và không được chen ngang làm gián đoạn thông tin liên lạc.

1. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn và sân đỗ
2. Quản lý an toàn đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ

* Quyết định số 349/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 02 năm 2013 của bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình an toàn đường cất hạ cánh;
* Quyết định số 1149/CHK-QLHĐB ngày 19 tháng 03 năm 2013 về việc hướng dẫn triển khai thiết lập và duy trì hoạt động tổ an toàn đường cất hạ cánh tại cảng hàng không;
* Quyết định số 1879/QĐ-TCTCHKVN ngày 14 tháng 06 năm 2013 về việc phê duyệt quy chế hoạt động Tổ công tác an toàn đường cất hạ cánh Cảng HKQT Cam Ranh;
* Quyết định số 1294/QĐ-CHK ngày 13 tháng 06 năm 2017 về việc phê duyệt thành phần tổ An toàn toàn đường cất hạ cánh tại Cảng HKQT Cam Ranh.

1. Các quy trình khác liên quan tới quản lý an toàn sân đỗ:
2. Phòng luồng khí xả đối với động cơ phản lực:

* Không được phép thử động cơ chính khi tàu bay đỗ tại sân đỗ khi chưa được phép của người khai thác Cảng. Tàu bay chỉ được phép khởi động động cơ chính khi các phương tiện mặt đất đã rời khỏi khu vực phục vụ;
* Luồng di chuyển của tàu bay được thiết kế để luồng khí thải của động cơ không gây ảnh hưởng đến các hoạt động khác;
* Việc thử động cơ chỉ được Thực hiện theo Quyết định số: 35/QĐ-CHK ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Cục Hàng không Việt Nam về việc chấp nhận phương án khai thác và sơ đồ bố trí đỗ tàu bay – Cảng HKQT Cam Ranh và Quyết định số 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Quy định an toàn Cảng hang không Quốc tế Cam Ranh - để tránh phòng phụt.
* Phương tiện, trang thiết bị và nhân viên hàng không tuyệt đối không di chuyển phía sau tàu bay đang khởi động động cơ trên sân đỗ.
* Không được phép thử động cơ chính khi tàu bay đỗ trên sân đỗ. Vị trí thử động cơ được xác định theo chỉ dẫn của ĐộiĐiều phối khai thác và Đài Kiểm soát không lưu.
* Việc thử động cơ chỉ được thực hiện ở những vị trí do Cảng HKQT Cam Ranh quy định.

1. Các biện pháp bảo vệ trong quá trình tiếp nhiên liệu:

~~Thực hiện theo Thông tư 01/2012/TT-BGTVT ngày 9/1/2012 Quy định về việc đảm bảo kỹ thuật nhiên liệu hàng không tại Việt Nam.~~

* Xe ~~xăng dầu tra/nạp~~ tra nạp nhiên liệu cho tàu bay phải có đầy đủ các thiết bị cần thiết, phù hợp với quy định của nhà nước đối với xe chuyên chở xăng dầu, ngoài ra còn phải trang bị thêm đèn xoay, bộ đàm liên lạc 02 chiều, bình chữa cháy, chèn bánh, dây tiếp mát và các cửa nạp nhiên liệu phải được niêm phong trước khi vào khu hoạt động bay;
* Khi xe ~~xăng dầu~~tra nạp nhiên liệu đang nạp cho tàu bay, cấm các phương tiện khác đè lên hoặc cán qua dây dẫn nạp dầu. Các trang thiết bị đang phục vụ trong phạm vi bán kính 15m không được bật, tắt công tắc điện xe, hoặc nổ máy kể cả không được khởi động lại động cơ phụ của tàu bay nếu động cơ đó bị tắt vì lý do nào đó;
* Khi xe đang thực hiện tra nạp nhiên liệu tàu bay thì các loại phương tiện và các trang thiết bị mặt đất khác phải giữ khoảng cách 2,5m xung quanh lỗ thông hơi nhiên liệu của tàu bay;
* Các phương tiện trang thiết bị mặt đất hoạt động bên trong khu vực tàu bay đang đỗ phải giữ lối thông thoáng cho phương tiện tra nạp nhiên liệu tiếp cận và lùi khỏi tàu bay;
* Trường hợp xe tra nạp nhiên liệu thứ nhất đã nạp xong nhiên liệu cho tàu bay nhưng chưa đủ số lượng thì phải lùi ra, nhường chỗ cho xe thứ hai vào tra nạp tiếp và phải bảo đảm tuân theo quy định về an toàn khi tra nạp nhiên liệu. Nghiêm cấm các phương tiện tra nạp nhiên liệu đấu nối trực tiếp với nhau để tra nạp nhiên liệu cho tàu bay.
* Trong vòng bán kính 30m khu vực tiếp cận các thiết bị tra nạp nhiên liệu không được sử dụng đèn nháy máy ảnh, các thiết bị điện tử, điện thoại, các dụng cụ điện, khoan, cắt kim loại …. Có thể sản sinh ra tia lửa điện hoặc sóng bức xạ cao tần.
* Nhân viên kỹ thuật tàu bay/cơ trưởng không cho phép thực hiện việc tra nạp nhiên liệu cho tàu bay khi càng chính tàu bay có bộ phận nóng bất thường.
* Quá trình tra nạp nhiên liệu cho tàu bay nên tạm dừng khi xuất hiện sấm, sét, chớp trong những vùng lân cận của khu hoạt động bay.
* Không được tra nạp nhiên liệu cho tàu bay trong các trường hợp: Không có lối thoát cho phương tiện tra nạp nhiên liệu trong trường hợp khẩn cấp; phương tiện tra nạp nhiên liệu không được tiếp mát/đất; Có dầu tràn trên vị trí đỗ của tàu bay, hệ thống đường ống nhiên liệu hoặc các đầu nối bị rò rỉ nhiên liệu.
* Trách nhiệm của nhân viên tra nạp:
  + Phải nắm vững quy trình tra nạp, sử dụng các trang thiết bị tra nạp và các yêu cầu về an toàn khi tra nạp nhiên liệu lên tàu bay;
  + Phải nắm vững các quy định về hướng tiếp cận, tốc độ tiếp cận tàu bay; phải đảm bảo sự phối hợp với nhân viên điều khiển phương tiện tra nạp trong quá trình tiếp cận tra nạp và thoát ly khỏi tàu bay; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với nhân viên kỹ thuật tàu bay trong quá trình tra nạp lên tàu bay, hút nhiên liệu ra khỏi tàu bay, và các công tác khác;
  + Phải có kiến thức về an toàn cháy nổ, được đào tạo về phương án phòng, chống cháy nổ trong quá trình tra nạp nhiên liệu.
* Trường hợp đặc biệt phải nạp dầu cho tàu bay mà có hành khách ngồi trên tàu bay, phải thực hiện đầy đủ các điều kiện sau đây:
  + Xe thang dẫn khách phải luôn để tại vị trí cửa ra vào tàu bay;
  + Tàu bay và xe tra nạp nhiên liệu/phương tiện nạp nhiên liệu được tiếp đất khi có yêu cầu.
  + Phải có xe cứu hỏa và kíp trực sẵn sàng tại nhà trực cứu hỏa. Trong trường hợp có yêu cầu, Hãng hàng không thông báo bằng bộ đàm cho Phòng Điều hành sân bay để điều động xe cứu hỏa trực tại nơi tàu bay đang được nạp nhiên liệu, vị trí trực cách tàu bay 15m, động cơ xe hoạt động ở chế độ không tải; 02 nhân viên cứu hỏa mặc trang phục theo quy định, 01 điều khiển trên xe, 01 xuống xe ở tư thế sẵn sàng;

1. Vệ sinh sân đỗ tàu bay:

* Đơn vị thực hiện: Đội bảo trì - Phòng Kỹ thuật hoặc đơn vị có hợp đồng với Cảng HKQT Cam Ranh;
* Phòng An ninh hàng không là đầu mối tiếp nhận thông tin và đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc kiểm tra thường xuyên và đột xuất. Phòng An ninh hàng không, Đội An toàn và kiểm soát chất lượng cùng tiến hành kiểm tra vệ sinh sân đường; ghi sổ nhật ký kiểm tra và ký xác nhận; Khi có sự cố bất thường báo cáo Ban giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.
* Trong những trường hợp đặc biệt như dông, bão hoặc theo đề nghị của tổ bay, của kiểm soát viên không lưu, nhân viên an ninh kiểm soát trực trên sân đỗ. Phòng An ninh hàng không phối hợp với Đội An toàn và kiểm soát chất lượng thực hiện kiểm tra đột xuất.

1. Biện pháp an toàn cho nhân viên, phương tiện hoạt động trên sân đỗ:
   1. Quy định về an toàn đối với các trang thiết bị phục vụ trên sân đỗ:

Theo Quyết định số 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Quy định an toàn Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh

* Các trang thiết bị phục vụ tàu bay: xe cấp điện, xe khởi động khí, xe thang, xe phục vụ hành khách cần trợ giúp đặc biệt… phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn tại Điều 40 Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/06/2010 của Bộ Giao thông vận tải;
* Tốc độ tối đa của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được quy định như sau:
  + 5 kilômét/giờ (km/h) trong khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất;
  + 35 kilômét/giờ (km/h) ngoài khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.
  1. Quy định nhân viên làm việc trên sân đỗ :

Theo Quyết định số 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Quy định an toàn Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh*.*

- Người điều khiển phương tiện, trang thiết bị mặt đất hàng không hoạt động trên sân đỗ tàu bay phải chấp hành đúng Luật giao thông đường bộ, nắm vững quy trình phục vụ tàu bay, quy định về an toàn Hàng không, an toàn sân đỗ tàu bay Cảng HKQT Cam Ranh, có bằng lái xe *(ngoại trừ nhân viên vận hành cầu hành khách)* do cơ quan Nhà nước cấp còn hiệu lực. Chỉ được phép vận hành các loại trang thiết bị đã được ghi trong giấy phép khai thác thiết bị mặt đất hàng không;

- Khi làm việc trên sân đỗ phải mặc áo, có gắn dải phản quang.

- Người đi bộ trên khu vực sân đỗ tàu bay hạn chế đi trên đường công vụ dành cho trang thiết bị, phương tiện *(chú ý khi đi ngang qua khu vực lên xuống của hành khách, hàng hóa ở nhà ga quốc tế và quốc nội);*

*-*  Tất cả cán bộ, nhân viên làm việc trong khu vực sân đỗ tàu bay không được ngồi nghỉ, tránh nắng, mưa bên dưới, sát cạnh, xung quanh phương tiện, trang thiết bị mặt đất đang chờ phục vụ tàu bay trên sân đỗ.

*-* Nghiêm cấm việc mang dù, ô ra sân đỗ tàu bay;

1. Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ:

* Tất cả các tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ đều phải được lập biên bản và báo cáo. Quy trình báo cáo được thực hiện theo Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 ,Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải và “Quy chế báo cáo an toàn hàng không” được ban hành theo Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25 tháng 02 năm 2015.
* Khi có tai nạn hoặc sự cố uy hiếp an toàn,Phòng Điều hành khai thác sân bay phối hợp với đại diện Cảng vụ HKMT tại Cam Ranh lập biên bản ghi nhận sự việc, thu thập các chứng cứ, lời khai của nhân chứng, để tập hợp hồ sơ vụ việc báo cáo Ban Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.

1. Quy định về kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay

Theo Chương trình an ninh hàng không – Cảng HKQT Cam Ranh ban hành theo quyết định số 2390/QĐ-CHK ngày 26 tháng 12 năm 2016 (Tu chỉnhChương trình an ninh hàng không – Cảng HKQT Cam Ranh ban hành theo quyết định số …./QĐ-CHK ngày tháng năm 2019)

Các biện pháp áp dụng cho giao thông, quy tắc giao thông (bao gồm hạn chế tốc độ, phương tiện, trang bị hướng dẫn thực hành quy tắc)thực hiện theo Quyết định số 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranh.

## Các biện pháp áp dụng cho giao thông, quy tắc giao thông:

Mọi phương tiện, trang thiết bị khi hoạt động, lưu thông trong khu hoạt động bay phải chấp hành quy tắc giao thông cũng như Luật giao thông đường bộ, Điều 60 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT, Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranh:

* Trên đường công vụ không quá 35km/giờ;
* Khi tiếp cận tàu bay không quá 05km/giờ;
* Xe dẫn tàu bay trên đường lăn không quá 35km/giờ;
* Xe dẫn tàu bay khi dẫn tàu bay trong khu vực vị trí đỗ không quá 25km/giờ;
* Xe kéo đang kéo/đẩy tàu bay là 10km/giờ;
* Xe kéo/đẩy tàu bay khi chạy không tải là 25km/giờ;
* Khi lưu thông trời mù cấm sử dụng đèn pha;
* Cấm đi cắt ngang qua khoảng cách giữa khoảng cách của nhân viên đánh tín hiệu mặt đất/ hệ thống dẫn đỗ VDGS và tàu bay đang lăn vào vị trí đỗ;
* Cấm vận hành phương tiện hoặc trang thiết bị mặt đất di chuyển dưới thân, cánh, động cơ tàu bay (ngoại trừ một số thiết bị được phép do đặc thù phục vụ như xe nhiên liệu, xe cấp nước sạch, xe hút chất thải tàu bay…);
* Cấm rời khỏi phương tiện trong khi phương tiện vẫn còn nổ máy…

## Các quy trình kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện hoạt động tại khu bay:

TheoChương trình An ninh hàng không Cảng HKQT Cam Ranh đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 2390/QĐ-CHK ngày 26 tháng 12 năm 2016.

## Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động trong khu bay :

### Trung tâm kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh.

- Đài Kiểm soát tại sân baychịu trách nhiệm kiểm soát hoạt động của người, phương tiện, tàu bay hoạt động trên khu vực đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ.

### Cảng HKQT Cam Ranh:

a. Phòng Điều hành khai thác sân bay:

- Phối hợp giám sát người, phương tiện kỹ thuật mặt đất trong khu vực sân đỗ để phối hợp với lực lượng an ninh sân đỗ tàu bay giải phóng thiết bị, phương tiện, chướng ngại vật có ảnh hưởng đến an toàn bay.

b. Phòng An ninh hàng không :

- Chịu trách nhiệm kiểm soát an ninh đối với người, phương tiện, trang thiết bị và tàu bay hoạt động trên sân đỗ;

- Phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp người, phương tiện… xâm nhập trái phép vào khu hoạt động bay;

- Có trách nhiệm hướng dẫn luồng tuyến lưu thông cho người và phương tiện lần đầu tiên đến sân đỗ tàu bay khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

1. Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do chim, động vật hoang dã và vật nuôi gây ra

Thực hiện theo sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã tại phụ lục 1C

Tên, số điện thoại (24/24 giờ) của những người phụ trách xử lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra:

* Phó Giám đốc phụ trách Antoàn: Nguyễn Minh Khôi:0913443730
* Phó trưởng Phòng An ninh hàng không: 0969905777

~~Thực hiện theo sổ tay kiểm soát chim và động vật hoang dã được Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012~~

~~11.1 Khảo sát, xác định vị trí các nơi nhốt, giữ và chăn thả động vật, lối đi động vật có thể xâm nhập khu bay, lập sổ theo dõi.~~

~~Xung quanh Cảng HKQT Cam Ranh không có khu vực nào nuôi, nhốt động vật.~~

~~11.2 Đánh giá tác động về các rủi ro do động vật gây ra. Phương án kiểm soát động vật Đánh giá về các rủi ro do động vật gây ra~~

* ~~Chó thả rông, chim tự nhiên.~~
* ~~Hệ thống kiểm soát động vật: hệ thống hàng rào bảo vệ sân bay khép kín đã hạn chế khả năng xâm nhập của động vật vào khu bay.~~

1. ~~Thông báo hoạt động của chim~~

* ~~Đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT Cam Ranh, bộ phận bảo vệ đường CHC tại Cảng hàng không Cam Ranh và tổ lái có trách nhiệm theo dõi, báo cáo Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh một cách kịp thời, thường xuyên về sự hoạt động của chim trong khu vực sân bay.~~
* ~~Bộ phận bảo vệ đường CHC tại Cảng HKQT Cam Ranh có trách nhiệm đuổi chim. Việc đuổi chim theo yêu cầu và hướng dẫn của Đài kiểm soát không lưu được thực hiện bằng các phương tiện hiện có.~~
* ~~Đài kiểm soát không lưu có trách nhiệm thông báo cho tổ lái về hoạt động của chim trong khu vực sân bay.~~
* ~~Tổ Kiểm soát chim và động vật hoang dã - Cảng HKQT Cam Ranh có trách nhiệm đuổi chim. Việc đuổi chim theo yêu cầu và hướng dẫn của Đài kiểm soát không lưu được thực hiện bằng các phương tiện hiện có.~~

~~11.3 Xác định chu kỳ di cư của chim.~~

* ~~Phòng An ninh hàng khôngvà Đội AT&KSCL – Phòng ĐHKTSB tại Cảng HKQT CamRanh chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động của chim, xem xét các việc sau:~~
* ~~Thời kỳ và những nơi chim thường đậu.~~
* ~~Thời gian hợp thành đàn và di chuyển của chim.~~
* ~~Đường di chuyển và độ cao bay của chim.~~
* ~~Những đặc điểm thu hút sự chú ý của chim.~~

~~Nhằm tìm ra, thực hiện các biện pháp xua đuổi chim một cách hữu hiệu trong khu vực sân bay.~~

~~11.4 Các biện pháp quản lý và ngăn ngừa. Tần suất của các hoạt động ngăn ngừa cũng như phương tiện thực hiện~~

~~Phối hợp với Cảng vụ Hàng không để phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật có liên quan đến bảo đảm an ninh, an toàn hàng không đến các cơ quan, chính quyền địa phương để họ tuyền truyền vận động nhân dân chấp hành nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động bay.~~

* ~~Tu sửa hệ thống và gia cố tường rào hiện có bảo đảm an ninh an toàn khu bay.~~
* ~~Đối với động vật:~~
* ~~Giao cho các kíp trực đường hạ cất cánh thường xuyên dùng đi tuần tra, giám sát kịp thời phát hiện bò, chó đuổi ra khỏi khu vực cấm.~~
* ~~Đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung phối hợp UBND Phường Cam Nghĩa, TP Cam Ranh yêu cầu các hộ dân cam kết không chăn thả gia súc, trồng tỉa hoa màu trên đất thuộc sân bay quản lý.~~
* ~~Đối với chim tự nhiên:Hàng năm, Cảng HKQT Cam Ranh thực hiện việc đuổi chim chủ yếu là tổ chức các đợt lao động như cắt cỏ, phát quang bụi rậm, lùm cây, lấp các vũng nước đọng để cắt nguồn thu hút chim các loại về tập trung quanh Cảng hàng không. Hiện tại công việc đuổi chim vẫn dùng thủ công, chưa có phương tiện đuổi chim hiện đại.~~

~~11.5 Tên, số điện thoại (24/24h) của những người phụ trách xử lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra~~

* ~~Phó Giám đốc phụ trách Antoàn:Nguyễn Minh Khôi:0913443730~~
* ~~Phó trưởng Phòng An ninh hàng không: 0969905777~~

1. Quản lý chướng ngại vật hàng không
2. Các quy định về bề mặt giới hạn của chướng ngại vật trong bề mặt cất, hạ cánh của tàu bay

Việc quản lý chướng ngại vật hàng không tại Cảng HKQT Cam Ranh thực hiện theo Điều92 Luật hàng không dân dụng Việt Nam; Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ Quy định về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Những chướng ngại vật sau đây phải được cảnh báo hàng không:

* Có độ cao vượt lên khỏi các bề mặt giới hạn chướng ngại vật của sân bay;
* Nằm trong phạm vi vùng trời lân cận của sân bay, có độ cao trên 45 mét so với mức cao sân bay;
* Có độ cao trên 45 mét so với mặt đất tự nhiên;
* Các chướng ngại vật được quy định tại Phụ lục IV Nghị định 32.

*(Phụ lục – Sơ đồ mặt bằng tĩnh không Cảng HKQT Cam Ranh)*

1. Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh có trách nhiệm:

Theo dõi và phát hiện các trường hợp vi phạm tĩnh không sân bay để thông báo cho đại diện Cảng vụ hàng không miền Trung và phối hợp giải quyết.

1. Kiểm soát và quản lý các công trình xây dựng, vật kiến trúc trong bề mặt giới hạn chướng ngại vật của cảng hàng không, sân bay.

* Đối với các chướng ngại vật nhân tạo và tự nhiên đã có trước khi ban hành tài liệu này mà chiều cao vi phạm các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, Cảng vụ Hàng không miền Trung sẽ chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan và chủ sở hữu của vật thể đó để xem xét xử lý đối với từng trường hợp cụ thể. Dựa trên sự đồng thuận của các bên sẽ đưa ra quyết định:
* Vị trí di dời chướng ngại vật
* Thời hạn di dời
* Trong trường hợp không thể di dời được:
* Hạ thấp độ cao trong chừng mực có thể;
* Lắp đèn báo hiệu, sơn kẻ tín hiệu cảnh báo theo qui định của ICAO.
* Trong trường hợp các bên không thể thống nhất ý kiến thì đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung sẽ báo cáo lên cấp có thẩm quyền cao hơn để giải quyết.
* Đối với các chướng ngại vật tạm thời và di động hoạt động gần sân bay và vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khoảng thời gian ngắn, chủ sở hữu phải báo cáo đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung để xem xét quyết định;
* Đối với các chướng ngại vật được phép xây mới hay sửa đổi, chủ sở hữu có trách nhiệm sơn đánh dấu và chiếu sáng các chướng ngại vật đó và chịu mọi chi phí liên quan đến lắp đặt, sơn kẻ và bảo trì các hệ thống đánh dấu/chiếu sáng đó.
* Đối với các chướng ngại vật thoả mãn các yêu cầu của nguyên lý núp bóng thì sẽ áp dụng các qui định riêng.
* Trường hợp cao trình không được phép nhưng chủ sở hữu vẫn cố tình cho xây dựng hay sửa đổi, đại diện Cảng vụ Hàng không miền Trung sẽ báo cáo lên các cấp có thẩm quyền để xử lý theo qui định của Pháp luật.

1. Qui trình về báo cáo.

* Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về hành vi vi phạm tĩnh không, Cảng HKQT Cam Ranh thông báo cho đại diện Cảng vụ hàng không miền Trung để xử lý theo thẩm quyền.
* Việc phát hiện chướng ngại vật vi phạm tĩnh không, vật thể bay uy hiếp an toàn tĩnh không, sẽ được Cảng HKQT Cam Ranh ghi chép, lưu giữ số liệu và báo cáo lên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam theo quy định.
* Cảng vụ hàng không miền Trung báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm tĩnh không tại Cảng HKQT Cam Ranh theo quy định.

1. Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

Theo Quyết định số 1092/QĐ-TCTCHKVN ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Quy định an toàn Cảng HKQT Cam Ranh và Theo quyết định số 178/QĐ – CHK ngày 20 tháng 01 năm 2014 – của Cục hàng không về Quyết định phê duyệt Kế hoạch khẩn nguy Cảng HKQT Cam Ranh ban hành lần II

Kế hoạch di chuyển tàu bay bị hư hỏng trên khu vực hoạt động của tàu bay hoặc khu vực lân cận là một phần trong Kế hoạch khẩn nguy sân bay

1. Các vai trò của người khai thác Cảng HKQT Cam Ranh và người khai thác tàu bay đối với tàu bay bị hỏng

* Việc kiểm soát, nâng nhấc và di dời là trách nhiệm của Người khai thác tàu bay.
* Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh cung cấp những điều kiện cần thiết và bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan đơn vị để cho việc di dời tàu bay được nhanh chóng.
* Nếu Người khai thác tàu bay không thể di dời tàu bay hoặc làm chậm trễ thì Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh sẽ có hành động phù hợp để di dời tàu bay làm giảm tối đa sự tắc nghẽn tại Cảng HKQT Cam Ranh.
* Nhân viên điều phối của Người khai thác tàu bay phải phối hợp với Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh để thực hiện di dời an toàn không làm hỏng thêm cho tàu bay. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình di dời tàu bay cho Cảng HKQT Cam Ranh.
  + 1. Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh:
* Căn cứ vào khả năng, trang bị sẵn có của mình lập kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển trên sân bay cho phù hợp.
* Phối hợp với Người khai thác tàu bay để cung cấp những kinh nghiệm và các phương tiện sẵn có giúp cho việc di dời được nhanh chóng trên cơ sở hợp đồng của Người khai thác tàu bay .
* Cung cấp các phương tiện chuyên chở, nhân viên hộ tống những trang thiết bị đến vị trí hiện trường tai nạn, lập sở chỉ huy cơ động khi cần thiết.
* Có trách nhiệm bảo vệ tàu bay bị nạn các bộ phận gãy rời, các bộ phận khác bị bung ra để phục vụ cho công tác điều tra tai nạn.
* Là cơ quan chủ trì phối hợp để bàn bạc, thống nhất các biện pháp giúp cho Người khai thác tàu bay thực hiện quá trình di dời tàu bay mất khả năng di chuyển nhanh chóng và hiệu quả nhất.
  + 1. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan trong việc di dời

Các cơ quan đơn vị thuộc Cảng HKQT Cam Ranh, các Hãng hàng không, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại Cảng có trách nhiệm tham gia vào kế hoạch di dời tàu bay mất khả năng di chuyển dưới sự điều phối của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.

1. *Ban chỉ huy hiện trường*
   * Thành phần:
   * Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh
   * Đại diện Cảng vụ HK miền Trung tại Cam Ranh;
   * Người điều phối của Người khai thác tàu bay;
   * Người đại diện của công ty có chuyên gia, thiết bị chuyên dụng do Cảng HKQT Cam Ranh hoặc Người khai thác tàu bay thuê.

* Nhiệm vụ:
  + Chỉ huy điều phối lực lượng, phương tiện, các trang thiết bị thực hiện kế hoạch di dời cho từng loại tàu bay và tình huống cụ thể;
  + Tổ chức tiếp nhận các phương tiện kỹ thuật tập kết tại khu vực hiện trường nhanh chóng kịp thời;
  + Chỉ đạo việc san ủi, lu lèn đường dành cho các phương tiện kỹ thuật ra vào khu vực hiện trường, đường di chuyển của tàu bay, quyết định đường di chuyển, hướng di chuyển;
  + Duy trì lực lượng cứu hoả, cứu thương tại hiện trường và trong quá trình di dời sẵn sàng đối phó với những tình huống xảy ra.

1. *Cảng HKQT Cam Ranh:*

* Liên hệ với Người khai thác tàu bay lập kế hoạch di dời tàu bay, các yêu cầu liên quan đến Người khai thác tàu bay, khả năng của sân bay về lực lượng phương tiện sẵn có;
* Liên hệ với đại diện Cảng vụ HKMT làm các thủ tục cấp phép cho lực lượng phương tiện do Cảng HKQT Cam Ranh hợp đồng ra vào khu vực hiện trường thực hiện nhiệm vụ di dời;
* Tham gia điều phối hoạt động của các cơ quan, đơn vị tham gia công tác di dời. Theo dõi giám sát các hoạt động di dời, công tác bảo đảm an ninh an toàn chung trong quá trình thực hiện;
* Tham mưu cho Ban chỉ huy trong công tác điều hành, điều động các lực lượng phối hợp.
* Trên cơ sở trang thiết bị hiện có của sân bay, các đơn vị thuộc ngành hàng không, các đơn vị địa phương xung quanh khu vực lập kế hoạch di dời tàu bay;
* Đảm bảo về điện nguồn, đèn chiếu sáng khu vực hiện trường vào ban đêm;
* Cung cấp các phương tiện lu lèn, san ủi đất, các trang thiết bị thô sơ như cuốc chim, xà beng, xẻng;
* Sửa chữa khắc phục những hư hỏng trên đường cất hạ cánh, khu vực lân cận lề bảo hiểm thiết bị kỹ thuật chiếu sáng do tàu bay gây ra. Bảo đảm thu dọn vệ sinh khôi phục lại hiện trạng ban đầu khu vực hiện trường.
* Duy trì lực lượng an ninh canh gác bảo vệ hiện trường trong suốt thời gian tổ chức di dời;
* Kiểm soát người, phương tiện của các đơn vị cơ quan, lực lượng địa phương ra vào khu vực hiện trường. Hướng dẫn người, phương tiện đi lại di chuyển bảo đảm an toàn.
* Cung cấp các phương tiện: xe cứu hoả, xe cứu thương, các phương tiện hiện có phục vụ công tác di dời;
  + 1. Người khai thác tàu bay
* Người khai thác tàu bay phải cung cấp cho Cảng HKQT Cam Ranh những tài liệu hướng dẫn chi tiết về phương pháp di chuyển tàu bay bị hư hỏng, tài liệu do nhà chế tạo cung cấp, xác định trách nhiệm di dời tàu bay hoặc các đơn vị có liên quan của người khai thác tàu bay.
* Khi tàu bay mất khả năng di chuyển, đại diện của Người khai thác tàu bay và người điều phối phải có mặt tại hiện trường để cùng với Ban chỉ huy hiện trường tổ chức di dời tàu bay ra khỏi khu vực đường cất hạ cánh hoặc khu vực lân cận. Đồng thời đại diện Người khai thác tàu bay nêu rõ yêu cầu, để Cảng HKQT Cam Ranh hỗ trợ giúp đỡ. Nếu Người khai thác tàu bay tự tổ chức di dời thì Cảng HKQT Cam Ranh cung cấp kinh nghiệm, phương tiện cần thiết mà Cảng HKQT Cam Ranh có thể đáp ứng được hoặc theo thoả thuận thuê giúp của các đơn vị hoạt động trên sân bay hoặc vùng lân cận bảo đảm cho công tác di dời được nhanh chóng,hiệu quả.
* Nếu Người khai thác tàu bay không di dời được hoặc chậm trễ thì Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh xem xét thực hiện việc di dời tàu bay. Hãng khai thác tàu bay phải phối hợp chặt chẽ với ban chỉ huy hiện trường về các yêu cầu đề nghị phương pháp di dời tàu bay. Kiểm soát các hoạt động di dời.
* Thanh toán các chi phí cho các đơn vị tham gia phục vụ di dời tàu bay thông qua hợp đồng ký kết.

1. Quy trình thông báo cho người có đăng ký tàu bay bị hư hỏng

* Khi tàu bay mất khả năng di chuyển từ những nguyên nhân tai nạn, sự cố, việc di dời tàu bay ra khỏi khu vực đó là giai đoạn tiếp theo của công tác khẩn nguy cảng hàng không, do đó việc thông báo cho Hãng khai thác tàu bay là trách nhiệm của Cảng HKQT Cam Ranh.
* Cảng HKQT Cam Ranh thông báo ngay cho chủ tàu bay hoặc Hãng khai thác tàu bay biết các thông tin cần thiết về tình trạng tàu bay để Người khai thác tàu bay có kế hoạch chuẩn bị và thực hiện các biện pháp di dời;
* Thông qua đại diện Hãng khai thác tàu bay để thông báo cho chủ tàu bay những thông tin về vị trí tàu bay bị nạn, tình trạng tàu bay, mức độ ảnh hưởng của tàu bay đối với hoạt động sân bay nếu không được khắc phục di dời;
* Kế hoạch dự kiến di dời, khả năng của Cảng HKQT Cam Ranh về lực lượng, phương tiện sẵn có của Cảng và của các đơn vị hoạt động trên khu vực có thể tham gia công tác di dời;
* Địa chỉ liên lạc của các đơn vị thuộc Cảng HKQT Cam Ranh để phối hợp công tác di dời và khôi phục lại hoạt động cho sân bay.

1. Quy trình liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khi tàu bay bị hư hỏng:

* Trước khi tiến hành công tác di dời chủ tàu bay, Giám đốc Cảng phải thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu kế hoạch di dời tàu bay để phối hợp điều hành, kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn trong khu bay các nội dung bao gồm:
* Thời gian dự kiến di dời
* Đường đi và thời gian của các loại phương tiện, trang bị tham gia di dời
* Đường di chuyển của tàu bay về nơi sửa chữa
* Chiều cao tối đa của các phương tiện di dời
* Phương tiện thông tin liên lạc, tần số vô tuyến liên lạc trong quá trình di dời
* Trong suốt quá trình di dời tàu bay phải duy trì thông tin liên lạc hai chiều bằng vô tuyến với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu cho đến khi kết thúc công tác di dời.

1. Bố trí, sắp xếp nhân viên và phương tiện để di chuyển tàu bay bị hư hỏng:

Việc bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện để di dời tàu bay mất khả năng di chuyển của Cảng HKQT Cam Ranh sẽ phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể để huy động là khác nhau. Trường hợp Cảng HKQT Cam Ranh được yêu cầu đứng ra tổ chức di dời thì sẽ phối hợp với Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam lãnh đạo chung và các thành viên trong Ban chỉ huy hiện trường Cảng HKQT Cam Ranh sẽ là những người giúp việc.

**Ban chỉ huy hiện trường chỉ huy di dời:**

Theo danh sách Ban chỉ huy hiện trường của Cảng HKQT Cam Ranh trong kế hoạch khẩn nguy Cảng HKQT Cam Ranh.

* + - * 1. Lực lượng phương tiện của Cảng HKQT Cam Ranh:
* Nhân sự tham gia công tác di dời tàu bay mất khả năng tự di chuyển:
* Cán bộ-CNV Phòng An ninh hàng không.
* Cán bộ-CNV Phòng Kỹ thuật.
* Cán bộ-CVN Phòng Điều hành sân bay.
* Lực lượng cứu hộ khác theo điều động của Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.
* Phương tiện, trang thiết bị hiện có của Cảng HKQT Cam Ranh:

1. Lực lượng phương tiện của đơn vị hiệp đồng trong sân bay:

* Nhân sự tham gia công tác di dời tàu bay mất khả năng tự di chuyển:
* CB-CVN kỹ thuật tàu bay của VAECO chi nhánh Cam Ranh;
* CB-CVN kỹ thuật tàu bay của Vietjet Air tại Cam Ranh;
* CB-CNV SAGS.
* CB-CNV AGS.
* Phương tiện:
* 04 xe kéo dắt.
* Cần dắt: B777, B767:

ATR72, A320, A321, FK70...

* Kích (con đội) máy bay:

1. Lực lượng, phương tiện của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam:

* Chuyên gia kích tàu bay;
* Phương tiện: 03 kích tàu bay.

1. Lực lượng, phương tiện của đơn vị hợp đồng ngoài sân bay:
2. Quy trình di chuyển tàu bay bị hư hỏng:

Tùy trường hợp cụ thể, quy trình chung đối với công tác di chuyển tàu bay bị hư hỏng gồm các bước chính như sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Lưu đồ** | **Trách nhiệm và hoạt động** |
| Không  Đạt  Khảo sát, lập phương án  Không thực hiện được  Phê duyệt  Thực hiện di dời  Thực hiện được  Đạt | Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh |
| Ban Chỉ huy hiện trường chỉ định thành phần chuyên gia |
| Ban Chi huy hiện trường xem xét phương án di dời |
| Ban chỉ huy hiện trường điều phối lực lượng, phương tiện thực hiện phương án di dời |
| Ban Chỉ huy hiện trường báo cáo Cục HK Việt Nam  Cảng HK Quốc tế Cam Ranh báo cáo Tổng công ty Cảng HK Việt Nam |

**Bước 1**: Khảo sát vị trí, mức độ hư hại của tàu bay bị tai nạn để lập phương án di dời:

* Khảo sát tính toán đường cứu hộ tàu bay;
* Đánh giá mức độ hư hại của tàu bay;
* Xác định loại phương tiện, trang thiết bị nào cần sử dụng cho việc di dời;
* Di dời tàu bay mất khả năng tự di chuyển về vị trí nào.

**Bước 2:** Thẩm định, phê duyệt phương án di dời:

* Thành phần tham gia thẩm định phương án mất khả năng tự di chuyển của tàu bay bao gồm:
* Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh;
* Đơn vị chủ trì xây dựng phương án của Cảng HKQT Cam Ranh;
* Đại diện các cơ quan chuyên môn của Cảng HKQT Cam Ranh;
* Các chuyên gia về cứu nạn, cứu hộ do Cảng HKQT Cam Ranh hợp đồng;
* Đại diện người khai thác tàu bay có thẩm quyền;
* Các chuyên gia về loại tàu bay liên quan của người khai thác tàu bay.
* Nội dung thẩm định phương án:
* Đơn vị chủ trì lập phương án di dời tàu bay mất khả năng tự di chuyển trình bày phương án;
* Các thành phần tham gia thẩm định cho ý kiến điều chỉnh những bất hợp lý của phương án;
* Chủ trì kết luận chỉnh sửa bổ sung phương án.
* Thống nhất chỉnh sửa trình Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh và đại diện người khai thác tàu bay có thẩm quyền ký phê duyệt.

**Bước 3:** Tổ chức di dời tàu bay:

* Người chỉ huy di dời: Phân công lực lượng, phương tiện tham gia theo các nhóm để thực hiện phương án di dời đã được phê duyệt.
* Nhóm trưởng các nhóm chỉ huy người điều kiển phương tiện, trang thiết bị di dời thực hiện công việc của từng bộ phận.
* Công việc cần sự phối hợp của các nhóm cần theo hiệu lệnh của người chỉ huy di dời.
* Sau khi đã di dời tàu bay mất khả năng di chuyển ra khỏi khu vực, phân công bộ phận tổ chức san gạt, thu dọn mặt bằng và kiểm tra tổng hợp; nếu đảm bảo đủ điều kiện an toàn, đưa hệ thống sân đường vào khai thác theo quy định.

1. Tên, chức vụ, số điện thoại của các cán bộ phụ trách việc sắp xếp di chuyển tàu bay bị hư hỏng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên | **Chức vụ** | **Số điện thoại** |
| 1 | Ông Nguyễn Đình Dương | Phó Tổng Giám đốc TCT CHKVN | 0913.253.635 |
| 2 | Ông Trần Quang Hiệu | Trưởng Ban ANAT TCT CHKVN | 0903.397.189 |
| 3 | Ông Nguyễn Bá Quân | Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh | 0903.586.219 |
| 2 | Ông Lê Văn Thường | Đại diện Cảng vụ HK miền Trung  tại Cam Ranh | 0904.414.776 |
| 3 | Ông Trần Mạnh Tường | Phòng Điều hành khai thác sân bay | 0906.562.555 |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Hùng | Phòng An ninh hàng không | 0969.905.777 |
| 5 | Ông Trần Văn Kiên | Phòng Kỹ thuật | 0898.383.388 |
| 6 | ĐD chủ sở hữu tàu bay | Trường hợp tàu bay thuê chuyến hoặc hạ cánh khẩn cấp | Tùy từng Hãng |
| 7 |  | Đại diện công ty kỹ thuật máy bay | Tùy từng Hãng |

1. Quản lý vật phẩm nguy hiểm

Thực hiện theo Chương trình an ninh hàng không – Cảng HKQT Cam Ranh ban hành theo quyết định số 2390/QĐ-CHK ngày 26 tháng 12 năm 2016.

1. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế

Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế tại Cảng HKQT Cam Ranh theo tiêu chuẩn thời tiết tối thiểu áp dụng cho các phương thức bay được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn theo Quyets định số 571/QĐ-CHK ngày 13/03/2019 về việc ban hành các sơ đồ phương thức bay và tiêu chuẩn khai thác tối thiểu của sân bay Cam Ranh.

Theo Tài liệu hướng dẫn khai thác của Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh ( Bộ phận khí tượng và đánh tín hiệu tại sân) được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-CHK ngày 28/01/2019.

* Trách nhiệm thông báo về điều kiện tầm nhìn hạn chế:

Thực hiện theo quy chế phối hợp đảm bảo dịch vụ khí tượng hàng không giữa Công ty quảng lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh - tháng 12 năm 2016 và Văn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh giữa Công ty Quản lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh, ngày 08 tháng 08 năm 2018.

1. Quy trình hướng dẫn khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế:
2. Quy trình đo đạc và báo cáo tầm nhìn trên đường CHC:
   * + - 1. *Đo đạc:*

* Tầm nhìn ngang: Tầm nhìn ngang trong khu vực sân bay do quan trắc viên quan trắc, kết hợp các số liệu của hệ thống quan trắc tự động (AWOS) và phương thức đo dựa trên các tiêu điểm đã xác định trước. Trong trường hợp hệ thống quan trắc tự động (AWOS) hỏng thì lấy giá trị quan trắc dự trên các tiêu điểm. Giá trị của tầm nhìn ngang được cung cấp trong bản tin báo cáo thời tiết thường lệ hoặc đặc biệt;
* Tầm nhìn trên đường cất hạ cánh (RVR): do hệ thống quan trắc tự động AWOS cung cấp. Các bộ cảm ứng trong hệ thống được đặt hai đầu đường cất hạ cánh sẽ tự động đo và hiển thị trên các đầu cuối. Các đầu cuối được trang bị cho các cơ quan không lưu, khí tượng... Giá trị của tầm nhìn trên đường CHC được đo tự động từ 150m đến 2.000m.

1. *Tiêu chuẩn khai thác thấp nhất tại Cảng HKQT Cam Ranh:*

Tiêu chuẩn khai thác thấp nhất được công bố trong Tập Thông báo tin tức hàng không Việt Nam (Tập bổ sung AIRAC AIP SUP A07/19) và Quy chế bay trong khu vực sân bay Cam Ranh.

1. *Trách nhiệm thông báo về điều kiện tầm nhìn hạn chế:*

Thực hiện theo quy chế phối hợp đảm bảo dịch vụ khí tượng hàng không giữa Công ty quảng lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh - tháng 12 năm 2016.

1. Quy định vềkhai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế:

* Đối với hoạt động bay: Tổ lái và KSVKL phải tuyệt đối tuân thủ các điều kiện tiêu chuẩn khai thác thấp nhất tại Cảng HKQT Cam Ranh đối với từng loại Phương thức bay do Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và công bố trong AIP - Việt Nam;
* Đối với việc sử dụng đèn đường CHC: Đèn đường CHC chỉ được sử dụng khi tầm nhìn ban ngày xuống dưới 4.000 m theo Văn bản hiệp đồng trách nhiệm đảm bảo hoạt động bay giữa Cảng HKQT Cam Ranh và Công ty Quản lý bay miền Nam.
* Đối với việc sử dụng xe dẫn tàu bay: Khi tầm nhìn xuống dưới 1.500 m, để đảm bảo an toàn cho tàu bay vận hành mặt đất, Cảng HKQT Cam Ranh sẽ sử dụng xe dẫn tàu bay để hướng dẫn tàu bay lăn khi có yêu cầu.
* Đối với phương tiện, trang thiết bị mặt đất: Khi tầm nhìn hạn chế phải bật đèn chiếu sáng (đèn cos) và đèn xoay, không dùng đèn far khi vận hành các loại phương tiện hoạt động tại các khu vực hạn chế.
* Đối với các công trình xây dựng: trong điều kiện tầm nhìn xuống dưới 5.000 m thì các cần cẩu của các công trình xây dựng phải ngưng hoạt động và hạ thấp độ cao theo yêu cầu của Cảng HKQT Cam Ranh.

1. Tên, số điện thoại của người phụ trách đo tầm nhìn của đường cất hạ cánh Cảng HKQT Cam Ranh:

* Phụ trách chung: Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh ông: Nguyễn Bá Quân – Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh;

Tel: (058). 3.989999- 0903.586219; Fax: (058). 3.989908

* Phụ trách BP Khí tượng: Đặng Trọng Cửu – 0914.243564-0258.2211909

1. Đảm bảo hoạt động của Radar và các thiết bị dẫn đường
2. Kiểm soát các hoạt động xung quanh vị trí đài dẫn đường .

* Tất cả các hoạt động quanh vị trí các phương tiện vô tuyến dẫn đường được quy định cụ thể nhằm tránh những can nhiễu gây sai lệch tín hiệu làm ảnh hưởng đến hoạt động bay:
* Bề mặt phản xạ của đài dẫn đường phải thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng để đảm bảo tiêu chuẩn.
* Trong thời gian phục vụ bay, cấm mọi phương tiện đi lại và thi công trong phạm vi hoạt động của Đài theo qui định.

1. Các quy định bảo trì mặt đất xung quanh các thiết bị.

* Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh đảm bảo khai thác, bảo dưỡng các thiết bị liên lạc, dẫn đường do Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh quản lý.
* Việc cắt cỏ định kỳ, bảo đảm thoát nước và sửa chữa thiết bị nếu có do Phòng Kỹ thuật đảm nhận

1. Quy định về lắp đặt các bảng báo hiệu về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm.

Hiện nay tại sân bayCảng hàng không Quốc tế Cam Ranh không có thiết bị phát sóng cực ngắn nguy hiểm nên không bố trí các bảng báo hiệu.

1. Sơ đồ các bề mặt giới hạn chướng ngại vật đảm bảo hoạt động bình thường của thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát.

Phụ lục

1. Khí tượng hàng không

Thực hiện theo quy chế phối hợp đảm bảo dịch vụ khí tượng hàng không giữa Công ty quảng lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh - tháng 12 năm 2016vàVăn bản hiệp đồng bảo đảm dịch vụ hoạt động bay tại Cảng HKQT Cam Ranh giữa Công ty Quản lý bay miền Nam và Cảng HKQT Cam Ranh, ngày 08 tháng 08 năm 2018.

Thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn khai thác của Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh ( Bộ phận khí tượng và đánh tín hiệu tại sân) được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-CHK ngày 28/01/2019.

1. Quản lý môi trường tại Cảng HKQT Cam Ranh

18.1 Các nguồn thải gây ô nhiễm và biện pháp giảm thiểu

* + 1. Khí thải, tiếng ồn, độ rung
* Nguổn: Chủ yếu phát thải từ động cơ máy bay khi cất hạ cánh, động cơ của các phương tiện chuyên dụng hoạt động tại sân đỗ, khu bay.
* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí, ồn và rung:
  + Các thiết bị, máy móc phục vụ trong sân bay đều có chế độ làm việc tối ưu, được vệ sinh bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.
  + Hệ thống xe vận chuyển trong sân bay được định kỳ đăng kiểm nhằm bảo đảm các thông số trong khói thải và tiếng ồn không vượt chuẩn cho phép.
  + Khuyến khích sử dụng nguồn cấp điện, thiết bị điều hòa không khí trên mặt đất bằng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hoặc sử dụng nhiên liệu sạch.
  + Nhân viên làm việc trong sân bay được đào tạo cơ bản về vệ sinh an toàn lao động và trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, nút chống ồn khi làm việc nơi pháp sinh tiếng ồn cao.
  + Khu vực làm việc của cán bộ, công nhân viên được xây dựng cách âm nên hạn chế việc pháp sinh tiếng ồn từ hoạt động của máy bay đến khu vực làm việc.
  + Cán bộ, công nhân viên làm việc trực tiếp trong sân bay được khám sức khỏe định kỳ và có chế độ bảo hiểm, hỗ trợ độc hại khi làm việc những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

18.1.2 Nước thải, lượng nước xả thải (m3/ngày đêm): Nguồn thải, lưu lượng xả thải, lượng nước tiêu thụ (m3/ngày đêm);

* Nguổn: Nước thải phát sinh từ nhà ga hành khách, các khu vực nhà hàng bên ngoài nhà ga ban đầu qua đường ống dẫn nước và các công trình phụ trợ đưa về 01 bể trung gian và 02 bể thu gom.
* Biện pháp giảm thiểu:
* Để dự phòng trường hợp 01 hệ thống phải tạm dừng hoạt động để bảo dưỡng, giữa 02 bể thu gom này sẽ có 02 đường ống cân bằng cưỡng bức (sử dụng 02 máy bơm chìm) để có thể điều tiết dòng nước thải giữa 02 hệ thống xử lý (100m3/ngày.đêm và 200m3/ngày.đêm).
* Lưu lượng xả thải lớn nhất: 300m3/ngày.đêm.
* Lưu lượng xả thải (qua hệ thống xử lý nước thải): 60m3/ngày.đêm.

Sơ đồ Quy trình thu gom, xử lý nước thải của người khai thác cảng và của toàn cảng hàng không sân bay:

Bể thu gom nước thải

phát sinh

Đường ống thu gom nước thải từ khu vực nhà ga hành khách quốc nội

Bể thu gom nước

thải trung gian

Nguồn tiếp nhận

Hệ thống xử lý nước thải màng sinh học hiếu khí MBBR

Quy trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải màng sinh học hiếu khí MBBR

Hố thu gom hiện hữu

Hố trung gian hiện hữu

Hố thu gom xây mới

Máy thổi khí

Bể điều hòa

Bể Anoxic

Bể Aerotank +

MBBR

Bể lắng

Bể chứa bùn

Hóa chất khử trùng

Bể khử trùng

Bể chứa nước

sau xử lý

Bể chứa nước sau xử lý

**Nước thải sau xử lý**

**Đạt QVVN Mương thoát nước**

**14:2008/BTNMT, cột B**

***Ghi chú:***Đường nước thải

Đường khí

Đường hóa chất

Đường bùn

*Thuyết minh sơ bộ:*

Bước 1: Điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm.

Bước 2: Xử lý BOD, COD bằng phương pháp oxy hoá sinh học, các vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ trong nước thải làm nguồn thức ăn (*đồng thời với quá trình tiêu thụ oxy không khí và nito, photpho*).

Bước 3: Loại bỏ các chất lơ lửng, các chất ô nhiễm còn lại trong nước thải bằng biện pháp cơ học.

Bước 4: Tiêu diệt các vi khuẩn có hại bằng phương pháp khử trùng

Bước 5: Bùn xả từ bể lắng được bơm về bể phốt và định kỳ được hút bỏ. Lượng nước tách ra từ bể bùn được chảy ngược lại bể gom và điều hòa.

Bước 6: Nước sau khi được khử trùng sẽ được xả thải trực tiếp ra mương thoát nước.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Nguồn gốc gây ô nhiễm | Các biện pháp khống chế ô nhiễm |
| 01 | Nước thải sinh hoạt của toàn bộ nhà ga | Qua hệ thống xử lý nước thải tập trung - công suất xử lý lớn nhất 300 m3/ngày. |
| 02 | Nước thải tàu bay | Được thu gom bằng xe bồn và vận chuyển đến hầm gom nước thải tàu bay của Cảng |
| 03 | Nước mưa chảy tràn | Được thu gom vào hệ thống cống thoát nước sau đó đổ ra hồ điều hòa và đầm Thủy triều phía Tây - Nam sân bay. |

18.1.3 Chất thải rắn:

* Nguồn chất thải rắn:
  + Rác thải sinh hoạt bao gồm: bao nilong, giấy vệ sinh, thức ăn thừa từ nhà hàng, chất thải rắn từ máy bay.
  + Khối lượng chất thải rắn: 3,400kg/ngày.
* Biện pháp giảm thiểu: Ký hợp đồng với Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ vệ sinh công nghiệp Sài Gòn chịu trách nhiệm thu gom chất thải từ nhà ga hành khách và khu văn phòng, nhà kho hàng hóa đưa về Nhà kho tập kết rác thải. Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải rắn từ nhà tập kết rác thải về nơi xử lý rác thải theo quy định.
* Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn (sơ đồ);

Quy trình thu gom chất thải rắn:

Nhà ga

Khu bay

Thùng rác mini – thể tích

V= 30-40l

Thùng rác nhựa

Tổ thu gom, thiết bị thu gom

Nhà kho tập kết rác

Đơn vị thu gom và mang đi xử lý

18.1.4. Chất thải nguy hại:

* + - Nguồn chất thải nguy hại:
    - Bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in thải, Pin acquy thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh từ các hoạt động sửa chữa, bảo trì trang thiết bị tại Cảng hàng không, sân bay.
    - Khối lượng chất thải nguy hại: 400 kg/năm.
    - Biện pháp giảm thiểu:
    - Chất thải nguy hại phát sinh tại nguồn như khu vực bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị,… được phân loại và thu gom tập trung tại các thùng rác chuyên dụng có dán nhãn. Định kỳ 06 tháng tùy thuộc vào khối lượng chất thải nguy hại được đơn vị thu gom là công ty CP môi trường Khánh Hòa đến thu gom và mang đi xử lý.
    - Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho cán bộ công nhân viên làm việc trong sân bay.
    - Đặt các thùng rác tại từng khu vực để nhân viên, hành khách bỏ rác, tránh tinh trạng vứt rác bừa bãi, định kỳ trong ngày nhân viên vệ sinh đi thu gom tất cả các rác thải phát sinh về tập trung tại trạm trung chuyển.
    - CTNH được thu gom, phân loại riêng, đựng trong thùng kín hoặc bao kín, lưu chứa trong khu vực chứa chất thải nguy hại.
    - Ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt và CTNH với đơn vị có đầy đủ năng lực vào thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý
    - Sơ đồ quy trình:

Quy trình thu gom chất thải nguy hại:

Nguồn thải CTNH

Phân loại

Bao bì, thiết bị lưu chứa chuyên dụng

Tổ thu gom, thiết bị thu gom

Dán nhãn mác, mã CTNH

Đơn vị hợp đồng thu gom mang đi xử lý

18.1.5 Chất thải rắn, lỏng từ tàu bay tại cảng hàng không, sân bay.

18.1.5.1 Chất thải rắn từ tàu bay:

- Nguồn thải: Chai lọ nhựa, giấy vệ sinh, bìa hộp giấy.Khối lượng chất thải rắn: 310 kg/ngày.

- Biện pháp giảm thiểu: Chất thải rắn từ tàu bay được đội vệ sinh tàu bay của hai công ty phục vụ mặt đất là công ty AGS và công ty SAGS-CXR thu gom và tập kết tại nhà tập kết rác thải chung của Cảng HKQT Cam Ranh, sau đó rác thải được công ty CP môi trường Khánh Hòa thu gom hàng ngày cùng với các loại rác thải sinh hoạt khác.

- Sơ đồ quy trình:

Quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn từ tàu bay

Đơn vị chịu trách nhiệm thu gom vận chuyển xử lý

Nhà kho tập kết rác của Cảng

Xe thu gom

Chất thải rắn từ tàu bay

18.1.5.2 Chất thải lỏng từ tàu bay:

- Nguồn thải:Khối lượng chất thải lỏng từ tàu bay: 2,1 m3/ ngày.

- Biện pháp giảm thiểu: Chất thải lỏng của từng loại tàu bay cũng được thu gom từ xe vệ sinh của hai công ty phục vụ mặt đất là công ty AGS và công ty SAGS-CXR, sau đó tập kết tại hầm gom chất thải lỏng từ tàu bay được xây dựng riêng biệt và tiến hành thuê công ty vệ sinh hút chất thải khi hầm đầy.

- Sơ đồ quy trình:

Quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải lỏng từ tàu bay

Hâm thu gom chất thải lỏng của Cảng

Xe hút hầm vệ sinh

Chất thải lỏng từ tàu bay

Thuê công ty vệ sinh hút định kỳ khi hầm đầy

18.2 .Trách nhiệm quản lý môi trường của người khai thác cảng hàng không, sân bay

* ~~Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch BVMT và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản.~~
* ~~Kế hoạch BVMT.~~
* ~~Hạ tầng kỹ thuật BVMT.~~
* ~~Bản đồ tiếng ồn và kiểm soát tiếng ổn tại CHK,SB.~~
* ~~Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.~~
* ~~Quản lý chất thải rắn thông thường.~~
* ~~Quản lý chất thải nguy hại.~~
* ~~BVMT nơi công cộng.~~
* ~~Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.~~
* ~~An toàn bức xạ.~~
* ~~Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.~~
* ~~Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước.~~
* ~~BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.~~
* ~~Trách nhiệm báo cáo công tác BVMT.~~
* Chịu trách nhiệm trước phát luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường;
* Thực hiện công tác quản lý môi trường theo đúng các nội dung đã cam kết trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của công trình Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh được phê duyệt tại Quyết định số: … ngày … của UBND tỉnh Khánh Hòa;
* Triển khai xây dựng bản đồ tiếng ồn; (đưa vào danh mục không đáp ứng)
* Phê duyệt Hệ thống quản lý môi trường (đưa vào danh mục không đáp ứng)
* Ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (Nếu có đưa tên quyết định vào, không có đưa vào danh mục không đáp ứng)
* Thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại sân bay Cam Ranh đã được ban hành theo Quyết định số: … ngày ….;
* Phê duyệt quy trình thu gom, phân loại, xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất thải rắn, lỏng từ tyàu bay của cảng hàng không, sân bay;(Đưa số Quyết định vào)
* Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận môi trường.(Đưa số Quyết định vào)

18.3. Trách nhiệm quản lý môi trường của các đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

* ~~Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi tường và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản.~~
* ~~BVMT đối với hoạt động khai thác tàu bay.~~

~~- Hạ tầng kỹ thuật BVMT.~~

~~- Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.~~

~~- Quản lý chất thải rắn thông thường.~~

~~- Quản lý chất thải nguy hại.~~

~~- Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.~~

~~- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.~~

* ~~Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước.~~
* ~~BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.~~
* ~~Trách nhiệm báo cáo công tác BVMT.~~
* Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường;
* Thực hiện quản lý môi trường theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường/đề án bảo vệ môi trường các cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
* Ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

18.4 Văn bản pháp luật liên quan đến việc quản lý, bảo vệ môi trường tại Cảng

* + Quyết định 2746/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng đường CHC, đường lăn, sân đỗ máy bay Cảng HKQT Cam Ranh;
  + Quyết định số 1409/QĐ-BGTVT ngày 18/04/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “xây dựng đường CHC số 2 Cảng HKQT Cam Ranh”.
  + ~~Quyết định 36/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng nhà ga hành khách – Cảng HKQT Cam Ranh”.~~
  + ~~Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 29/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sửa chữa, mở rộng nhà ga hành khách quốc tế – Cảng HKQT Cam Ranh”.~~
  + ~~Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 25/08/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà ga hành khách quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh” tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.~~

Tên Bộ phận quản lý môi trường: Tổ quản lý môi trường Cảng HKQT Cam Ranh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tên, Chức vụ** | **Số điện thoại** |
| 1 | Phạm Ngọc Khánh – Chuyên viên quản lý môi trường |  |
|  |  |  |

1. Báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác Cảng hàng khôngquốc tế Cam Ranh

Người khai thác cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh thực hiện báo cáo an toàn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác cảng hàng không theo quy định:

Điều 35 của Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Quyết Quyết định số 399/QĐ-CHK ngày 25/02/2015 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không;

Quyết định số 5637/QĐ-TCTCHKVN ngày 29/12/2017 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam Quy định báo cáo an toàn hàng không.

**CHƯƠNG V**

**TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH**

1. Tổ chức hành chính của Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh
   1. Sơ đồ tổ chức Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

**Giám đốc**

**Phó Giám đốc phụ trách**

**An toàn HK**

**Phó Giám đốc phụ trách An ninh HK**

**Phòng Kỹ thuật**

**Phòng An ninh hàng không**

**Phòng Điều hành sân bay**

**Phòng Kế hoạch Tài chính**

**Văn phòng cảng**

**Đội An ninh**

**Soi chiếu**

**Đội Vận hành**

**TTB NG-KB**

**Trực ban**

**Điều hành SB**

**Tổ KH-KD**

**Tổ HC-QT**

**Đội An ninh**

**Kiểm soát**

**Đội Vận hành**

**TTB mặt đất**

**Đội Điều phối**

**Khai thác**

**Tổ**

**Tài chính**

**Tổ CĐCS -LĐTL**

**Tổ Thu phí**

**bến bãi**

**Đội Vận hành**

**TTB**

**Đội An toàn &**

**KSCL**

**Đội Khẩn nguy**

**- PCCC**

* + Giám đốc: Ông Nguyễn Bá Quân
  + Phó Giám đốc :
  + Ông Nguyễn Tài Minh
  + Ông Nguyễn Minh Khôi
* Phòng chức năng :
  + Chánh Văn phòng Cảng: Bà Cao Thị Anh Thư;
  + Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính: Ông Cai Việt Dũng;
  + Phụ trách Phòng Điều hành sân bay: Ông Trần Mạnh Tường;
  + Phó trưởng Phòng An ninh hàng không: Ông Nguyễn Thanh Hùng;
  + Trưởng Phòng Kỹ thuật: Ông Trần Văn Kiên.
  1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách an toàn hàng không.

Ông: Nguyễn Minh Khôi – Phó giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.

Điện thoại: 0913443730

* 1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách an ninh hàng không.

Ông Nguyễn Tài Minh – Phó giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh

Điện thoại: 0919949809

* 1. Tên, chức vụ và số điện thoại của người phụ trách khai thác sân bay.

Ông: Nguyễn Bá Quân – Giám đốc Cảng HKQT Cam Ranh.

Điện thoại: 0903586219

* 1. Các phòngchức năng của Cảng HKQT Cam Ranh.
* Chánh Văn phòng Cảng: Bà Cao Thị Anh Thư;
* Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính: Ông Cai Việt Dũng;
* Phụ trách Phòng Điều hành sân bay: Ông Trần Mạnh Tường;
* Phó trưởng Phòng An ninh hàng không: Ông Nguyễn Thanh Hùng;
* Trưởng Phòng Kỹ thuật: Ông Trần Văn Kiên.

1. Hệ thống quản lý an toàn

Tài liệu hệ thống quản lý an toàn được điều chỉnh, bổ sung thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1B.